

8°
INDO-CHINOIS
1448

Một trăm năm đất khách, quê người.

SU' KÝ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 12819

NGU' ỜI ANNAM CŨ
Ở NƯỚC XIÊM

TÁC GIẢ : HOÀNG-PHỦ HOA-HUỆ

✻ In lần thứ nhất ✻

(*1er mille*)

Giá : 0\$60



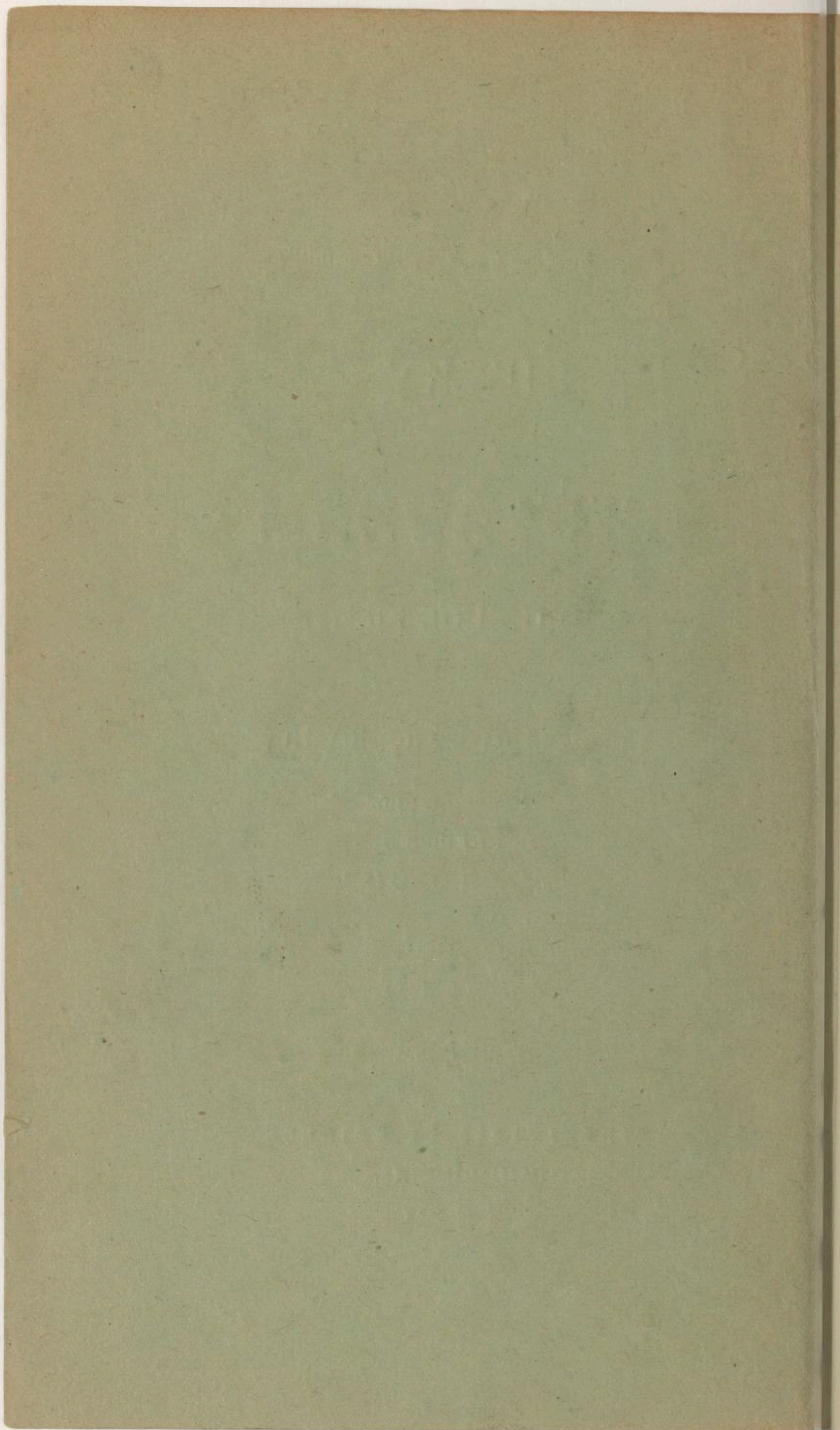
IMPRIMERIE DE QUINHON

QUINHON (Annam)

✻ 1930 ✻

©

1448



SỬ KÝ

NGƯỜI ANNAM CŨ Ở NƯỚC XIÊM

•Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người góp nhặt Huỳnh Chiếu Đăng)•

80. Indoch.

1448

SỰ KỶ

NGƯỜI ANH MỸ Ở NƯỚC XIÊM

Handwritten text, possibly a signature or name, appearing faintly in the lower right quadrant of the page.

Một trăm năm đất khách, quê người.

SỬ KÝ

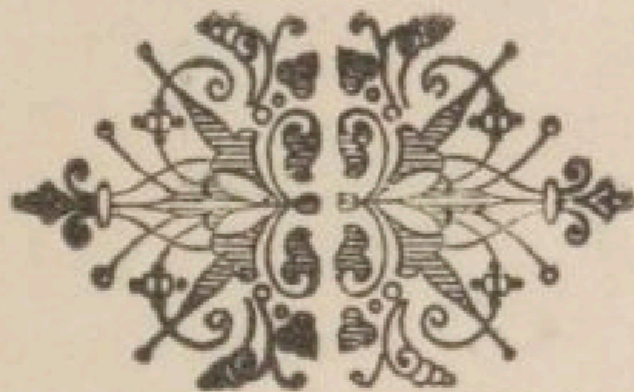
NGUỒI ANNAM CŨ
Ở NƯỚC XIÊM

TÁC GIẢ : HOÀNG-PHỦ HOA-HUỆ

✦ In lần thứ nhứt ✦

(*ler mille*)

Giá : 0\$60



IMPRIMERIE DE QUINHON

QUINHON (*Annam*)

✦ 1930 ✦



Một trăm năm đại khách, đại người

Kính tặng.

Kính tặng quyển sách nhỏ này

Cho ông Quang Lộc Tự Khanh Huỳnh-Phúc-Lợi Michel

*Gọi là chút quà mọn dầu tay của con cháu nội gái
đang du học ở nước ngoài.*

Calcutta, ngày 1^{er} Avril 1930.

TẶC GIẤY : HOÀNG-PHÚ HOA-HUỆ

MARIA HOA-HUỆ

NỮ VIỆT SINH.

GIẤY : 0260

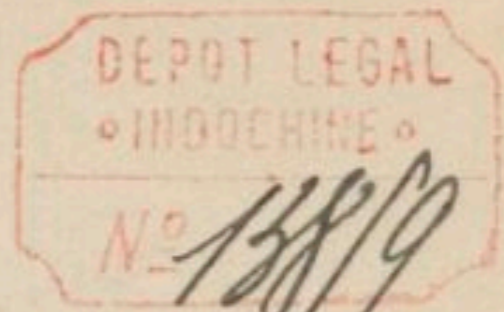


IMPRIMERIE DE QUINON

(Quinon) QUINON

1930





Một trăm năm đất khách, quê người.

TỰA.

Một trăm năm trời đối với Càn-khôn thế-giới thời như hột cát rơi trên rìng Sahara ; giống giọt nước rớt giữa biển Pacific ; nhưng đem ba vạn sáu ngàn ngày mà sánh với nhơn vật, thì nó lại là một khúc đàn dài thăm-thẳm ; là một ngọn núi cao chát chông những đoạn sử ký ly kỳ, có đủ cả vui buồn, giận lo, thương ghét.....! Gẫm thế sự một trăm năm không phải là ít, thế mà một cảnh dân Việt kia đã vì sự áp chế tinh thần, vì việc bó buộc tín ngưỡng ; mà phải bỏ xứ lìa quê đem thân qua ngụ nhờ nước Xiêm kể có hơn chín mươi năm rồi, mà Vua ta, Dân ta ở tại đất nước quê nhà, vẫn im lìm như tuồng không hay, không biết đến mấy muôn người đồng chủng của ta ở nước Xiêm đang khao khát ước trông cho dựng đảo hồi hồn thổ, dường như dân Giudêu xưa ở nước Êgyptô hằng tưởng nhớ đến đất Ca-na-an vậy.

Đồng bang của ta đang lưu lạc xứ người còn nhớ đất nước ông bà Nam-Việt, mà ta đây lại không suy tưởng đến họ chút nào sao ? Chắc rằng người đồng bang Nam-Việt ta, ai ai cũng muốn biết sự tích và công cuộc của dòng giống ta ở nước ngoài là người Annam cũ ra làm sao, nên em mới làm bạo chép liều ra đây một trang sử ký của người Annam cũ ở Sám-sên tại kinh thành Bangkok để hiến quý vị đồng bang ta xem chơi cho biết ; rồi sau em sẽ lần lần chép luôn cả sự tích các người Annam ta đang lưu lạc ở những nơi khác nữa. Vậy rúi có đều chi sơ suất, thời xin quý vị độc giả chỉ bảo cho em và xin miễn chấp.

Maria HOA-HUY.

02-01-1881

[Handwritten signature]

Một trăm năm đầu khách, quá người.

TỰA.

Một trăm năm trôi dạt với Cáo-khẩu thế-giới thời như
 một cái rơi trên rừng Sahara; giống giọt nước rơi giữa biển
 l'acide; nhưng hình sa vẫn vẫn ngày mà sánh với như
 một giọt nước rơi trên cát. Một trăm năm là một ngày
 trong cái thời gian của vũ trụ kỷ, có đủ cả vui buồn,
 giận lo, thương chết... Một trăm năm sự một trăm năm không
 phải là li, thế mà một trăm năm Việt-kia đã vi sự chết sinh
 thân, vi việc bỏ nước thì người; mà phải bỏ xứ thì quê hương
 thân phụ như nước Xiêm để bỏ non chín mươi năm rồi,
 mà Vua ta, Dân ta ở lại đất nước quê nhà, vẫn tìm tìm như
 trong không bay, không biết đến mấy muốn người đồng chủng
 của ta ở nước Xiêm đang khao khát nước trong cho dạng đảo
 bởi bốn bề, đương như dân Giuđê xưa ở nước Egypte bằng
 lương nhờ đến thì Ca-na-an vậy.

Bỗng bang của ta đang lưu lạc xứ người còn nhớ đất nước
 ông bà Nam-Việt, mà ta đây lại không suy lương đến họ chết
 nào sao? Chẳng rằng người đồng bang Nam-Việt ta, ai ai cũng
 muốn biết sự hiệp và công cuộc của đồng hương ta ở nước
 ngoài là người Annam cũ ta làm sao, nên em mới làm báo
 chép lên ta đây một trang sử ký của người Annam cũ ở Siam-
 xưa tại kinh thành Bangkok về tiền đui vi đồng bang ta xem
 chơi cho biết; rồi sau em sẽ lần lần chép luôn cả sự lịch các
 người Annam ta đang lưu lạc ở những nơi khác nữa. Vậy
 thì có đến chi cơ suốt, thời xin đui vi độc giả chỉ bảo cho em
 và xin miễn chấp.

Marie Hoa-Hue

MỤC LỤC

I	Em là con gái Sâm-sen, nhưng em gốc thiệt là người Việt-Nam !	VX 9
II	Xưa kia nước Việt ở đâu, rày sao dân Việt trôi sang quê người ?	IVX 14
III	Đạo Thiên-Chúa truyền tới nước Nam là năm một ngàn sáu trăm mười bốn.	IIIX 18
IV	Tây sơn đuổi Tàu, Nguyễn chúa rước Tây, Xiêm Việt giải hoà, Mên-Lào qui phục.	21
V	Rửa hờn nhà làm oai bắt đạo, thật lòng kính Chúa, con phải theo cha !	24
VI	Buôn cương lên đường thượng lộ ; vái cùng Thiên-Chúa phò hộ nước Nam !	33
VII	Từ đây đất khách quê người, trăm năm nào biết quê mình là đâu ?	36
VIII	Vì ơn Chúa tể nhiệm mầu, khiến nên Thầy ca đến gần ông sư !	44
IX	Đuổi Phà-Mà Đức-Tác lập kinh đô, đặc thế lực anh em Chátkrì phục quốc.	50
X	Linh đình đất khách quê người, làm công cũng giỏi, làm thần cũng xong.	59
XI	Lập công-ty, nhóm Thiên-Địa hội, ra oai lính Annam dẹp giặc Tàu !	66
XII	Hộ giá Hoà thượng lên ngôi, Annam bắn đua với tàu binh Pháp.	70
XIII	Sớ tàu xin dựng đất chùa, nỗ thần lực Annam xây đền thánh.	78
XIV	Giảo-kim bán muối khai giang-san, Annam nấu rượu lập nên sự nghiệp !	88

MỤC LỤC

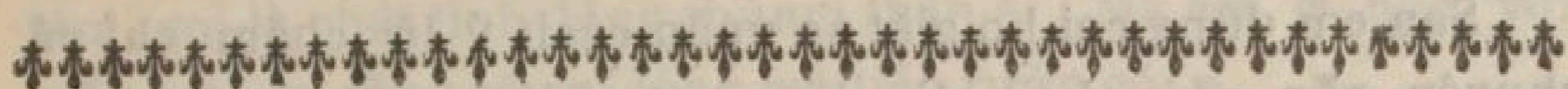
XV	Muốn giao hảo Xiêm đi sứ, gặp dịp may ông Thới viếng quê nhà !	7
XVI	Cây mía ngã, nước vẫn ngọt, xứ người càng lạc, danh mình càng thơm.	92
XVII	Trai Chantaboun, gái Sâm-sên, người Việt-Nam ; xin chớ quên câu « Vật vong tổ quốc ! »	107
		IV
		V
		VI
		VII
		VIII
		IX
		X
		XI
		XII
		XIII
		XIV





MỘT TRĂM NĂM ĐẤT KHÁCH,

QUÊ NGƯỜI.



— I —

Em là con gái Sám-Sẻn ;

nhưng em gốc thiệt là người Việt-Nam !



Tết năm Canh-ngọ vừa rồi, em được dịp đi với chú em là ông Giacôbê qua chơi các xứ Xiêm-Lào và có đi thẳng qua Tây Phương viếng cảnh chùa Brahma bên xứ ông Rabindranath Tagore nước Ấn độ.

Lúc em còn du lịch bên xứ Xiêm (Siam), thì em đã được hân hạnh tiếp kiến nhiều người Annam cũ danh-giá và đã được đi xem nhiều nơi, nhiều chỗ của người Annam cũ ngụ. Có một lần em nghe nói ở làng Sám-Sẻn thuộc về Amphơ Đusít ở tả ngạn sông Châu Phya (Ménam), phía tây bắc kinh thành Bangkok ; là nơi người Annam cũ đã lập thành một xóm Annam phong phú có đủ nhà thờ, nhà dòng, nhà phước và trường học nam và nữ dạy đủ cả tiếng Xiêm, tiếng Hồng-Mao, tiếng Langsa và tiếng Annam, thì em tìm lên chơi thử xem chơn giả thề nào.

Vậy khi em lên đến làng Sám-Sẻn, coi nhà thờ Công-giáo, đoạn đi dạo quanh quần cùng lối xóm Annam và xóm Cao-Mên, rồi mới đi thẳng ra bờ sông Châu Phya (Ménam) trước mặt nhà thờ để ngắm cảnh xem sông ; thì gặp hai người thiếu nữ Xiêm đem đồ xuống bến giặt. Ban đầu em thấy hai cô

thiếu nữ ấy bận y phụ : Xiêm, thì em tưởng họ là người Xiêm không hiểu tiếng nói Việt-Nam của em và em cũng không sao nghe đặng lời nói líu lo của họ ; nên thấy nhau thời chỉ biết lấy mắt đưa tình nhìn nhau thôi, chớ nỡ biết nói gì !

Sau em đứng coi họ giặt áo quần cách ý tứ chăm chỉ và chuyện vãn với nhau dịu dàng vui vẻ lắm, thì em mới men lần tới gần họ. Không hiểu họ nói chuyện gì mà thấy mặt cô thiếu nữ lớn, chạc độ mười lăm, mười sáu tuổi ; điệu cười tươi như hoa nở, mắt liếc lạnh lùng và hữu tình lắm, làm cho em thấy phải than thầm rằng : « Bạn gái với nhau, mà mình thiệt hững hờ quá ! Phải chi đừng có việc con cháu ông Noe xây tháp Babel xưa, thời đâu có sự lạt lẽo như vậy ! Phải chi hai cô này là Annam, hay là mình là người Xiêm thì chị em ta chuyện vãn với nhau vui thú biết dường nào... ! »

Cô thiếu nữ ấy nghe em than vậy, thì mỉm cười và đáp bông lông lại rằng : « Chị em ta chẳng phải là người ở nước Annam, chớ ai nói tiếng Annam, thì ta cũng nghe đặng ; nhưng đã biết ai tri âm đó, hầu có mặt mà với ai ? »

Nghe câu nói hữu tình, mừng quá, em liền bước tới khít cô thiếu nữ ấy mà nói rằng : « Chào chị, nãy giờ thấy chị vui vẻ, em muốn hỏi thăm, ngặt vì tiếng tăm không hiểu, nên em phải òm tiếng ơ hờ, xin chị miễn chấp và nói cho em biết : vậy chị có phải là người quý phái Xiêm-La hay là gốc cây Nam Việt đó ? Sao chị lại hiểu đặng tiếng nói mẹ đẻ của em vậy hở chị ? »

Cô thiếu nữ ấy nghe tôi hỏi liền dẹp đồ, đứng dậy đáp lễ, chúm chím cười và nói cách nhún nhàng rằng : « Kính chào cô quý khách đang xa và xin cô xá lỗi, nãy giờ em thấy cô đi giày cao gót, bận đồ Âu phục, em đã ngộ nhận cô là người quý phái Lang-sa hay là Anh-Mỹ ; em mới cam thất lễ, phải chi em biết được cô là nữ nhi nước Việt, thời em đã chấp tay

thủ lễ và kính trọng cô như bực chị hai của em rồi. Em đây là con gái Sám-Sến, nhưng em gốc thiệt là người Việt-Nam. Nếu cô không chê nhà em thấp hèn, thời em lấy làm hân hạnh rước cô luôn bước đến nhà em dùng tạm một chén trà đồng tâm, gọi là chút tình đồng chủng, thân ái ! Má em ở nhà với mấy em em cũng sẽ vui lòng mà tiếp rước cô. »

Nói đoạn cô thiếu nữ ấy liền biểu cô em chịu khó ở lại đó giặt một mình, để cô ta đưa em về nhà cô chơi cho biết. Cô em liền nhận lời một cách vui vẻ mà rằng : « Vâng, chị cứ đề mặc em, xin chị cứ mời cô quý khách về nhà nói chuyện chơi với má, một lát em sẽ về tiếp với chị. » Cô chị liền ngó em và nói tiếp rằng : « Đây là em thứ ba của em, tên nó Dara Maria ; Dara tiếng Xiêm là ngôi sao, Maria là tên thánh bồn mạng ; còn em đây là Kùlap Têrêxa ; Kùlap tiếng Xiêm là hoa hường, Têrêxa là thánh bồn mạng của em. » Em nghe họ đã xưng tên cho em biết thì em cũng lật đật đáp rằng : « Cám ơn hai chị, em đây là Hồng-bải-Đường, thánh hiệu là Gioan-Đa (Jeanne d'Arc) ; hai chị đã có lòng tưởng đến em, thì em xin theo chị Kùlap Têrêxa về trước ra mắt linh mẫu và mấy chị ở nhà rồi chị Dara Maria về tới sau sẽ nói chuyện chơi cho vui. »

Cô Kùlap Têrêxa đưa em đi quanh một lát thì tới nhà cô ấy ở bên rạch gần nhà một ông thầy thuốc Xiêm, gốc người Annam Chantaboun. Em vô nhà xem thấy cách bài trí nửa Xiêm, nửa Chêc và có chưng bàn thờ Rất Thánh Trái Tim ở giữ nhà, thì em nhận được ngay đó là dấu tích người Annam cũ. Cô Kùlap Têrêxa vô nhà giới thiệu em cho má của cô và mấy người em cô biết, thời má cô ấy ra tiếp em một cách rất ân cần vui vẻ. Má cô Kùlap Têrêxa diện mạo hiền hậu người là một bà Việt-Nam gốc tỉnh Longxuyên (Namkỳ) về hạt Cù-lao-giêng, dòng dõi sang trọng và đạo đức có tiếng khắp miền ấy.

Vô nhà ngồi chơi uống nước đoạn, má cô Kùlap Têrêxa mới biểu em rằng : « Không mấy thuở có người tử tế ở bên Annam qua chơi, đàn ông đã hiếm hoi ít có, mà đàn bà con gái danh giá như cô em, thì thiệt là không thấy tới, vậy tôi mời cô em ở lại đây chơi với mấy mẹ con tôi ít bữa cho vui. » Cô Kùlap Têrêxa lại nói tiếp nữa rằng : « Không mấy thuở gặp người tử tế như chị, vậy xin chị hãy ở đây chơi với mấy em và nói chuyện nước Annam cho má em nghe với, đã lâu ngày má em muốn biết rõ tin tức của quê nhà, ông bà, xứ sở, mà chẳng có ai bàn giải cho hết. Phần em đây, thì em lại ao ước sao được gặp người trí thức như chị đặng em hỏi cho biết chút lịch sử nước nhà, kéo đẽ gặp chị em bạn Xiêm của em họ cứ hỏi cạnh hỏi khoé em rằng : sao người Annam không có sử ký...! » Em thấy cô Kùlap Têrêxa và má cô ấy thiệt tình quá, cảm lòng không đậu, nên em phải nhận lời ở đó chơi cho tới chiều. Nói chuyện một lát thì cô Dara Maria đi giặt về, cô lật đật đem đồ đi phơi xong rồi, xuống bếp dọn cơm trưa đem lên mời má cô, mời em và mấy chị em cô dùng bữa đặng có nói chuyện cho lâu dài và cho vui hơn nữa.

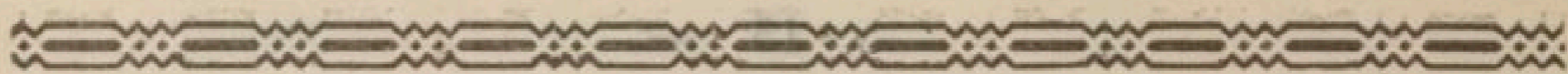
Vì em muốn biết qua lịch sử của người Annam cũ ở xứ Xiêm, nên em phải chịu theo ý họ đặng có nhờ họ nói cho em biết sự tích ông bà của họ đã lưu lạc qua Xiêm gần một trăm năm nay.

Trong buổi ăn thì cô Dara Maria cố nài nỉ em nói cho cô ấy biết đôi chút về nước Annam và đã nói với em những lời như vậy : « Chị Gioan Đa ơi, các em của chị đây sinh tại nước Xiêm và không được ăn học như con gái Nam-Việt ở nước nhà, nên chị em em, nói không đàng, chớ thiệt thì không ai còn biết nói giống tổ tiên, xứ sở, nước nhà là cái chi chi nữa hết ; ngbĩ thiệt đau, thiệt tủi, và thiệt mặt cỡ với con gái nước Xiêm, nước Chêc lăm. Vậy xin chị

bầy mở lòng rộng rãi mà nói qua qua cho các em biết vậy
chớ nước Annam và dân Annam là nước nào và là giống
nào, sao em học địa dư với sử ký vạn quốc, mà em không hề
thấy nói tới tên nước Việt và người Việt vậy chị ? » Em nghe
hỏi như vậy thì như ai khưi, ai gheo trong cái não đa cảm đa
sầu của em, khiến nước mắt em ở đâu liền tuông ra cuộn cuộn
và ngực em phất uất tức lên dường như trái tim của em nó
muốn bứt tháo các xương ngực mà nhảy ra ngoài vậy !

Má cô Kù Lạp Tê rê xa và mấy chị em cô Dara Maria thấy
em nghe hỏi đến sử ký nước nhà mà sanh lòng uất tức như
vậy, thì lấy làm ngạc nhiên quá sức và không hiểu làm sao
mà nước mắt của họ cũng đua nhau chảy ra tràn trề trên
những cái mặt ngọc, mặt hoa rất tươi tốt dịu dàng của họ
vậy ! Em rón gạt nước mắt rồi và lia lia mấy và com nuốt
trọng dặng đê hơi tức xuống, rồi mới nói qua loa về sử ký
nước nhà cho họ nghe như vậy :





— II —

Xưa kia nước Việt ở đâu ?

Rày sao dân Việt trôi sang quê người ?

« Cứ theo sử ký vạn quốc và địa dư học mà khảo xét ra thời dân Annam xưa là ròi giống của một tộc dân săn bắn gốc ở trung tâm châu A-tế-ả tràn lần qua các đồi núi Hy-ma-la-gia, băng qua miền Tây-Tạng, mà chiếm lấy các lũng đất bằng ở phía tây nam nước Trung-Huê bây giờ. Độ chừng năm ngàn năm trước đây, thì tộc dân săn bắn và phiêu lưu ấy đã lập thành làng, thành xóm ở những nơi bờ sông, đất tốt và đã khỉ sự trồng trỉa các thứ lúa, bắp, kê, đậu, và nuôi súc vật mà sanh phai. Trong những tộc dân săn bắn mọi rợ đó, thì có một dòng lớn mạnh mẽ và bạo dạn hơn hết là quân Việt, tiếng Chêc kêu là Yuăng, nên người Xiêm cũng cứ tiếng Yuăng hay là Duăng mà kêu người Annam bây giờ. Quân Việt hay là Duăng đó mới lập thành mường Duăng và chiếm bề làm anh chị cả các giống người khác cùng ở phương tây lại đó và lấn bới luôn cả người bôn thồ ở miền ấy nữa. Nếu xét kỹ các nơi di tích của quân Việt xưa thì nước Việt bây giờ ở tại tỉnh Chiết-Giang, Quảng-Tây và Quảng-Đông nước Trung-Huê. Hiện thời tỉnh Quảng-Tây và Quảng-Đông còn giữ tên là Việt-Tây và Việt-Đông; khuôn mặt người Quảng-Đông lại giống in người Annam và bản tính khôn ngoan tinh xảo cũng giống nhau nữa. Cuối đời vua Thần-Nông trị vì nước Trung-Huê thì có một người cháu vua Đế-Minh là chắt vua Thần-Nông, lấy hiệu là Hùng-vương làm vua chung cả nước Việt và truyền

ngôi cho con cháu luôn mười tám đời, trị vì hơn hai ngàn năm trăm năm trước Chúa giáng-sinh. Đến gần cuối đời Hùng-vương thì nhà Châu cướp đặng nghiệp bá, làm Hoàng-đế cai trị cả mười tám nước chư hầu. Bấy giờ các dân tộc nước Việt mới phân rẽ nhau ra, kẻ thì ở lại bôn thồ, kẻ thì bỏ xứ kéo nhau di xuống phía nam. Quân Việt kéo về phía nam chiếm lấy các miền nam tỉnh Quảng-Tây và các nơi thung lũng xứ Bắc-kỳ mà lập thành một nước riêng gọi là nước Văn-Lang, Âu-Lạc hay là Việt-Nam; mà dân chánh nòi là dòng Giao-chỉ. Còn các dòng khác gốc cũng bởi nước Việt xưa, như là dân Mán, dân Thồ, dân Lào, dân Xiêm vân vân; thì họ lại tràn qua phía tây nam doi đất Đông-Dương mà lập thành các nước Xiêm, Lào, Lự, Mán.

Các dân tộc ở cõi Đông-Dương kể từ doi đất Ma-lạc-kha vòng lên địa giới nước Diển-Điện, (Xiêm kêu là Phã-mà, tây kêu là Birmanie) cả nước Xiêm (Siam) rồi bao cả tỉnh Vân-Nam (Yunnan) tỉnh Quảng-Tây (Quangsi) tỉnh Quảng-Đông (Canton) tỉnh Chiết-giang (Tchékiang) và Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ với Cao-Mên (Cambodge), gốc bởi nước Việt mà ra, nên thấy đều có bà con không gần thì xa, không xa thì gần; chớ chẳng phải ai xa lạ, khác giống, khác nòi đặt biệt như người Âu-Mỹ đối với dân mọi châu Phi, châu Á đâu, mà chúng ta hòng khắt mắt dè dũi nhau, như kẻ nghịch thù. Chúng ta đã là con cháu A-dong, lại là một giống của dòng A-bê-lê, đã bị áp chế từ thuở ban sơ, thì chúng ta hãy biết âu yếm, bao bọc và giúp đỡ, chở che cho nhau, thời mới có thể mà bảo tồn nòi giống nước nhà đặng. Nếu ta mà cứ thói xéo xắt nhỏ mọn, khôn nhà đại chợ mãi, không biết chuộng cái nghĩa hiệp quần, cái tình thân ái; thì nước ta, dân ta ắt phải đời đời không bao giờ tự cường tự lập đặng.

Mấy chị hãy nghĩ coi cái chí khí dân Việt-Nam của ta có

giỏi, có tài không? Nghĩ thiệt thì nòi giống của ta không phải là hèn vậy! Kể từ lúc tổ tiên ta lập nên nước Việt tới cuối đời Hùng-Vương được ba ngàn năm và từ Hùng-Vương tới nay thì được hơn hai ngàn năm nữa, thế là nước ta đã thành lập được năm ngàn năm rồi. Địa giới nước Việt ta mà kể cả từ trước tới sau, thời nó rộng lớn biết chừng nào! Chị Đara Maria hãy lấy tấm địa đồ châu Á-tế-á ra đây rồi lấy viết chì xanh mà quét vòng những tỉnh thành xưa của người Việt ở bên Trung-quốc và xứ Đông-Dương bây giờ coi thử nó có lớn bằng mấy nước Anh nước Pháp không? Nếu dân Việt mà biết cư xử với nhau khôn khéo như người Hiệp-chúng-quốc ở phương A-mỹ-lợi-gia, thì nước Việt ta được sức lực, đông đảo và mạnh mẽ có thua gì ai đâu?

Nhưng khốn rồi! chỉ vì cái chủ nghĩa « miếng thịt làng bằng sàng thít chợ »; mà dân ta quá chuộng cái hư danh vô vị, nên đã sanh ra cái thói cạnh tranh dã man, khiến anh em một nhà bôi mặt đánh nhau, người trong một xóm vác bèo đập nhau, rồi đến dân trong một lĩnh, một nước đánh nữ cấn-rút xâu xé lẫn nhau đặng tranh cái ghế ngồi trên, cái ngồi ăn trước, đến rồi dân phải tan, nước phải mất; làm cho cái nước Việt-Nam hùng dũng kia phải nội thuộc nước Trung-Huê từ đời nhà Hán năm Canh Ngọ là năm một trăm mười một sau Chúa giáng-sinh cho tới đời nhà tiền Lý đánh đuổi được quân Chệt và phục được nước là năm 549; nhưng đến năm 602 thời vua chót nhà Lý là Lý hậu Đế-Phật-tử không đủ trí lực tự chủ, nên đã qui phục nhà Tùy nước Trung-Huê làm cho dân Việt lại mất nước cho tới năm 939, là buổi nhà Đường mất ngôi Thiên-Tử — Thừa thế dân Việt lại phục quốc tự trị từ đời Ngô-vương Quyền, 939, tới cuối đời nhà Trần là năm 1413. Từ Ngô tới Trần, thì có nhà Đinh lên làm vua từ năm 965 tới 979, nhà tiền Lê lên ngôi từ năm 980 tới 1010; và nhà hậu

Lý lên cầm quyền cho tới năm 1225. Trong đời nhà hậu Lý trị vì thì dân Việt đã chiến thắng được nước Chiêm-Thành và mở rộng nước ra nhiều lắm. Đời nhà Trần thì có danh tiếng đánh đuổi được quân giặc Mông-cò ra khỏi nước và đã phục được quân Chiêm-Thành.

Nước Việt bị quân Chêc bắt từ năm 1413 tới năm 1418 thì có ông Lê-Lợi khởi nghĩa đánh đuổi quân Trung-quốc lấy lại nước và lên làm vua cùng truyền nối cho tới năm 1793 là đời nội loạn các nhà Trịnh, Mạc, Nguyễn thay nhau mà soán ngôi, trị vì cho tới nhà Nguyễn-Phước đắc công toàn thắng cả các đảng phái nghịch khác. Trong đời nhà Lê thì nước Việt ta đã lập thành một nước văn vật giàu có và mạnh mẽ theo cách văn minh phương Đông có thể so sánh với các nước Trung-Huê, Ấn-độ và đã có đôi phen vùng vẫy một cõi trời nam, khiến nhiều nước chư hầu lân cận đã phải trọng phục kính vi. Các nước châu Âu đã lom lem qua buôn bán làm quen và giảng dạy đạo lành Giêsu Thiên-Chúa. »

— III —

Đạo Chúa truyền tới nước Nam là năm
một ngàn sáu trăm mười bốn.

Nói đến đây thì cô Kùlap Têrêxa hỏi hốt ngang rằng :
« Xin lỗi chị, mình là con nhà giáo hữu, vậy em ước ao sao
đặng chị nói qua gốc tích sự truyền đạo Thiên-Chúa vào nước
ta cho chúng em nghe chút, thời công quả của chị em xin tạ
ạ ghi xương đó chị ! » Thấy chị em họ tọc mạch thời em lại
phải nói tắt qua việc giảng đạo Thiên-Chúa vào nước Annam
như lời ông E. Quyền đã dạy em học lúc xưa rằng : « Về lối
giữa đời nhà hậu Lê trị vì nước Annam, nhằm năm 1614 là
lúc bên nước Nhật-Bồn có lệnh hoàng đế truyền đuổi các
người Tây giảng đạo ra khỏi nước, thì có ít thầy cả dòng
Giêsu người Bút-tu-gê (Portugais) và người Ý-đại-lợi (I-
talia) ghé vào thăm chơi (Đà-nẵng cửa Hàn, Tây kêu là Tou-
rane). Đến năm 1624 thì có Cha Alexandre de Rhodes ghé vào
nước Annam và khởi sự giảng đạo, lúc thì ở Bắc-kỳ khi thì vô
Trung-kỳ. Cha Alexandre de Rhodes thật đã đáng gọi là Tông-
đồ nước Annam, như thánh cả Phanxicô Xavie là Tông-đồ
nước Nhật-Bồn vậy. Cha Alexandre de Rhodes chẳng những
là Tông-đồ nước Annam, mà người lại là Tồ sư chữ quốc
ngữ Việt-Nam nữa. Nhờ người mà dân Annam khỏi phải
mượn chữ Chêc, chữ Tây làm quốc tự ; nhờ người mà dân
có đạo được những sách vở đạo lý và kinh nguyện viết bằng
chữ quốc ngữ dễ học dễ hiểu. Chị em ta nên cảm ơn người
và cũng nên quyên giúp vào việc dựng hình kỷ niệm người

ở Hà Nội bây giờ. Cha Alexandre de Rhodes là người Bút-tu-gê rất hơn từ đạo đức, có lẽ một ngày kia Hội-thánh sẽ phong chức Á-thánh cho người. » Cô Dara Maria nghe em nói thêm câu ấy, liền bực miệng nói rằng : « Em ước gì Cha Alexandre de Rhodes được phong Á thánh, mà cho đặt phong chức thánh thì phải có phép lạ, vậy ước chi Cha Alexandre de Rhodes làm phép lạ cho xóm con nhà giáo hữu Annam Sám-sẻn được nên rõ ràng đông đảo phong phú, một ngày một hơn và ước sao Cha Alexandre de Rhodes xui lòng một nhà đạo đức ở bên Annam tình cờ qua chơi nước Xiêm mà giúp cho họ Sám-sẻn được xây lại một ngôi nhà thờ mới đẹp đẽ như nhà thờ Đức Bà ở xóm Chệc vậy, thì phép lạ của Cha Alexandre de Rhodes không phải là nhỏ đâu, mấy chị nghĩ sao? »

Cô Kùlap Têrêxa và em đều khen hay và cũng nguyện như vậy. Rồi em lại nói tiếp rằng : « Năm 1659 Cha De la Motte Lambert lên chức Giám-mục coi địa phận Trung-kỳ và Đức Cha Pallu thì coi địa phận Bắc-kỳ, đó là hai đấng Giám-mục đầu tay của dòng sai là một hội lập ra để đi giảng đạo ở các nước ngoại giáo phương Đông. Trước thì các Cha thuộc về dòng Giêsu, dòng Thánh Phanxicô và Dòng-sai đều hiệp với nhau mà chung lo việc giảng đạo, nay đã lập ra riêng mỗi dòng coi riêng một địa phận khác nhau. Hiện thời các đấng thầy cả ở cõi Đông-Dương đều thuộc về dòng sai.

Ở Bắc-kỳ còn ba địa phận thuộc về dòng ông thánh Đôminicô người Iphanbo cai quản. Năm 1625 Cha Tissanier dòng Giêsu tới xứ Bắc-kỳ, thì thấy ở đó đã có gần ba chục muôn người giữ đạo rồi. Các bậc trong nước, từ triều đình các quan lớn cho tới lính tráng, dân hèn, đều có người giữ đạo Thiên-Chúa sốt sắng. Trong Trung-kỳ người ta còn thưa thớt, nên bôn đạo cũng chưa có là bao nhiêu, nhưng lúc ấy đếm thời cũng được bảy tám muôn giáo hữu. Năm 1741

Cha Siébert thuộc dòng Giêsu làm thầy dạy toán học cho vua, nói rằng : xứ ấy lúc đó được sáu muôn bốn đạo cũ.

Song thương thay ! Hội-thánh Annam chẳng mấy khi được bằng yên cho bền ; nhiều phen phải cấm triệt, Bắc-kỳ cũng dữ, Trung-kỳ cũng bung : các thầy giảng đạo phải đuôi, nhà thờ phải triệt hạ, đốt phá ; bốn đạo phải gông cùm khò sỏ. Trong những cơn cấm cách bắt buộc ấy, nhiều người đạo mới, đức tin chưa vững, nên đã bỏ Chúa chối đạo ; mà cũng chẳng hiềm chi kẻ bền lòng chịu khó và vui mừng chịu chết vì đạo. Có ai ngờ đâu ngày nay em lại được cái hân hạnh ngồi nói chuyện với con cháu những đấng anh hùng tử vì đạo như vậy ! »

Cô Dara Maria nghe em nói thì chúm chím cười và mắt cô liếc xem có vẽ tự đắc lắm. Má cô Kùlap Têrêxa liền chấp tay ngó lên bàn thờ mà nguyện rằng : « Lạy thánh Tử vì đạo Phêrô Phaolô Quý xin thánh cả thương xót dân Việt-Nam và phù hộ cho đoàn con cháu này, nhưt là phù hộ cho cô Nữ Việt Gioan Đa là người nữ nhưt đã đến an ủi chúng con. Amen. » Em nghe câu nguyện đó mới hay chủ nhà là dòng dõi của Thánh tử vì đạo Phêrô Phaolô Đoàn-Công-Quý, thì lấy làm vui mừng quá vì lúc em còn ở nước nhà, em có gặp cháu của Thánh tử vì đạo Đoàn-Công-Quý là cha Phaolô Đoàn-Công-Đạt đang coi nhà in ở.....! »



— IV —

Tây-Sơn đuổi Tàu, Nguyễn Chúa rước Tây ;

Xiêm Việt giải hoà, Mên Lào qui phục.



Cuối đời nhà hậu Lê, thì con cháu nhà Trịnh, nhà Nguyễn chia hai thiên hạ ; kẻ làm vua xứ Bắc, người làm chúa miền Nam. Rút cục lại thời nhà hậu Lê mất ngôi vua, nhà Trịnh mất quyền chúa và nhà Nguyễn cũng bị luôn quân Tây-Sơn Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ đánh đuổi phải trốn tránh qua Lào, sang Xiêm.

Trong lúc anh em ông Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ cai trị từ năm 1778 tới 1802 thì quân Tây-sơn đã chiến thắng cả quân Trung-Huê và quân Cao-Mên. Nếu anh em ông Nguyễn Nhạc, Nguyễn-Huệ biết khôn khéo, không có cần rút nhau, đừng bắt đạo Thiên-Chúa và sống lâu lâu một chút thì tưởng nước Việt-Nam ta đã theo kịp chun người Nhật-Bồn và người Xiêm ngay từ đầu thế kỷ thứ mười chín rồi. Song rủi thay cho họ đã xử sự vụng về, lại tàn bạo ngỗ nghịch và tự sát lấy mình nữa, nên phải mất ngôi và chết yểu.

Đời Nguyễn-Phước thì vua Gia Long vì quân Tây-Sơn đánh đuổi mà phải lánh qua bờ cõi nước Xiêm giúp sức cho khôi phục được các tỉnh Nam-kỳ năm 1782 ; đến năm 1783 lại bị bại trận nữa, nên phải tìm đến Đức thầy Phêrô Giám-mục Đàng-trong xin đưa con mình là ông Hoàng tử Cảnh qua Langsa dựng viện binh cầu tướng về chống với quân Tây-Sơn. Phía ngoài Bắc-kỳ thì vua nhà hậu Lê là Lê-Mãn-Đế sai sứ qua cầu cứu bên Trung-quốc. Vua Tàu cũng cho quân qua tiếp ; thế là

trong một buổi mà đã có bốn năm nước Tây, Chêc, Xiêm, Mên, Lào, Mọi cử binh qua phân thây nước Việt ; làm cho dân Việt phải chém giết tán loạn cùng trôi sang nước người là từ hồi đó ! »

Nói vừa dứt lời thì cô Dara Maria lại hỏi tiếp rằng : « Nước mình có đánh giặc với nước Xiêm nữa sao chị ? » Em đáp rằng : « Có, vì anh em vua Cao-Mên khuấy rối làm cho Xiêm Việt đã đánh nhau nhiều lần, mà cũng đã giao hảo với nhau nhiều lần thân mật lắm, như năm 1813 theo hoà ước La-Bích thì nước Xiêm đã chịu nhận quyền nước Annam bảo hộ nước Cao Mên. Lúc vua Xiêm bị nội loạn, thì hoàng tử Xiêm đã qua trú nhờ bên nước Annam và được vua quan Annam trọng đãi rất hậu.

Đáng lẽ thì Xiêm Việt hai nước cùng nhau giao hảo một ngày một thân mật, nghĩa thiết hơn nữa, nhưng bởi cơ hội vì ai trắc trở ngõ ngang, mà xui nên hai nước phải lia bức nhau ra giữa lúc hai bên đang giao hảo mặn mòi, thì em còn phải ghen ngào chưa có thể nói đặng ; chớ em dám chắc rằng người Xiêm, người Việt sao sao cũng còn mối tình lai láng lân bang nghĩa thiết, phải không quý chị ? » Cô Kùlap Têrêxa liền đáp rằng : « Phải, người Xiêm với người Việt vẫn có mối cảm tình thân mật. Nếu không, thì dân ta ở đây đâu đặng như vậy và chị em ta đâu đặng dịp ngồi chuyện vãn ngày nay ! »

Em luôn miệng cũng muốn nói cho chị em họ biết cách cai trị của nhà Nguyễn và của nhà nước Bảo-hộ Langsa nữa, nhưng mở miệng mất quai ; nên em đành phải tạm xếp việc nhà mà hỏi bằng qua sự tích của người Annam cũ ngụ ở xứ Xiêm, nếu sau họ có hỏi gạn tới nữa, thì em sẽ nói tiếp, tính vậy em mới hỏi cô Kùlap Têrêsa rằng : « Thừa chị, nãy giờ em đã kể qua sự tích nước Việt và dân Việt cho chị nghe rồi, vậy luôn dịp đây, em xin chị hãy nói cho em biết qua việc người

Annam cũ ở xứ Xiêm, rồi chị muốn hỏi chuyện gì, thì em sẽ kể hết cho chị nghe như ý. »

Cô Dara Maria liền nói hớt rằng : « Câu chuyện sử ký An-nam chị nói chưa hết, em còn ao ước biết cho rõ vì sao nước Việt phải tan, dân Việt phải nát như ngày nay, mà chị lại nín ngang đi, thì tức quá ! » Cô Kùlap Têrêxa liền đỡ lời rằng : « Dara, em chớ nóng quá, chị Gioan Đa nói nãy giờ đã hơi mệt rồi, vậy đề chị kể chuyện ông bà mình ở xứ Xiêm cho chị Gioan Đa nghe, rồi mình sẽ xin chị nói tiếp nữa nghe cho thỏa thích, chớ chị đây cũng tức về khúc sử ký sau đó lắm ! » Nói đoạn cô Kùlap Têrêxa ngó em mà cười nụ rồi lấy bánh và nước trà mời em và nói rằng : « Chị Gioan Đa giỏi khoa trước thuật quá, em rất khen tài hùng biện của chị ; phải chi em được ăn nói trôi chảy như chị, thì câu chuyện của em sẽ kể cho chị nghe, mới có thú vị ; chớ còn ăn nói què kịch như em đây, thời e không khéo em lại làm nhỡn tai quí báu của chị đó thôi ! »

Em nghe lời nói nhũn của cô Kùlap Têrêxa thì cho thiệt đúng với câu : cảnh quê, chớ người đâu có quê ! Em mới đáp rằng : « Chị Kùlap chớ khéo bạ mình quá mà khen em như vậy. Câu chuyện thế nào, thời xin chị hãy thả ngọc phun châu ra cho em dặng cái bản hạnh tiếp lấy những lời vàng tiếng ngọc của chị ! » Cô Kùlap mỉm cười rồi kể chuyện cho em nghe như vậy :





— V —

Rửa hờn nhà, làm oai bắt đạo ;

Thật lòng kính Chúa, con phải theo cha.

« Cuối đời Gia-Long thì trong triều nước Nam đã sanh ra nhiều đều Lương Giáo bắt hoà vì những việc riêng bởi kẻ thời binh ông hoàng Cảnh, người lại trọng ông hoàng Đảm. Rủi cho Đức ông Cảnh bất hạnh chết non lúc con ngài còn nhỏ và lúc bình sanh ngài lại hay thân mật với các quan người Langsa và Đức thầy Phêrô là bạn thiết của ngài và các tướng tá có công khai quốc của cha ngài là vua Gia-Long. Ngài có lòng mộ đạo Thiên-Chúa lắm, tưởng ngài đã được chịu phép Rửa tội trước khi sinh thì.

Theo thói phép nhà vua thì con ngài được kế vị Đông-Cung Thái Tử của ngài và con ngài là cháu đích tôn vua Gia-Long thì cũng được kế ngôi thiên tử nữa ; nhưng rủi con ngài còn nhỏ quá, mà ông hoàng Đảm tài đã khôn lớn có vẻ thông minh, lại có công giúp vua Gia-Long dẹp giặc Tây-sơn và là con cưng của vợ hầu yêu của vua Gia-Long nữa ; nên Đức ông Đảm được thế ngôi Thiên-Tử.

Bấy giờ có hai quan Thống-chế là Nguyễn-văn-Thiêng và Lê-văn-Duyệt can gián vua Gia-Long đừng binh vực cho con Đức ông Cảnh rủi đã không được việc chi, lại sanh ra mối thù oán gớm ghê hại lây đến con nhà giáo hữu và con cháu các quan chức người Langsa và ngoại quốc. Vua Gia-Long bằng rồi thì Đức ông Đảm kế vị lấy niên hiệu là Minh-Mạng. Lúc ấy nước Annam đã có vẻ thanh trị và có hơi mạnh mẽ,

nên vua Minh-Mạng mới sanh lòng quý trọng, tự đắc, tưởng mình là gồm đủ tài năng anh hùng cả thế, và tưởng nước mình đã đến cực điểm văn minh ; tự phụ tự đắc không cần phải giao thiệp với nước nào dân nào nữa ; nên vua Minh-Mạng mới ra lệnh bãi hết các quan người ngoại quốc và cấm giảng đạo nước ngoài, cùng tự tôn mình lên làm Chúa tể cả sanh linh vạn vật, cầm quyền sống chết muôn dân, khiến ai chẳng kính chẳng phục, lệnh ngài thời chém thời giết, dẫu phải nhà nghiêng nước mất đi nữa, thời cũng chẳng kiêng chẳng sợ chút nào. Vì lẽ ấy mà Đức vua đã xuống chiếu ra lệnh cấm đạo là năm Giáp-Ngọ 1833 là cái năm đáng ghê gớm, nó đã làm cho ông bà em phải xé gan bứt ruột mà bỏ quê cha đất tổ đặng...! ôi... ! » Cô Kù Lạp Tê rê xa nói tới đây, thì rung rung nước mắt, hơi ngực tràn lên nghẹn ngào nói không đặng nữa. Má cô Kù Lạp Tê rê xa thấy cô tấm tức nói không đặng thì biểu cô Dara Maria rằng : « Dara Maria con hãy đọc bức thư ông Tùng cho cô Gioan Đa nghe và cho chị con nghỉ hơi một chút. » Cô Dara Maria liền vưng lời cất tiếng đọc thư của ông Tùng kể qua sự tích như vầy :

« Trước kính lạy thung huyền bá bá,
Sau ngõ thăm huynh đệ bình an ;
Kề từ con dời bước lên đàng,
Chi rất đổi tâm tình lụy hạ ;
Lo mẹ yếu tuổi cao già cả,
Dặm đàng trường, cách trở sơn xuyên ;
E một mai tất quán qui thiên,
Đàng chiều tối sớm trưa khổ hạn ;
Công tưới nước vào phân vun quén,
Nên trái bông chẳng dặng cậy nhờ ;
Thảo biết thân con chưa vẹn thờ,
Lo bởi Chúa liều mình ra sức ;

Đàng hiên hiên thông không tin tức,
Nẻo xa xuôi, khó nổi hỏi han ;
Mấy tháng giêng vô ở đất Nam-Vang,
Bề khổ cực kè sao cho xiết ;
Ngày đòn bọng, đánh không kè chết,
Đêm thương trường, giáo chẳng hở tay ;
Chốn chiến trường cực đã ghe ngày,
Nên con phải liệu kiến cơ nhi tác ;
Liều thân sống, cầm bằng thân bác,
Tưởng rủ nhau trốn đặng mà về,
Chẳng ngờ là vận bất tề,
Mèn bắt đặng nhiều bề thỉm thiết ;
Khi hồi đó tưởng là nó giết,
Phước lại may còn, đã toàn thân ;
Dẫn chia ra cho các Sóc giữ canh,
Cơm ăn phát mỗi người sét chén ;
Chẳng ngờ nó ký tờ giao hẹn,
Qua tháng giêng Xiêm mới kéo ra ;
Bắt Annam đặng bốn trăm ba,
Bèn giao lại cho Xiêm lãnh lấy ;
Nó tính dẫn con về xứ ấy,
Ở nước Xiêm thế cũng muôn ngày ;
Công cưu mang, công rất nặng thay,
Ơu dưỡng dục biết sao báo bồ ;
Xin tác mẹ sống bằng Bành-tồ,
Chớ lo con yếu mọn Nban-hồi ;
Lìa thân con, như mẹ chẳng dễ rời,
Dầu còn sống cũng như đã chết ;
Cờ tủng bí, nước đi đà hết,
Chẳng biết đàng lên ngựa, xuống xe ;
Như con nay khó nổi ra về,

Xin mẹ chớ nghĩ lưu như đồng ;
Chẳng biết như tình đoan ngãi trọng,
Người đâu quên tồ đức năm công ;
Con bây giờ như cây cả trôi sông,
Biết bao thuở lai qui hồi cố ;
Con không trách căn, không trách số,
Đeo lấy thắm, nhuộm lấy sâu ;
Thắm sâu kê sao cho xiết !
Đã kê hết mọi lời hơn thiệt ;
Lạy thung đường huynh đệ dặng hay,
Còn hiền thê biểu ký sau này :
Xin tỏ nỗi thân em lao khổ,
Cơn yếu lộ không ai đùm bọc ;
Nước qui đồ chẳng kê đặng đo,
Bơ vơ dường lưới bủa gành sò ;
Đất vơi tợ câu buông bãi hến !
Xưa hăy còn ái ân trứu mến,
Nay dường như vượn nợ lạc bầy ;
Biết no nao cho dặng sum vầy !
Đừng trông đợi quĩ toan bạc ác,
Khuyên em khá khá cầu chốn khác ;
Kẻo phận còn liễu yếu đào thơ,
Chớ trông anh chực tiếc đợi chờ ;
Khi xung yếu một mình phận khó,
Qua chẳng khác như thuyền không gió,
Linh đình đã hết chỗ dựa nương ;
Để muốn chi cho thất thổ vong xương,
Cực chẳng đã phải lưu linh xa cửa ;
Ngày bát ngát nhớ người, nhớ cửa,
Đêm năm canh tủi phận than thân ;
Khá lo trước cho tiện bề gia thất,

Bèo mặt nước khi còn khi mất ;
Biết bao giờ sum hiệp mà chờ,
Thân anh đã chẳng quản nên hư ;
Lo nỗi hậu, duyên loan chích cánh,
Khuyên em hãy an bề với phụng ;
Mà lo cho kịp thì !
Tình anh nay vạ oán, thù lây,
Đừng tưởng chữ xưa lời giao kết ;
May em đặng anh mà có phước,
Cũng nhờ ơn tất dạ thừa nguyên ;
Bằng em có an phận mỗi vừa,
Anh cũng kết thừa nguyên huynh đệ ;
Giấy đoạn, tình dài kể sao xiết mọi lời tự sự,
Bình an hai chữ nhắn gửi thăm em.....!!! »

Cô Dara Maria đọc dứt tiếng, thì cô Kù-lạp cố vuốt ngực, lấy khăn chặm nước mắt, rồi mới nói tiếp rằng : « Ôi, khổ biết chừng nào ! kể sao cho xiết cái đoạn trường vong thân thất thồ, bỏ xứ bỏ làng, lìa quê rẽ bọ cho dễ bề cao phi viễn tâu, hầu cho khỏi chết oan đặng giữ trọn nghĩa cùng đấng Giêsu Thiên-Chúa ! Thời ấy ở Nam-kỳ có quan Tả quân Lê-văn-Duyệt trấn nhậm, ngài là một vị quan võ rất anh hùng ; là một vị quan văn rất công minh chánh trực ; nhờ ngài hiểu rõ sự tình nhà Nguyễn, biết nguyên do cái thù cái tức của vua Minh-Mạng và biết tấm lòng trung nghĩa đạo hạnh của con nhà giáo hữu, nên sắc chỉ cấm đạo của vua ra, thì ngài liền dâng sớ tâu can thiên tử và hết sức che chở cho dân có đạo được khỏi sự bắt bớ bắt công bắt chính ! Trong sớ tâu vua ngài vẫn có lời rằng : « Muôn tâu thiên tử, lệnh chỉ tôn đối với thần dân dường như tình mẫu tử, dân trong một nước là con chung của Thiên-tử, dầu Lương, dầu Giáo, hay là thuộc phái đạo nào đi nữa, thì cũng là con nhà Nam-Việt, một

lòng trung quân hiếu tử hẳn hoi. Con cũng đồng con, thời lệnh Thiên-tử nữ nào mà truyền dạy giết kẻ này bắt kẻ khác, mà an lòng cho đặng ! Sự lương tâm tin ngưỡng là thiên tính của Trời của Phật phú cho, nên phận làm người phải có, đạo nào cũng là vậy. Đạo nào thì cũng khuyên lành răn dữ. Đạo càng cao lòng người càng tốt, mà dân giữ đặng đạo tốt, thì nước mới an ; thiên hạ mới thái bình ; dân gian mới có người nghĩa khí ; vậy nên thần cúi đầu Thiên-tử, xin lệnh muôn năm hãy xuống ân, sắc cho thiên hạ được tự do tin ngưỡng, ấy là mưu sự hạnh phúc cho nước nhà đó ! »

Tuy có lời tâu can gián xin với Đức-vua đừng bắt đạo Thiên-Chúa của nhiều vị trung thần nghĩa sĩ như quan lớn Lê-văn-Duyệt mà Đức-vua cũng không nghe, quyết một lòng trả trọn thù xưa, nên cứ hạ lệnh bắt đạo thẳng tay, khiến người chết oan vô ngần vô số ! Dân có đạo ở các tỉnh đàng ngoài, đàng trong bị bắt bớ quá sức, phải trốn tránh nhiều nơi nhiều xứ, có kẻ đã trốn sang Tàu, người lại lên ở xứ Lào xứ Mên, kẻ thì rủ nhau vô Nam-kỳ trú nhờ ở đó vì có quan trấn thủ Lê-văn-Duyệt rộng lòng dong thứ. Lúc quan lớn ngài còn sanh tiền, thời dân có đạo nhờ ngài được nơi tránh trú bằng an ; khi ngài quá vãng đi rồi, thì thôi hết nói !

Chị ơi, bấy giờ phe nịnh thần nổi lên phùng phùng như lửa cháy. Họ đặc lệnh vua truyền, nên đã làm dữ quá tri. Chính mình quan lớn Tả-quân Lê-văn-Duyệt cũng phải bị vạ lây rằng : sao dám nghịch ý vua mà binh người có đạo, liền buộc tội phản nghịch cho quan lớn Tả-quân là người đã có công khai quốc, mà truyền lấy xiềng sắt xiềng mả ngài lại như người tù tội và đánh trên năm mỗ ngài một trăm trượng cho xấu hổ ! Nhưng vua giận thì làm vậy, chớ xác quan lớn Tả-quân Lê-văn-Duyệt thiệt không có phải cái nhục hình ấy bao giờ ; vì lúc binh sanh quan lớn ngài đã nghĩ tới cái việc nhục

hình dã man họ sẽ làm cho cái xác ngài, nên ngài đã dùng kế bảy mươi hai cái mả nghi của ngục vương Tào-Tháo xưa, mà bảo thủ cho quí thể của ngài sau khi chết. Cứ như lời của ông nội em đã truyền lại ; thì lúc quan lớn Tả-quân Lê-văn-Duyệt chết, bộ hạ ngài đã tọng một cái cốt giả bằng sáp ong để liệm thay vô hồn và an táng theo lễ phép triều đình ; còn xác thật của ngài thì táng tại ngôi mộ ở làng ngài. Ngài có cả thấy là chín cái mả nghi. Nhờ kế ấy mà hài cốt ngài đã khỏi cái nhục bình đánh một trăm trượng và xiềng mấy mươi năm. » Em nghe câu truyện hơi lạ thì hỏi trọc qua chuyện Đức-thầy Phêrô như vậy : « Chị nói rằng : xác quan lớn Tả-quân Lê-văn-Duyệt đã nhờ kế mả nghi mà tránh khỏi cái nhục bình xiềng trượng, thì chị có nghe nói chi về xác Đức-thầy Phêrô chẳng ? »

Cô Kù-lạp Têrêxa đáp : « Về Đức-thầy Phêrô thì em cũng có nghe thân phụ em nói rằng : Khi Đức-thầy Phêrô sinh thì, thời đệ tử của ngài cũng đã dùng một kế mả nghi đó, mà táng xác ngài riêng một nơi kia thuộc về tỉnh Khánh-Hoà vì cũng sợ cái thói thù vật đao mổ quật mả của người Phương-Đông đối với kẻ thù lớn của họ, mà phải phòng bị kỳ cục như vậy. Đức-thầy Phêrô xưa cũng có nhiều người ganh ghét đáng sợ, nên mới phải nghĩ tới cách dùng mả nghi như ngục vương Tào-Tháo ! »

Mấy chị em nghe vậy đều chúm chím cười và khen cho ông Tào-Tháo xưa đã lắm mưu nhiều kế ! Cô Kù-lạp lại nói tiếp qua việc bắt đạo và giặc Cao-Mên như vậy : « Khi quan lớn Tả-quân Lê-văn-Duyệt chết rồi năm năm 1832 thì quân Cao-Mên nổi lên đánh trả Annam một cách dữ tợn lắm, vì có quân Xiêm giúp họ và họ chắc quan lớn Lê-văn-Duyệt chết rồi, thì nước Annam không còn ai giỏi đáng sợ nữa, mà em cũng tọng vậy ! Nhưng nghe nói quân họ chuyển này thua đại

bại và nước họ phải làm đất thuộc địa của nước Annam chờ
lời khi quân Lang-sa đánh ngã quân ta !

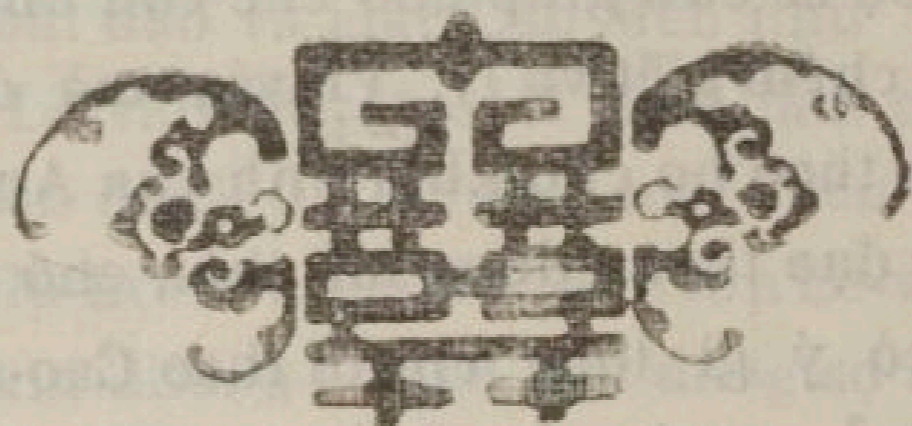
Nhơn dịp nước Annam có nội loạn và có quân Xiêm giúp
sức thì quân Cao-mên đã nhập đảng với quân Xiêm do lệnh
vua Xiêm qui hiệu là Pră-Năng-Khao tức là vua Rama III
dòng Chătkic theo quan chánh soái Xiêm là Chao Phya Pră-
khang với hai anh em ông quan Cao-mên Phya Kèo và Phya
Chăn làm phó tướng kéo về đánh nước Annam. Hai ông quan
Cao-mên là người giữ đạo Thiên-Chúa, nên hiểu tình ý khốn
khó của con nhà có đạo đang phải bắt bớ ở bên Annam ; mới
nghĩ ra kế dụ người có đạo theo họ cho dễ bề nội công ngoại
kích. Vậy hai quan Cao-mên đó mới đi tìm Đức thầy Gioang
(Mgr Pallagoix) là Giám-mục buổi ấy đang xin một đấng
thầy cả theo giúp phần hồn cho họ.

Đức cha Gioang liền cho cha Phêrô là người Langsa theo
giúp. Đạo binh Xiêm do hai quan Cao-mên dẫn đường đi, lại có
một ông thầy cả Langsa cầm lái thiêng liêng nữa, thì họ có
hy vọng nhiều lắm, nên thuyền bè của họ đi tới bến Nam-kỳ
rồi thời cứ sông Cửu-Long do cửa Hậu-giang mà thẳng lên
Trà-vinh, Cần-thơ, Mỹ-tho, Vĩnh-long, Châu-đốc rượt tới Nam-
vang — Các nơi khác như là Réam, Rạch-giá, Hà-tiên, Sóc-
trăng và Cà-mau thời họ cũng có cho người đi chiêu mộ nghĩa
binh để phục quốc cho nước Cao-mên.

Khi thuyền của hai ông Phya Kèo và Phya Chăn với cha
Phêrô đi tới đâu thì họ rủ người có đạo theo họ tới đó và hứa
chắc lời rằng : họ sẽ cứu giúp chở che con nhà giáo-hữu khỏi
phải quyền vua chém giết vô lý. Vì vậy mà ông bà của em
mới trốn tránh theo họ cho khỏi lệnh vua Annam giết vì đạo
và choặng giữ đạo thông dong mà thôi, chớ thiệt thì ông bà
em chẳng hề có ý gì tòng chinh theo Cao-mên hay là theo
Xiêm mà đánh trả vua Annam bao giờ. Thiệt sự thì ông bà

em đi trốn cho khỏi chết và thấy có thầy cả của Chúa ở đâu liền tìm tới đó, đặng nhờ ơn thiêng liêng và nhờ lời an ủi dạy bảo cho mạnh đạo đặng vác thánh giá theo chơn Đức Chúa Giêsu lên núi Calavariô đó thôi, chớ ông bà em chẳng còn trông hưởng chi những sự sang trọng giả trá thế gian nữa.

Rủi thay là lúc ấy quân Cao-mên đại bại, hai anh em quan Phya Kèo và Phya Chấn phải về xứ Xiêm; còn vua Annam thì hạ linh bắt đạo dữ hơn nữa. Nghe nói lúc ấy có nhiều thầy cả Annam và Langsa phải tử vì đạo. Dân thường thì chết như rạ, bấy giờ giữ đạo hay là bỏ đạo thì cũng chết vậy; « tam thập lục kế dĩ đào vi thượng! » nên ông bà em mới nghĩ cách đi trốn là hơn; phần nhiều người Annam cũ gốc là người xứ Búp, Gia-định, Sóc-trăng, Cần-thơ, Rạch-giá, Hà-tiên, Mỹ-tho, Vĩnh-long, Cù-lao-giêng; còn thì trộn tạp đủ xứ Nam-kỳ và Trung-kỳ; có nhiều người gốc lĩnh Sơn-tây, Nam-định và Ninh-bình đã vô trốn ở Nam-kỳ rồi, nay lại xiêu lạc theo ông bà em qua Xiêm nữa. Như vậy thì người Annam cũ như em đây gốc là dân các lĩnh cùng cả nước Annam từ Nam chí Bắc, mà không biết bà con cô bác ở đâu mà truy cho ra đặng, nghĩ thiệt thảm lắm thay! Không biết ở tại quê nhà đồng bang Nam-Việt ta có ai nghĩ tới rằng: hiện thời ở nước Xiêm có hơn một muôn người Annam cũ giữ đạo Thiên-Chúa và có vô số người Annam khác vì chuyện nợ kia, mà tránh nạn cùng làm ăn ở nước Xiêm không? »



— VI —

Buôn cương lên đường thượng lộ ;

Vái cùng Thiên-Chúa phò hộ nước Nam.



« Khi chiến thuyền của Xiêm gần kéo neo về xứ thì hai anh em quan lớn Cao-mên ra dụ ông bà em rằng : « Ở anh em con nhà giáo-hữu bất luận là Cao-mên hay là Annam, anh em nay phải cơn Chúa thử bị bắt bớ vì đạo, mà anh em vẫn một lòng trung quân ái quốc lại mạnh đạo dạn dĩ, thì chi bằng anh em theo chúng tôi đi tìm nơi trốn tránh cho an phận, mà giữ đạo thánh Chúa cho vững, đợi khi gió lộng sóng êm, hết cơn bắt bớ rồi, thì anh em lại trở về quê cha đất tổ, thời phần đời, phần đạo của các anh em đều gọn cả hai. Theo anh em tôi thì chúng tôi lo châu cấp phò hộ cho anh em phần xác ; còn phần hồn thì đây đã có cha già Phêrô săn sóc, vậy anh em tính lẽ nào ? »

Bấy giờ ông bà em suy nghĩ phận mình là con nhà nghĩa khí anh hùng, thuở nay đã tận trung báo quốc đã giúp vua Gia-Long khai quốc, rồi lại bỏ đất đai xứ sở đàng ngoài, dặng vô Nam-kỳ làm giống gieo dân, mở đạo, gặp phải cơn bối rối khốn khó như vậy, thì cũng nên quyền biến lánh thân đi một lúc, đợi khi Đức vua hồi tâm hết cơn thạnh nộ bắt bớ, thì ta lại trở về bản thổ làm ăn cho rạng mặt quê nhà, tưởng có phần hơn đó !

Nghĩ vậy ông bà em mới rủ nhau đem vợ dắc con xuống thuyền theo quân Xiêm tách dậm ra khơi lánh nạn ; chớ thiệt chưa biết đi đâu và cũng chưa hiểu họ đem mình đi phương nào nữa !

Ờ đời đã mấy ai biết : « ăn trái nhớ kẻ trồng cây ! » phải chi vua Minh-Mạng còn nhớ những công nghiệp khó nhọc của ông bà em đã bỏ các tỉnh Bắc-kỳ, Trung-kỳ dâng theo vua Gia-Long phục quốc, thì đâu có cái cảnh thảm riu rít bên sông kẻ ẵm con, người dắt vợ, con lạc cha, bà mất cháu, thấy đều gạt hột lệ sa, chơn bước xuống ghe dặng phú mình cho người dị chủng đưa đi đâu nỡ biết !

Thôi thì : cũng liều nhắm mắt đưa chơn đề xem con tạo xây vắn nơi mô ? Chị ơi, ông bà em cũng tưởng là việc một hai tháng thì xong, đi năm ba ngày thì tới ; chớ ai có dè đâu, cứ sự linh đình thuyền trôi trên mặt biển hơn một năm trời ; hết cửa biển này lại đến cửa sông kia, lui lui, tới tới chẳng khác chi quân Giudêu đi lạc ở trong rừng cát xưa. Quân Giudêu trôi nổi trong bốn mươi năm rồi cũng tới ; chớ ông bà em đây kẻ đã gần ba vạn sáu ngàn ngày rồi, mà vẫn chưa thấy chi chi đó chị ơi !

Ông bà em vì cơn nguy biến mà phải bỏ quê cha đất tổ, nhà cửa ruộng nương, tiền bạc của cải, chôn giấu dặng lánh nạn theo Xiêm ; tưởng xuống tàu được bằng an tử tế, chớ có ai dè đâu khi tàu trôi giữa biển, quân Xiêm lại trở lòng lang thấy đàn bà con gái Annam xinh xảo ngộ ngĩnh thì xúm lại mà ve, ve không dặng thì trở dạ làm ngang làm dọc, làm dữ làm tợn, khiến bạn gái nhà em đã phải một cơn thất đởm hồn kinh.

Có ai dè đâu tránh cọp mà gặp beo như vậy ! Túng thế ông bà em phải lập kế xử êm ; ai có vợ chồng rồi, thì đôi nào cặp nấy ; ai chưa vợ, chưa chồng, thì phải xử trí gả gộp cho nhau, dặng có phận ai nấy giữ cho gọn ! Có người chưa kịp đôi vừa lứa, thì anh em dì cháu cũng phải nhận liều là đôi bạn vợ chồng giả cho khỏi lẻ loi kẻ Xiêm Mên nó bắt ! »

Nghe nói tới đoạn này thâm thiết quá lẽ, chị em em, ai ai cũng đều phiền thay cho con rùa Nam-Việt phải bước dặng cay túi hồ như vậy cũng bởi tại vua, vì chúa nên vậy..... !
« Tàu bè kéo neo ở bến Nam-kỳ đi tới kinh thành Vọng-các (Bangkok) vừa trọn một năm hơn, là năm 1835, đi lâu vậy là bởi quân Xiêm sọ binh Annam đuổi nà theo sau ; nên phải chạy tàu trốn tránh nơi nọ nơi kia và nhiều khi thì bị gió ngược cản trở ».



Từ đây đất khách, quê người ;

Trăm năm nào biết quê mình là đâu !

« Tàu đến bến kinh thành Vọng-các rồi thời hai anh em ông Phya-Kèo và Phya-Cbăn lên chầu và tâu vua là Sôm-dệt Phrạ-Năng-Khào rằng : « Muôn tâu bệ hạ, thần ở nước Annam đã về, thần có mộ được một toán dân Annam và Cao-Mên về đây. Dân Annam thì họ giữ hai thứ đạo khác nhau, phần nhiều là người đạo Thiên-Chúa Giêsu, phần ít là người giữ đạo Thích-Ca Mâu-ni cùng một đạo với nhà nước. Tâu bệ hạ sắc cho thần đặt lãnh toán người Annam giữ đạo Thiên-Chúa về xem sóc trông nom, còn toán người đạo Thích-Ca thì tùy thánh hoàng phân định. »

Đức vua liền phán rằng : « Hai khanh đã có công thân chinh cực khổ lại mộ được toán người Annam hùng dũng kia, thời trăm ban khen và ghi công cho hai khanh. Phần người Annam thì trăm đủ biết tình họ, vì trăm có xem sử ký nói rằng : Dân Annam là nòi can đảm tài tình lắm, họ rất trung quân ái quốc, vì tất họ đã khi không mà chịu bỏ quê cha đất tổ theo ai, chắc có cơ sự làm sao đây. Khi xưa Đức-Tác sai binh mã qua giúp nước Cao-Mên thời không đánh nổi binh Annam dặng lần nào. Đến đời tiên đế ta là Đức Chât-kri lúc ngài còn làm lãnh binh đem binh qua cứu chiến nước Cao-Mên mấy lần, thì cũng đều thua cả mấy lần. Sau Đức Chât-kri mới sai sứ đem thơ qua đôn Annam, mời qua

lãnh binh Annam tên là Nguyên-Hữu-Thoại qua thương thuyết với quân ta, thì hai anh em ông Nguyên-Hữu-Thoại chỉ đi với mười tên lính mà dám qua đồn ta cách bạo dạn không chút chi sợ hãi, thời họ thiệt là gan dăm quá trí, vì nếu bấy giờ quân ta trở lòng thì còn gì nữa là quan lãnh binh với mười tên lính ấy.

Thế mà họ không sợ, thì họ thiệt là anh hùng xuất chúng, ta rất mến cái lòng gan dăm của họ. Quân ta xưa đã giải hoà với quân họ, thì nay trăm cũng rộng lòng sắc chuẩn cho hai khanh thấu dụng dân họ và trăm chúc phước lành cho dân họ được bằng an. Hai khanh hãy thấu dụng dân họ và lo cấp dưỡng cho dân họ được sung túc mọi sự và chớ để cho dân họ phải bạc đãi thiếu thốn sự chi vì dân họ không phải là tù binh mà dân họ thật là nghĩa binh vậy. »

Luôn dịp hai quan Cao-Mên lại tâu thêm rằng : « Muôn tâu bệ hạ, thần được sắc bệ hạ ban cho thần thấu dụng toán dân Annam đó, thời tâu bệ hạ hãy rộng lượng hải hà sắc ban cho dân họ được một nơi trú ngụ làm ăn vĩnh viễn. » Vua lại phán rằng : « Trẫm chuẩn lời tấu của khanh mà sắc ban cho dân họ được lập nghiệp ở nơi đất *Sa-nôn-bay-phon* như ý. »

Thế là ông bà em được một miếng đất rộng rãi địa giới nó như vậy : Dưới từ đàng *Sa-nôn-bay-phon* lên tới rạch dưới nhè thờ bây giờ ấy ra tới sông Châu Phya (Ménam), trên từ sau lưng chùa Xiêm kia gọi là chùa ông Trời hay là Wat Raxathivat — Bề thế rộng rãi và khít bờ sông cái thiệt là tốt quá. Kế đó nhà nước Xiêm lại cấp cho cây lá và khí cụ để làm nhà ở và thấy dân ta thiếu thốn đói rách, thì lại phát lương phạn mỗi tuần đủ cả gạo muối, cá mắm, gà vịt và các đồ gia vị nữa.

Lúc ấy có nhiều người không có đủ tiền bạc tiêu sắm thì đã đi khuyên giáo ở các nhà người Xiêm giàu có, thời họ đã

cho rộng rãi vì có lệnh nhà nước biếu họ giúp đỡ dân ta. Nhờ đó mà ông bà em được trợ giúp đáp đỏi làm ăn và sau lần lần thì đã gây dựng nên cơ nghiệp chút đỉnh.

May hời đó dân trí người Xiêm còn thấp, người Chộc ở Bangkok cũng chưa quá đông như bây giờ, nên ông bà em mới đi làm các công nghệ cho họ mà độ qua ngày tháng. Người làm việc quan lúc ấy không có bạc tháng như bây giờ, lâu lâu nhà nước lại cấp phát cho một lần. Tiền bạc của nhà nước cũng không có mấy; thời ấy thiên hạ còn dùng chì kẽm và một thứ ốc cừ nhỏ làm tiền xài chớ chưa có bạc đồng bạc cắt như bây giờ. »

Em tọc mạch hỏi cô Kùlap Têrêxa về các thứ tiền bạc Xiêm thì cô ấy liền bảo người em thứ ba của cô rằng : « Sara em hãy đem cái bảo tàng tiền bạc Xiêm của em ra đây cho chị Gioan Đa coi và em hãy cắt nghĩa cho chị ấy nghe cho rõ ».

Cô em liền vung lời đi lấy cái bảo tàng tiền bạc cón con, của cô ấy ». Cô Kùlap Têrêxa lại nói với em rằng : « Nó là em thứ ba của em tên là Thôngkhâm tiếng Xiêm nghĩa là vàng ròng, tên thánh là Sara ; tục lệ Xiêm và Lèo hễ sanh đặng con gái dung nhan yếu điệu đẹp đẽ thì mới đặt tên cho là vàng bạc, ngọc ngà cùng là bông hoa xinh xắn đặng thêm duyên cho con, chớ không có thói đặt tên thô tục xấu xa cho con cái bao giờ ».

Cô Thôngkhâm Sara bưng một cái hộp nhỏ ra, miệng cười mủm mĩn dễ thương lắm, em xem cô thiệt có duyên và xinh quá, thiệt là xứng với cái tên Sara Thôngkhâm lắm. Cô Sara Thôngkhâm đem hộp mở bày ra đủ các thứ tiền bạc thông dụng của nước Xiêm, cô chỉ từ món mà cắt nghĩa cho em nghe như vậy : « Đây là tiền ốc, là thứ ốc cừ tròn nhỏ và cứng eбі ở xứ Sỗngkhla thời mới có và hiếm lắm, nên mới quí.

Một trăm ốc là một lốt làm bằng kẽm

Hai lốt là một ạt (att) làm bằng đồng đỏ

Hai ạt là một phẩy làm bằng đồng

Hai phẩy là một siêu làm bằng đồng

Hai siêu là một phượng hay là khuôn làm bằng bạc

Hai phượng là một sàlững (bằng bạc)

Bốn sàlững là một gút (bằng bạc)

Bốn gút là một tấm lưng

Hai chục tấm lưng là một xăng giá một cân bạc.

Một trăm xăng là một hạp (cứ lấy gút bạc mà đếm).

Thời nay nhà nước văn minh đã lập nhà ngân hàng và dùng bạc đồng bạc giấy như các nước Âu Mỹ. Nầy là đồng bạc nặng độ hai mươi lăm găm (gramme) nhỏ hơn đồng bạc Đông-Dương, viết chữ : tical đọc là ticôn, ăn một trăm đồng xu nhỏ kêu là satăng bằng đồng đỏ và nhỏ hơn đồng xu Đông-Dương. Bạc thì có đồng một bạc, đồng hai sàlững hay là năm chục satăng và đồng một sàlững hay là hai mươi lăm satăng, đúc bằng bạc ròng không có pha đồng kẽm như bạc Đông-Dương. Kẽm bạc hay là nickel thì có đồng mười satăng và đồng năm satăng có lỗ giữa, nhỏ và dễ dùng lắm. Giấy bạc thì có tấm giấy một đồng bạc, năm bạc, mười bạc, hai chục bạc, một trăm bạc và một ngàn bạc. Đây chị hãy coi những tấm giấy nhỏ một bạc, năm bạc, mười bạc và hai chục bạc ; còn những tấm giấy lớn một trăm bạc và một thiên bạc, thì em chưa có sẵn ở trong cái bảo tàng này. Em lấy làm tiếc vì không có sẵn nó mà đưa cho chị chơi. » Mấy chị em cô Kùlạp vui vẻ thiệt và khéo phùng nghinh quá, em cảm ơn cô Sara rồi lại xin cô Kùlạp nói tiếp câu chuyện dở.

Cô Kùlạp liền nói rằng : « Ông bà em ở an rồi, Đức vua mới truyền hỏi ông bà em quen làm nghề nghiệp gì ở bên Annam ; ông bà em nói rành nghề làm ruộng, thời ngài truyền cho nhà nước Xiêm cho ông bà em lên lập ấp làm ruộng ở trên Đôn-Mương cách xa Bangkok chừng ba chục ngàn ngàn thước,

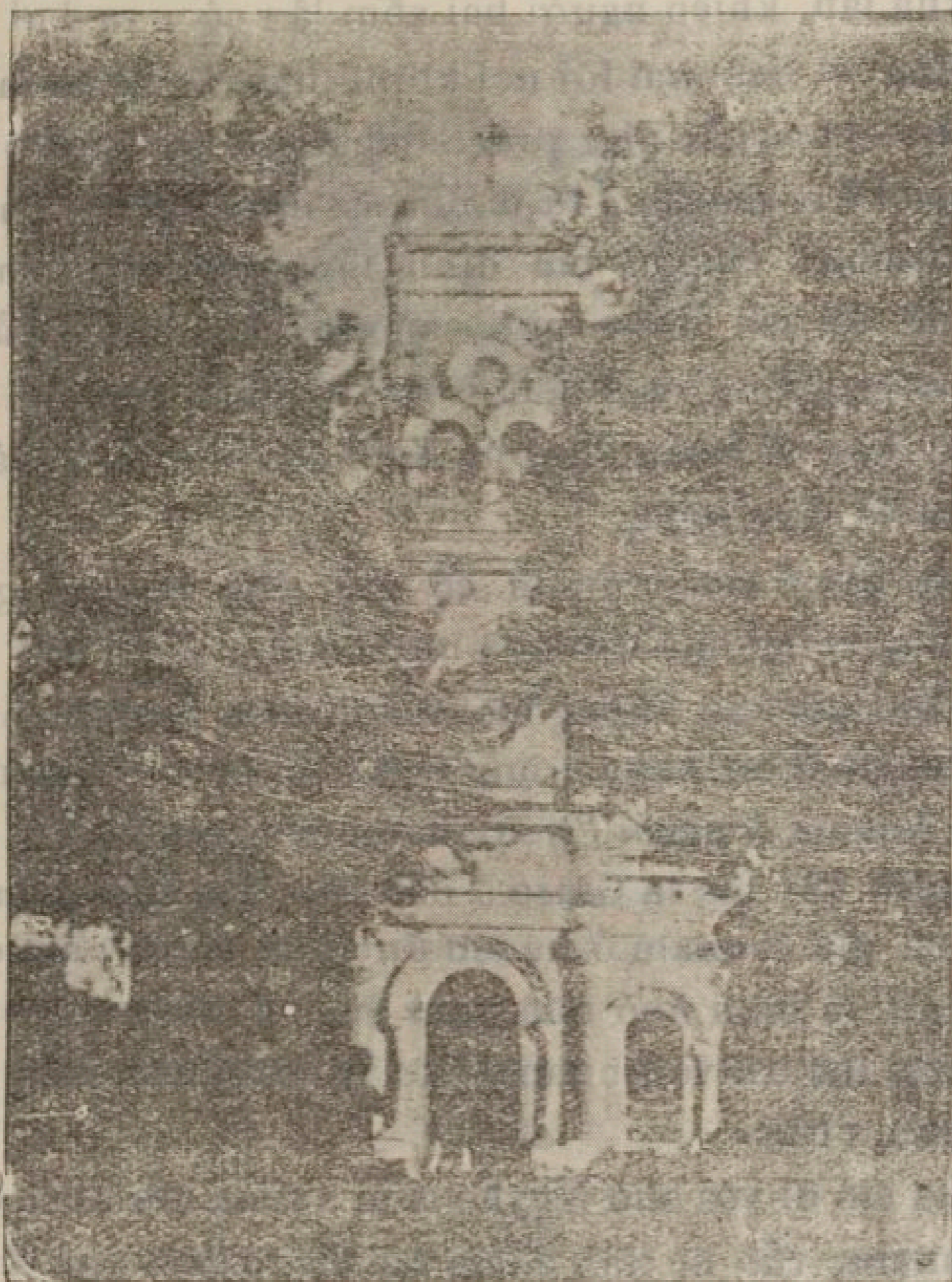
nay đi xe lửa hết bốn chục satăng. Hiện thời ở Đôn-Mương nhà nước lập trường tàu hay lớn lắm. Ông bà em được đất ở Đôn-Mương rộng mấy trăm mẫu và được trâu cày, đồ làm ruộng thóc giống và lương thảo sẵn sàng. Như ông bà em lo chí thú mở mang ruộng rẫy thời nay đất ruộng của cải người Annam giàu có, ai sánh cho bằng nữa, vậy mà ông bà em không nghĩ tới, trong lòng cứ khẩn khẩn ước ao cho mau dựng phần hồi bản thổ, chớ bằng chút chi muốn lập nghiệp ở xứ Xiêm, nên đã dùng hết cách dựng bỏ xứ Đôn-Mương mà trở về ở Sám-sên cho dễ bề tàu thoát.

Vậy những trâu của nhà nước cho để cày thì cứ lấy đất sét nhét vào lỗ mũi nó cho chết nghẹt lần đi mà ăn thịt, rồi đồ cho là không hap thủy thổ, trâu chết mà thú làm ruộng bất lợi ! Nhà nước phải cho về ở Sám-sên và để tùy ý ai có nghề riêng gì thì làm lấy mà ăn thông thả, nhà nước Xiêm chẳng hề bắt thuế vụ xâu bời ai hết. Dân Annam trôi sông lạc chợ như vậy, mà được tự do hơn người bốn quốc, thì thiệt là hữu phúc lắm. Ông bà em bấy giờ làm các công nghệ nhẹ nhẹ và chuyên nghề thả chài đánh cá, nuôi heo và đặt rượu bán.

Khi an cư lạc nghiệp rồi, ông bà em mới tính việc lập riêng một cái nhà nguyện vì xưa nay vẫn đi đọc kinh xem lễ nhờ ở nhà thờ của người Cao-Mên gọi là nhà thờ Công-Sám-sêng (Conception) kính Đức Bà chẳng hề mắc tội tổ truyền. Bấy giờ ở thành Bangkok mới có người Cao-Mên có đạo ở Sám-sên và một ít bọn đạo Bút-tu-ghê ở bên kia sông Châu Phya (Ménam) nay gọi là họ nhà thờ Santa Crux. Người Annam cũ ở đó cũng khá đông. Gốc người Bút-tu-ghê lọt vào ở đó là nhờ tích một người Bút-tu-ghê kia tên là Hăngkrit đã kết bạn với em gái ông Phya Kèo, tên là nàng Khun-mẻ, trước thì ở xóm Cao-Mên nhờ anh em ông Phya Kèo che chở

sau mới qua ở bên kia sông và từ đó người Bút-tu-gê mới được vô xứ Xiêm tự do vì có lệnh vua cấm ngặt chẳng cho người Tây Phương lọt vô nước Xiêm.

Ông Hăngkrit và bà Khun-mẽ sanh đặng hai người con trai. Một người tên là Jion, sau về xứ Cao-Mên rồi biệt tích ; bà Khun-mẽ thì chết chôn ở đất thánh người Cao-Mên. Người Bút-tu-gê ở họ Santa Crux đạo hạnh tử tế và có tình nghĩa thiết với người Annam cũ ở đó.



Nhà thờ Cao-mên ở Sám-sên.

Cha sở họ Santa Cruz là người Annam, nên người họ cư xử với người Annam rất tử tế, ở bên ấy em có biết ông Sawat là người gốc Bút-tu-ghê đạo đức hiền lành, bà con ông ấy hiện thời làm quan Xiêm đông và tốt với người Annam lắm. Nói cho đáng thì người Cao-Mên do anh em ông Phya Kèo, Phya Chăn làm đầu, ăn ở với người Annam chẳng khác chi thân bằng quý hữu, họ tốt với ta, mà ta cũng đã tốt với họ, nhưng vậy mà sau cũng không khỏi xích mích nhau một lúc : cũng khá lâu, khiến người hai xóm lìa cận, ra hai nơi đi h thủ cũng vì một hai lời nói khinh bậy lẫn nhau mà ra. Nay hai xóm lại hoà hảo như xưa. Sau hai anh em ông Phya Kèo thì các quan kế vị sau cũng tử tế như cả đời ông Pră Phi-lon, ông Prătavisetnút. Ông bà em định lập nhà thờ riêng, nhưng thiệt thì đã cất được một cái nhà nguyện lợp bằng lá dừa nước và che bằng vách lá đơn sơ và nghèo nàn lắm. Nhà thờ Annam kêu là Đông Phương Nam các kính ông thánh Phan-xicô Xavie cách riêng.

Bấy giờ ở bên Annam có một cha Annam già cả lắm, ngài cũng vì đạo mà trôi qua nước Xiêm. Ngài già lắm, nên kêu là cha già chớ không biết thánh hiệu ngài là chi.

Cha già ở họ Annam một ít lâu thì có cha Gioan Baotixita người Annam ở ngoài Chantaboun đến giúp ít năm, rồi có một cha người Tây tên là Giuse ở đâu đến làm cha chánh sở cai họ. Cha già Annam ở họ em được độ mười năm chi đó, thì ngài sanh ra bệnh nhớ nhà, nhớ ông bà xứ sở Annam, nên ngài lập thể trở về Annam. Lúc ấy luật Xiêm cấm chẳng cho ai ra khỏi nước.

Cha già đi với chú Xuyến trốn xuống tàu Chệc quá giang về Annam, rồi bị lính Xiêm bắt được đem chú Xuyến cầm ngục, còn phần Cha già thời họ đóng cũi bỏ cha vô mà gửi về Annam, từ đó biệt tin không ai biết số phận Cha già ra sao

nữa. Tội nghiệp Cha già quá, ai nghe tin ấy cũng đều thương
tiếc Cha vô cùng. » Khi nhà nguyện lập rồi, có cha linh hồn
an ủi và có công việc làm ăn xây xa được rồi, thời ông bà em
lần lần bớt buồn, mới lo chí thú làm ăn như người bản xứ
và coi xứ Xiêm cũng như quê hương thứ hai của mình vậy !

Bấy giờ những người trai tráng sức lực đều đăng vào cơ
lính Pháo thủ đại bác của Xiêm và đã làm tròn bổn phận làm
dân làm lính nước Xiêm.



— VIII —

Vì ơn Chúa tể nhiệm mẫu ;

Khiến nên thầy-cả đến gần ông sư.



Em nghe nói Cha già bị bắt đưa về Annam thì muốn biết nhà nước Xiêm đối với đạo Thiên-Chúa ra làm sao nên mới hỏi cô Kùlạp Têrêxa rằng : « Cha già bị bắt rồi, thời nhà nước Xiêm có tỏ ý gì bất bình với đạo thánh ta chăng ?

Cô Kùlạp đáp : « Thừa chị không, nhà nước Xiêm chẳng hề bực đãi người có đạo bao giờ. Chuyện sau này lại làm cho vua nước Xiêm trở nên thân mật với đạo Thiên-Chúa hơn nữa là : hồi đó dòng vua Chátkri lập nghiệp đánh đổ vua soán loạn gốc người Chệt Triều-Câu tên là Trịnh-quốc-anh là bởi hai anh em ông hoàng Chátkri và Soxi, cả hai đều kế nhau mà làm vua nay gọi là Rama I và Rama II.

Khi vua thứ hai (Rama II) băng hà thì con người còn nhỏ quá, nên bà quốc mẫu mới hội triều đình lại mà phong cho ông hoàng dòng thứ là Đức ông Cháo-Phá tuổi chừng ba mươi lên ngôi vua tức là vua Rama III, niên hiệu là Sòmdet Pră-Năng-Khào cầm quyền trị quốc đợi cho ông Đông cung thái tử dòng chánh lớn lên hầu có truyền ngôi lại như ý bà quốc mẫu đã định với triều đình.

Sau ông Đông Cung Sòmdet Pră-Chom-khlào lớn lên rồi mà vua Rama III cũng không chịu trả ngôi, lăm le muốn đoạt ngôi luôn cho con mình nữa. Vì vậy mà ông hoàng thái tử giận chú là vua Rama III bỏ vô chùa tu và nói rằng : « Ta đây ra

đời chẳng phải lay ai, trừ ra một mình bà quốc mẫu mà thôi. » Nghĩa là ngài bắt phục quyền của đức vua chú ngài. Lúc ngài vô chùa tu thì ông hoàng Lữi-đen em ngài tên hiệu là Sòmđệt Phrạ Plịokhlào làm chánh nguyên soái coi hết các đạo binh nước Xiêm. Ông hoàng Lữi-đen thấy đạo binh Annam làm lính pháo thủ giỏi và gan dạ lắm, thì ngài có lòng yêu mến, nên ngài đã cho sung vào đạo binh ngự lâm pháo thủ để ngài cai quản.

Ông hoàng thái tử bửu hiệu là Sòmđệt Phrạ Chomkhlào đi tu tại chùa Watraxathivat cách xóm Annam ở một cái rạch và cận nhà thờ Cao Mên. Lúc ấy trên cựu đô Ajuthia đã bị quân giặc Phà-mà (Birmans) đánh phá tan nát, rồi nhà chung cũng phải tiêu tền, thành ra gốc đạo Thiên-Chúa xứ Xiêm phải dời xuống Bangkok ở tại xóm người Cao-Mên và Annam. Bảy giờ Đức giám mục Gioang trị vì và ở tại họ Cao-mên.

Đức Giám-mục Gioang ở gần chùa thì qua lại làm quen với ông Hoà thượng chùa ấy là ông hoàng thái tử sau lên ngôi vua là Rama IV đó. Đức Cha và Hoà thượng cả hai đều là bậc anh tài thượng trí, đã biết nhau thì yêu nhau chí thiết. Đức Cha Gioang thì dạy đức Hoà thượng học chữ Hồng Mao, chữ Latinh và đạo lý Thiên-Chúa. Đức Hoà thượng thì dạy lại Đức Giám mục học chữ Xiêm, chữ Phật và đạo lý Phật. Cả và hai đều trở nên thông thái lạ lùng mà đạo hạnh thì ít ai bì kịp.

Nhờ hai ngài mà tiếng Xiêm lập ra mọo mục khuôn phép. Sau Đức Hoà thượng lên ngôi vua thời Đức Giám mục cũng nhờ được nhiều ân huệ của nhà nước, khiến đạo Thiên-Chúa được bằng an và con nhà giáo hữu được trọng hậu kính nể. Nói cho đáng thì đạo Thiên-Chúa còn mọc được chồi được rễ ở xứ Xiêm đây là nhờ ơn Đức Cha Gioang đã khéo cư xử

và lo lắng mà giữ được căn bản cùng trở nên thanh trị như buổi này đây.

Đức Cha Gioang (Pallagoix) là một bực thông thái ít có lắm, ngài đã dịch các sách đạo lý ra tiếng Annam, viết ra chữ quốc ngữ và dịch ra chữ Xiêm rõ ràng. Phần đời thì ngài đã chép ra chuyện sử ký nước Xiêm, làm quyền tự vị và sách mẹo Xiêm. Sử ký thì kể từ đời các vua cựu trào, đời vua Trịnh-quốc-Anh soán ngôi và bốn đời vua nhà Chátkri. Sách ngài phân giải rõ ràng lắm. Ngài dâng sách ấy về Toà thánh và nhờ đó mà vạn quốc biết rõ đất xứ nước Xiêm. Phần đạo thời ngài đã lập lại cơ đồ của hội thánh xứ Xiêm nên thanh trị bền vững.

Xét công lao khó nhọc của ngài thời tướng nhà chung dấu có dựng hình ngài làm kỷ niệm ở trước toà Giám mục Bangkok này thời cũng không phải là quá lắm vậy. Nhưng chị ơi, ăn trái đã có mấy ai nhớ kẻ trồng cây ! »

Em nghe chị Kùlạp Têrêxa khen ngợi Đức Cha Gioang quá thời hỏi qua việc đạo rằng : « Kùlạp chị ơi, chị đã nói chuyện Đức Cha Gioang, thời xin chị hãy kể luôn việc đạo ở xứ Xiêm cho em nghe với. »

Cô Kùlạp liền nói tiếp rằng : « Thuở xưa đạo thánh ta lọt vào nước Xiêm thiệt là khó dễ biếm hơi lắm. Người Xiêm họ giữ đạo Phật lâu đời và tính tình họ đơn sơ lười biếng, nên chẳng hay tọc mạch lân la hỏi han đến việc ai và đạo ai hết. Ai có nói việc đạo thì họ nghe chơi như mình nghe kể chuyện đời xưa vậy. Người nào lanh lảu có học thức một chút, thì họ nói kết một câu rằng : « đạo của ông tốt chẳng thua gì đạo của tôi, tôi mắc giữ đạo của tôi rồi, không giữ được đạo của ông, thiệt là uổng quá ! »

Vì vậy mà đạo Thiên-Chúa nở ra chậm lắm. Đời cựu trào, vua Sômdệt Prạ Narai đóng đô ở Ajutbia nay kêu là Krung

káo, thời nước Xiêm đã quen dùng người ngoại quốc làm quan giúp việc triều chánh. Thời ấy có một người phương Tây (gréco) tên là Constantin Foncol làm quan tới chức Châu-Phya hiệu là Javixàjèn giữ đạo Thiên-Chúa có quyền thế lớn và hay bàu chữa cho giáo hữu, nên sự đạo lúc đó được nhờ cậy lắm. Vua tin dùng quan ấy, nên đã thi ân giúp ích cho việc đạo nhiều.

Nhờ quan lớn ChâuPhya Javixàjèn giúp thời Đức Cha đã lập được ở tại cự đô (Krungkáo) Ajuthia, trên vòm rạch Hỏa-dum Klong-ta-khiên một ngôi đền thờ rất nguy nga rực rỡ lấy thánh hiệu là nhà thờ kính ông thánh Giuse làm bôn mạng Phương Đông. Toà Đức Giám mục cũng ở tại Krungkáo. Đức vua Sômdệt Prạ Narai có tặng cho Đức Giám mục đời đó một cây gậy bằng vàng ròng quý giá và đức vua bằng sẵn lòng ban cho Đức Cha được mọi sự người xin. Các cha bấy giờ cũng đặt danh giá quý trọng lắm. Sau rui có giặc Phà mà (Miến-diện, Birmanie) tràn qua đánh quân Xiêm đại bại ; quân Phàmà cướp phá cự đô Ajuthia ra tan nát nhà thờ và toà Giám mục cũng bị đốt phá, sỗ sách đều tiêu mất hết.

Sau vua Trịnh quốc Anh lập kinh đô mới ở Bangkok thời đạo thánh lần lần nhóm lại và tụ về ở tại kinh đô mới. Nói cho đáng thì đạo Thiên-Chúa ngày nay mở mang phát đạt ở chốn Xiêm đô này là nhờ người có đạo Cao-Mên và Annam đã trôi đến ở Bangkok từ năm 1830 và được tái lập đông đảo là từ năm ông bà em tới thành Bangkok là năm 1835. Trước thời ấy thì đạo thánh đã có ở xứ Xiêm rồi và nghe nói đâu đã có chín vị giám mục kế vị nhau rồi. Em tưởng chắc đạo giảng tới nước Xiêm sau nước Anam hơn kém chừng vài mươi năm thôi, mà bôn đạo họ không được là bao nhiêu.

Đời Đức cha Gioang (Pallagoix) thì việc đạo đã hơi khá, Đức cha Gioang truyền chức thầy cả người phương

Đông dặng nhiều dặng, trong số ấy lúc bấy giờ thời người Annam được cha Philippê Sum và cha Anrê Tiếng gốc bên Annam lại ; còn Annam gốc Chantaboun thì được nhiều ông. Thời ấy cha Gioang Baotixita cai họ Annam Sám-sẻn ; cha Thịnh cai họ Cao-Mẻn ; cha Ximon gốc Annam Sám-sẻn cai họ Chantaboun. Người Annam ở Chantaboun gốc bởi tỉnh Hà-tiên đời quan tổng trấn Mạc-Cửu qua ở đó, kể thời lâu hơn ông bà em ở kinh thành Bangkok, nhưng con nhà Annam Sám-sẻn lại hơn người ở Chantaboun là nhờ cái khiêu di dân lập ấp, mà đã tràn ra khắp cõi xứ Xiêm, nay lập thành mấy mươi ấp nhỏ và nhiều họ lớn có nhà thờ và nhà phước.

Cả địa phận Xiêm dường như là của người Annam vậy, vì các cha sở cai họ hơn hai phần ba là người Annam cũ và kẻ có đạo thì người Annam sốt sắng và đồng tâm dạn dĩ hơn cả. Sau Đức Cha Gioang thời tới Đức Cha Matô là Giám-mục ở bên Trung quốc đã bị quân Chẻc cấm đạo và bắt người mà đánh đến đổi tắt tiếng, may nhờ giáo hữu bỏ ngài trong cánh buồm bó lại trên cột buồm mới thoát khỏi chết và trốn lọt qua Xiêm gặp dịp thời thay quờn cho Đức Cha Gioang.

Đời Đức Cha Matô chỉ phong chức được có một cha Annam Chantaboun là cha Micae. Đức Cha Gioang và Đức Cha Matô chết đều táng xác tại nhà thờ xóm Cao-Mẻn Sám-sẻn. Kế hai ngài thì tới Đức Cha Luy. Đời Đức Cha Luy có phước lộc nhiều lắm. Ngài đã phong chức thầy cả cho một thầy sãi đạo Phật tên là Kbum Phlẻng, đầu mục thầy sãi đã thua lý Đức Cha Gioang (Pallagoix) mà trở lại đạo thiên Chúa lấy thánh hiệu là cha Clẻmentẻ ; khi ngài vô đạo thời có nhiều người Xiêm trở lại đạo theo ngài, chẻ nghe có lạ không, một ông sãi mà thành ông cha có kỳ không ? »

Em liền đáp rằng : « Lạ thiệt, nhưng ở bên Annam gần đây cũng có một chuyện lạ như vậy : là hai anh em một

người đạo nho con nhà sang trọng kia, cả hai anh em đều làm thầy dạy học trường nhà nước, cha mẹ người là kẻ rất ghét đạo Thiên-Chúa, đã làm nhiều sự khốn khó cho người vì đạo, vậy mà có ơn Chúa khiến hai anh em họ đều trở lại đạo một cách không ai ngờ. Người anh thì đi tu nay đã lãnh chức thầy cả tên hiệu là cha Giuse Thích, còn cô em gái thì vô nhà phước kín tu, nay ở tại nhà kín địa phận Huế.

Lại còn một chuyện lạ nữa là một người đạo Phật đang học tại nhà dòng Pellerin, được ơn Chúa trở lại đạo lúc người đã thi đậu bằng cấp lớn có thể ra làm quan được, mà người đành bỏ thế gian đặng theo đạo đi tu làm thầy dòng thánh Gioan Baotixita de la Salle lấy hiệu là thầy Giuse Tặng. Trong bạn gái nhà ta thì còn chuyện một cô con gái kia trí huệ rất thông minh, dung nhan đẹp đẽ, thi đậu nhiều bằng cấp tây và ta, là con gái út của quan thủ tướng nước Annam, ngày kia tưởng đến Chúa, cô ta đành bỏ mọi sự sang trọng thế gian mà vô tu ở nhà phước kín địa phận Huế, người tên là Maria Tài. Đó chị nghe coi có lạ bằng chuyện của chị nói không, song xét ra thời đó là ý Chúa hay là tài năng khôn khéo của Chúa xui nên chớ ai làm đặng. »

Cô Dara nghe nói vậy thì khen chị em bạn gái bên Annam lắm. Cô Kùlap lại nói tiếp rằng : « Đức Cha Luy đã phong chức thầy cả cho người Annam và người Chêc nhiều đấng, người Mên được một đấng và người Lào một đấng, đó là sự lạ vì thuở nay chưa hề có. Đức Cha Luy sinh thì năm 1907 rồi đến Đức Cha Bênadô và nay là Đức Cha Perros đang cầm quyền. Sánh với các đời Giám-mục thì con nhà giáo hữu Annam được nhờ ơn huệ cha chung, cha cả đã thương đồng một đoàn chiên của Chúa. »



— IX —

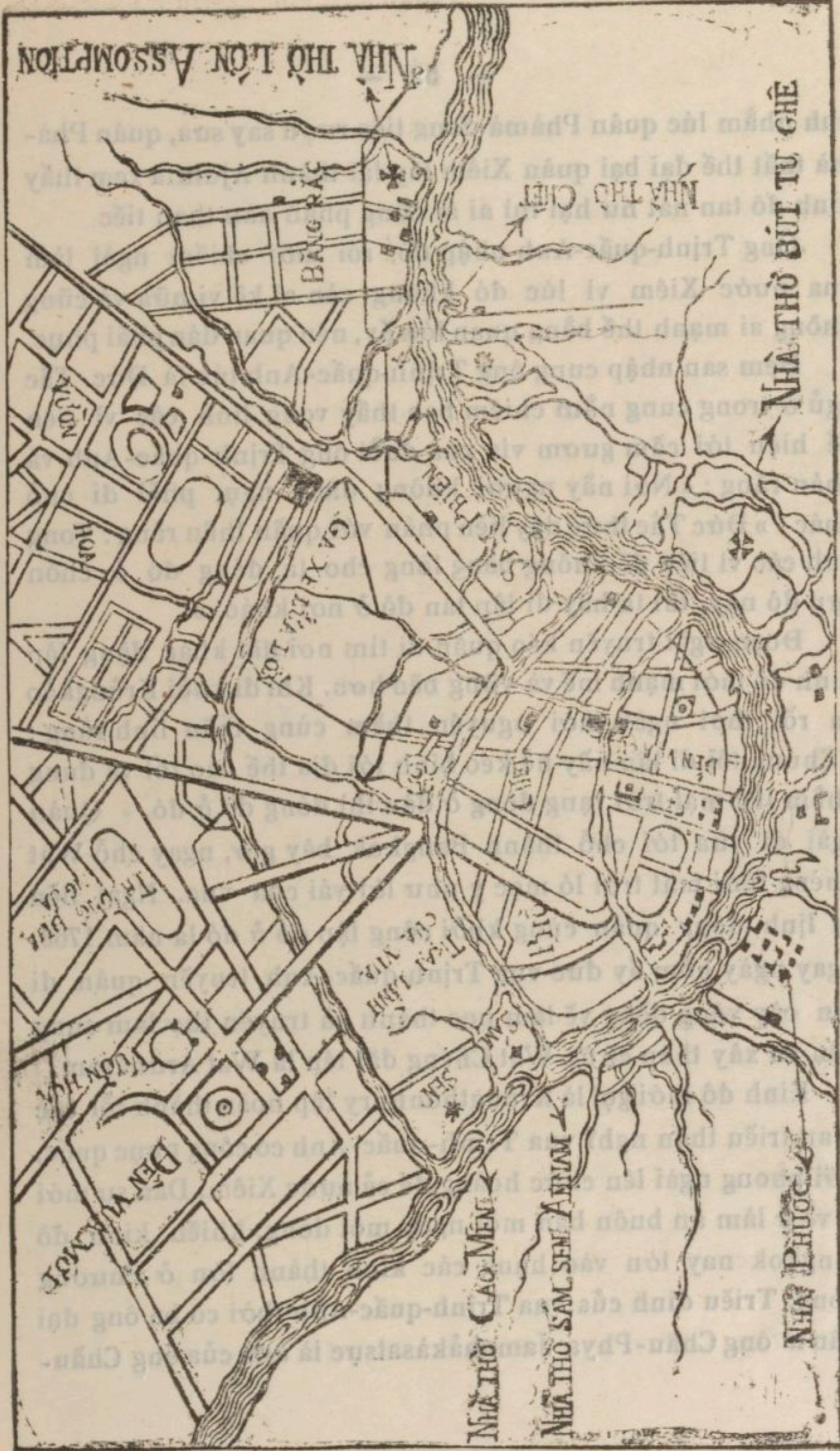
Đuổi Phàmà, Đức Tác lập kinh đô ;

Đặc thể lực anh em Chátkri phục quốc.



Nầy giờ em nghe nói tới cựu đô Ajuthia thời muốn biết chuyện xưa, nên mới xin cô Kùlap nhắc tích lại nghe chơi, thì cô ấy nói rằng : « Chị muốn biết chuyện nước Xiêm thì em cũng vui lòng mà nói cho chị nghe chơi, vì trong sử ký nước Xiêm kể từ đời nhà Chátkri trở đi, thì có dính chuyện người Annam vô đó nhiều ; nhưt là hồi nầy vì người Annam đi lính Xiêm đã lập được nhiều công trạng đáng ghi đáng nhớ lắm.

Độ giữa thế kỷ thứ mười tám thì quân Phàmà (Birmans) qua xâm phạm cõi Xiêm rất dữ. Chúng nó đánh cướp được kinh đô Ajuthia thì vơ vét hết các đồ châu báu và của cải của vua của dân cùng đốt phá tàn nhẫn, khiến kinh đô nước xiêm xưa là nơi quý lạ các nước Âu-châu đã qua chiêm nghiệm và khen ngợi vô cùng, thì nay đã hoá ra một cái tha ma ghê gớm quá đỗi, dòng vua trị vì thời đó đã phải bắt giết, nhiều quan binh đã khởi loạn mạnh ai nấy cướp được đâu nhờ đó. Một vị quan binh lớn người Triều-châu tên úy là Trịnh-quốc-Anh khởi binh đánh trả quân Phàmà ban đầu thì thua mới chạy về phía đông nam xuống mộ binh tại Xonlaburi (Banplasòì) đặc thể mới đánh lấy luôn tỉnh Chantaboun, gộp binh lại đủ lương thảo súng đạn mới tiến lên đánh quân Phàmà ở tại Krúng kảo (Ajuthia). Quân của ông Trịnh-quốc-Anh lên đánh thịnh



NHÀ THỜ LỚN ASSUMPTION

BĂNG RẮC

NHÀ THỜ CHIẾT

NHÀ THỜ BÚT TU CHÊ

GA XE LỬA LỚN

TRAI CHIÊN LỚN

NHÀ THỜ CAO MÈN

NHÀ THỜ SÂM SƠN ANH HẠM

NHÀ PHƯỚC

lình nhằm lúc quân Phàmà đang tiệc rượu say sưa, quân Phàmà bất thể đại bại quân Xiêm lấy lại thành Ajuthia xem thấy kinh đô tan nát hư hại thì ai ai cũng phàn nàn than tiếc.

Ông Trịnh-quốc-Anh nhập đô, rồi mới chiếm ngôi làm vua nước Xiêm vì lúc đó không còn ai kế vị nữa và cũng không ai mạnh thế bằng quan lớn ấy, nên quan dân phải phục.

Đêm sau nhập cung ông Trịnh-quốc-Anh tức là Đức Tắc ngủ ở trong cung nằm chiêm bao thấy vong linh các vị tiên đế hiện tới cầm gươm vĩa xua đuổi ông Trịnh-quốc-Anh và phán rằng : « Nơi này người không đáng ngụ, phải đi chỗ khác ! » Đức Tắc thức dậy liền phán với quần thần rằng : Vong linh các vị tiên đế không bằng lòng cho ta đóng đô ở chốn cựu đô này, thì ta hãy đi lập tân đô ở nơi khác. »

Đoạn ngài truyền kéo quân đi tìm nơi đất khác dựng lập kinh đô mới mạnh mẽ và vững bền hơn. Khi đi khỏi Krungkáo xa rồi thời ngài mới nguyện thầm cùng thần linh rằng : « Chúng tôi đi lần này hễ kéo binh tới địa thế nào tốt và đúng nhằm lúc mặt trời rạng đông ở đâu thì đóng đô ở đó. » Quân ngài đi vừa tới chỗ thành Bangkok bây giờ, ngay chỗ Wat Chèng thời mặt trời ló mọc y như lời vói của vua. Ngài liền hạ lệnh đóng quân cùng khởi công lập đô ở đó là năm 1763. Ngay ngày hôm ấy đức vua Trịnh-quốc-Anh truyền quân đi đốn cây vòng đồng về làm nọc thành và truyền thợ làm cung điện và xây tháp chùa Wat Chèng đặt tên là Wat Arunāram.

Kinh đô mới gọi là Krungthônbury lập hoàn thành rồi các quan triều thần nghĩ vua Trịnh-quốc-Anh có công phục quốc, mới phong ngài lên chức hoàng đế cả nước Xiêm. Dân sự mới tụ về ở làm ăn buôn bán mỗi ngày một đông, khiến kinh đô Bangkok nay lớn vào hạng các kinh thành lớn ở Phương Đông. Triều đình của vua Trịnh-quốc-Anh thời có ba ông đại thần là ông Châu-Phya Jamahākāsatsực là anh của ông Châu-

Phya Jasurasi và một người cháu của hai ông Châu Phya ấy. Người cháu hai quan lớn này thì được vua yêu dùng lắm.

Lúc ấy ở bên Annam, quân Cao-Mên phải phục quyền cai trị Annam, nổi loạn giết quan cai trị Annam và mưu việc phục quốc. Đại Nam Hoàng đế bèn sai quan mã binh Nguyễn-hữu-Thoại và em người lãnh đại hùng binh lên dẹp giặc Cao-Mên; vua Cao-Mên hoảng hốt mới chạy sớ qua Xiêm cầu cứu. Hoàng-đế Xiêm-la là Trịnh-quốc-Anh bèn sai quan đại thần là Châu-Paya Jamahākāsatsuc, người Annam kêu trồng là Chátkri đem binh qua chiến cứu nước Cao-Mên. Khi ông Chátkri đi rồi thì hoàng-đế lại sai một vị hoàng tử con gái cầm một đạo binh khác theo giúp nữa. Bởi đó hai đạo binh Xiêm đi hai ngả kéo qua đánh quân Annam để cứu nước Cao-Mên. Đạo binh của hoàng tử đi ngả trên còn đạo binh của quan lớn Chátkri đi ngả dưới đã tới ráp trận với quân Annam rồi.

Khi đó quan lớn Xiêm là Châu-Phya Jamahākāsatsuc kêu tặc là Chátkri thấy quân Annam mạnh thế quá và nghe nói thuở nay quân Annam giỏi lắm thì hơi ghê sợ mới nghĩ rằng: Xiêm Việt xưa nay vô thù vô oán, nay chỉ vì quân Cao-Mên làm giặc; mà quân Xiêm phải đấu chiến với quân Annam thời vô lý quá. Quân Annam giỏi nghề binh đao lẫn, quân ta vị tặc đã thắng nổi họ, thời chỉ bằng mình giải hoà với họ là hơn. Nói cho thật thì xưa kia quân Xiêm đã sáp trận với quân Annam nhiều lần rồi và cũng đã thua nhiều trận rồi. Quan lớn Châu-Phya Chátkri bèn hội chư tướng lại bàn việc giải hoà với quân Annam thì binh tướng đều bằng lòng, ngài mới sai sứ đem thơ qua mời quan Nguyên-soái Annam qua đồn Xiêm nghị việc giải hoà.

Quân Annam do quan Nguyên-soái Nguyễn-hữu-Thoại cầm binh đóng đồn tại La-Bích địa phận Cao-Mên, binh bộ hơn ba ngàn người, binh thủy hơn một trăm chiếc chiến

thuyền khi sắc oai nghi lắm liệt lắm. Được thơ mời đi thương nghị thời quan Nguyên-soái Nguyễn-hữu-Thoại liền phê vào thơ nhận lời đi hội nghị không có chút chi lo sợ cả.

Quan phó tướng là em ngài liền can rằng : « Quân Xiêm Mên họ còn man di đa mưu đa trá lắm, chưa biết họ định dùng cách gì mà gạt ta đó, xin ngưng soái chớ đi. » Ngài liền đáp rằng : « Đại trượng phu Nam-Việt ta đã ký giấy nhận lời rồi, dẫu có chết cũng phải đi cho rạng mặt anh hùng nước Việt, chớ có chuyện gì mà sợ, vả lại họ đã cầu hoà thời mình cứ đi coi họ xử trí thế nào ? » Nói đoạn bèn truyền cho mười tên quân đi với quan phó tướng theo hầu ngài qua đồn Xiêm và không có dự bị quân lính gì khác nữa. Ngài làm ra cách anh hùng, nhưng thiệt liều quá. Mà cái lòng gan dăm liều lĩnh ấy lại làm cho quan quân Xiêm phải kính nể sợ hãi hơn nữa.

Bên quân Xiêm được tin quan Nguyên-soái Annam qua dự hội thì hai anh em quan Châu-Phya-Jamahatsures và Châu-Phya-Jasurasĩ ra nghinh tiếp quan Annam vô dinh đãi yến trọng thè và hai đảng đều bẻ mũn tên thè lập tờ hoà ước La-bích là năm 1781. Cứ tờ hoà ước La-bích thì Xiêm Việt hai nước giao hảo đời đời nghĩa thiết ; hai bên không được đánh nhau, mà có nước nào xâm phạm thì phải giúp nhau. Quyền bảo hộ nước Cao-Mên xin nhường cho nước Annam. Sau hết thì anh em ông Châu-Phya-Jamahatsures có mật ước với anh em ông Nguyễn-soái Nguyễn-Hữu-Thoại rằng : từ nay trở đi quân Xiêm sẽ binh vực người Annam ở bên Xiêm, dẫu mà vua Trịnh-Quốc-Anh kêu là Đức-Tắc có trở lòng ức hiếp thời hai anh em ông Châu-Phya-Jamahatsures sẽ tận tâm che chở hẳn hoi. Rồi đó quan Nguyên-soái Annam trao gươm cho ông Châu-Phya-Jamahatsures mà đòi lấy lá cờ Xiêm đem về đồn Annam làm tin.

Từ khi Xiêm Việt hai nước giao hảo trở đi và nhờ

dòng Chátkri tức là dòng ông Châu-Phya-Jamahásatsưc làm vua nước Xiêm bây giờ, mà người Annam qua ngụ ở bên Xiêm được thông dong làm ăn và vận động tự do. Phải chi đừng có nhà nước Langsa can thiệp vào việc Xiêm Việt thì hai nước Xiêm Việt đã trở nên bạn hữu thiết nghĩa. Hiện thời người Xiêm với người Việt tình ý ăn hạp với nhau lắm, ký tờ hoà ước rồi, thì hai nước kéo binh về bằng an và lúc sau thì đã thấy khi thì nước Annam giúp nước Xiêm dẹp giặc, khi lại thấy nước Xiêm giúp nước Annam phục quốc, như trong sử ký Xiêm đã nói về lối đầu thế kỷ thứ mười chín.

Sau khi ký tờ hoà ước Labích thì nước Xiêm có nội loạn. Nhiều vị hoàng phái cựu trào và quan lớn người Xiêm không chịu phục vua Trịnh-Quốc-Anh vì ngài là người Chêc Triều-Châu, nên đã ghe phen nổi dậy làm phản, kết cuộc lại thời anh em ông Châu-Phya-Jamahásatsưc toàn thắng, cùng đã lên ngôi trị vì và lập ra dòng Chátkri ngày nay đó ! » Chị Kù-lạp Têrêxa nói tắt quá nên em phải hỏi về việc hai anh em Chátkri rằng : « Hai anh em quan lớn Chátkri làm sao mà đuổi được vua Trịnh-Quốc-Anh đi, mà kể vị ? » Cô Kù-lạp bèn đáp rằng : « Đó là một cái cơ hội may mắn và rất nguy hiểm, nhưng khi nên trời cũng chịu người, vì thế mà dòng Chátkri ngồi vững ngai vàng đến ngày nay. Câu chuyện nó như vậy : Trong năm 1781 có người quan Xiêm kia khởi nghĩa binh dặng phục ngôi vua Xiêm lại cho người Xiêm, mới dấy binh đánh trả nhà vua Trịnh-Quốc-Anh, thời vua sai ông Phya-Vang-sán đi dẹp loạn, không ngờ ông Phya-Vang-sán lại là em của quân giặc, luôn dịp tốt anh em họ mới hiệp nhau mà đánh rút tới thành linh làm cho vua Trịnh-Quốc-Anh trở tay không kịp, phải bại trận.

Khi đó thời hai anh em ông Châu-Phya-Jamahásatsưc và Châu-Phya-Jasurasi đóng đồn đầu ở ngoài Chantaboun hay là

còn ở đâu bên Tỉnh Hà-tiên nước Annam, không có ở tại trào và cũng không hiểu hai ông ấy đã làm việc gì mà vua Trịnh-Quốc-Anh đã hạ lệnh giam gia thất hai ông ấy và nhiều vị quan lớn khác. Hai quan lớn này người Annam quen gọi là Chátkri và Sôsĩ là hai vị yếu hơn ở trong sử-ký quận Hà-tiên của ông Mạc-Cửu hay nói tới đó. Vậy khi hai anh em quan Châu-Phya-Jamahásatsuc nghe tin nước nhà có nội loạn và vua Trịnh-Quốc-Anh đã bại trận, thì kéo binh về đánh thêm nữa.

Quân của hai anh em ông Chátkri về đóng tại chùa Watkhônkêu hay là Watthăpphlanăi còn cháu của hai ngài thì đóng binh tại kinh đô nơi chùa Wattămpư kêu là Watxaná-sôngklan. Vua Trịnh-Quốc-Anh thua trận thì trốn ở trong chùa Wat-Bangjirura. Hai anh em quan Châu-Phya-Jamaha-satsuc về tới kinh thành thì căm giận đức vua Trịnh-Quốc-Anh lắm, nên đã sai quân kiếm vua mà giết đi cho đã nư giận. Quan-giám-sát đến chùa mà bắt vua ra giết thì vua phán với ông ấy rằng : « Xin cho trăm gặp mặt ông Chátkri một chút, rồi có hạ sát, thời trăm cũng an tâm. » Quan-giám-sát nghe vua nói mũi lòng quá nên đã đem vua đi tìm ông Chátkri như ý vua muốn.

Ông Chátkri thấy vua ngự đến liền khoát tay biểu Quan-giám-sát đem ngài mà chém đi cho rồi, chớ còn vua tôi chi nữa mà gặp. Quan-giám-sát liền đem vua Trịnh-Quốc-Anh đến rạch Klong-băng-kokjái nay kêu là Klong-băng-luàng, dẫn vào chùa Watbangjirura mà hạ thủ.

Phần quan Phya Vangsán đã làm loạn đánh đuổi vua Trịnh-quốc-Anh, thì bị khép vào án loạn thần mà phải giết chết. Vợ con dòng dõi của vua Trịnh-quốc-Anh đều phải chết theo vua. Còn ông hoàng tử trước kia đã đem binh ra chiến cứu nước Cao-Mên thời bị quân Cao-Mên giết chết, thế là rồi

đời mười tám năm phục quốc của vua Trịn-quốc-Anh .. | Đức-Tác là vua Trịn-quốc-Anh chết, nhưng tiếng ngài phụ quốc đánh đuổi quân Phà-mà vẫn còn vì việc ngài đã làm xưa như là việc lập thành Bangkôk người Xiêm kêu là Krungthôn bury nghĩa là trung đô bên vũng, người Aniam kêu là Cồ lạc thành và người Chêc kêu là Vọng-Các là ngụ theo ý Đức-Tác lúc ngài nằm chiêm bao thấy các vong linh vua Xiêm đuổi ngài, không cho ngài ở tại cựu đô Ajuthia, chớ thật thì vua Trịn-quốc-Anh nghĩ cựu đô Ajuthia gần nước quân Phà-mà hằng bị xâm phạm luôn, lại địa thế không tốt, nên mới bịa ra điềm chiêm bao dựng lấy có mà lập đô mới tại chỗ Bangkok này là nơi có địa thế tốt, lại gần cửa biển Paknam và gần đồn Xonlaburi (Bangplasai) là nơi Đức-Tác đã lập thành lũy kiên cố đến nay vẫn còn di tích ở đó.

Vua Trịn-quốc-Anh đối với nhà vua Chátkri cũng như quân Tây-Sơn Nhạc Huệ đối với nhà vua Gia-long của chi vậy, nên em không có thể nói rõ sự tích của họ cho chi nghe đặng. Khi nội loạn đã hết, vua Trịn-quốc-Anh đã chết rồi, thì anh em quan mã binh Châu Phya Jamahátsur mới hội quần thần lại dựng tức vị phòng vương. Ông Châu Phya Jamahátsur tức là Chátkri lên ngôi chánh hoàng-đế lấy niên hiệu là Sômdet Prá Jotfáchulalók gọi là Vang Luâng tức là Rama I; ông Châu Phya Jasurôsi tức là Xôxi làm vua nhì lấy niên hiệu là Sômdet Maha Prá Ratxavang bôvông kêu là Vang nà tức là Rama II; còn cháu của hai ngài thì làm vua ba lấy niên hiệu là Sômdet prá Rátxà kêu là Vang lảng. Nhà nước mới lập lên hai toà cung điện ở phía mặt trời mọc bên tả ngạn sông Châu Phya Ménam, một ngôi cung điện chánh cho vua nhứt kêu là Vang Luâng; một ngôi cung điện nhì cho vua nhì kêu là Vang nà. Phía mặt trời lặn bên kia sông Châu Phya thì lập một ngôi cung điện cho vua ba kêu là Vang-Lảng. Thời nay quyền cai

trị trong nước đều thuộc về một tay vua nhưt là vua cả nước
Xiêm, còn mấy vị vua nhì vua ba thì để giúp việc triều chánh
chớ không có quyền chánh trị và ngoại giao với các nước.»



— X —

Linh đình đất khách, quê người ;

Làm công cũng giỏi, làm thần cũng xong !

Em nghe nói người Annam dặng sung vào cơ linh ngự làm pháo thủ thời hỏi chị Kùlạp rằng : « Hồi nầy chị nói người Annam trai tráng đều sung quân làm lính Xiêm dặng ông hoàng Lữi-Đen phò hộ sao đó, thời chị hãy nói cho em nghe với. »

Cô Kùlạp sửa soạn nói, thì cô Sara bưng lên một đĩa bánh đậu xanh và bánh phục linh mời chị em em mà rằng : « Mời má với hai chị dùng thử ít cái bánh thanb tâm và phục linh nầy và uống với em một chén trà định trí cho trơn giọng mà nói chuyện cho vui. »

Em tiếp lấy một cái bánh phục linh cầm ăn lại sực nhớ tới câu chuyện bánh bao của cô mỹ nhơn kia đã hầu chuyện với mấy bà quan hôm nọ, liền bực cười phun cả bột bánh ra áo, cô Dara thấy liền hỏi : « Chị Hồng-Hải-Đường có chuyện chi vui lắm sao mà cười riêng một mình vậy ? »

Em lật đật đáp : « Xin lỗi mấy chị, em vì nghĩ tới câu chuyện bánh bao của nàng mỹ nhơn kia mà tức cười, nhưng xin đề rồi em sẽ thuật chuyện lại cho qui chị nghe, nay xin đề cho chị Kùlạp nói cho dứt câu chuyện Annam cũ đã, xin qui chị miễn chấp. »

Cô Kùlạp liền uống một hớp nước rồi nói rằng : « Lúc ông bà em đến xứ Xiêm thì nhằm đời vua Rama III là dòng thứ lên quyền vua thế cho Đông-Cung Thái-tử dòng chính còn

nhỏ quá trị vì chưa đặng. Mà khi Đông-Cung khôn lớn thì vua Rama III không chịu trả ngôi cùng làm vua luôn ba mươi năm ; nên ngài đã đi vô chùa tu rồi sau cũng lên ngôi là Rama IV đó. Ngài có một người em giỏi nghề binh và lúc ấy làm quan thống chế coi hết các đạo binh lính của Xiêm là đức ông Lữi-Đen tên hiệu là : Sômdệt Prạ Phlịnkhlào. Đức ông Lữi-Đen này tánh ưa nghề võ lắm. Khi ông bà em an cư lạc nghiệp rồi, thì đức ông Lữi-Đen mới biểu người Annam tập lính, thời lựa người trai tráng từ hai mươi tuổi sắp lên được hơn hai trăm người, bèn phân ra làm hai đạo binh tiền và hậu. Dân Annam bấy giờ là con nhà võ, nên tập lính giỏi và lanh lẹ dạn dĩ lắm. Đức ông Lữi-Đen có lòng yêu mến lắm, ngài thấy lính Annam tập lính bộ giỏi, mới biểu tập nghề pháo thủ bắn đại bác thời lính ta cũng được loàn tài khôn khéo, khiến đức ông càng yêu càng phục hơn nữa.

Lính Annam khi giờ rảnh lại chăm bẽ tập luyện nghề võ Annam của mấy ông võ sĩ Annam truyền dạy cho đủ cả mười tám phép quyền bổng và ba mươi hai cung biến hoá. Các món siêu, đao, côn, trượng và roi, kiếm ; thời ông bà em giỏi lắm, khiến danh anh hùng Nam-việt đã lừng lẫy khắp đất xứ Xiêm làm cho vua qua thiên hạ ai ai cũng đều khen ngợi kính vì thấy thấy.

Cơ lính Annam bấy giờ là một đội tinh binh hạng nhất của nước Xiêm. Như thấy đức ông Lữi-Đen muốn tập lính theo phép kim thời, Đức cha Gioang mới đem người bếp của ngài là ông Lamát dâng cho đức ông Lữi-Đen đề giúp việc tập lính vì ông Lamát trước có làm « Sơn-đá » Langsa. Đức ông liền thâu dụng và giao cho ông Lamát tập thêm một đạo binh Annam nữa vì người Annam dễ dạy và mau hiểu lắm.

Ông Lamát được trọng dụng liền thăng chức quan Khủn Luâng tạng prathét lãnh việc tập lính Annam theo phép Lang-

sa, ông ấy cứ tiếng Langsa mà tập gối oách, on, dơ, chi chi đó làm cho ông bà em đã phải học lập vất vả lắm. Cứ tảng sáng thì xuống trường tập lính, chiều tối về nhà lại phải xay lúa, gánh nước, giã gạo thiệt là mệt nhọc quá. Đàn bà ở nhà thì lo nấu ăn, nuôi heo và đặt rượu bán, công việc cũng nhiều, nhưng ai nấy cũng đều an cư lạc nghiệp. Trong xóm thời hoà thuận đồng tâm, kẻ trên biết thương người dưới, kẻ dưới biết kính nể người trên, khiến quan dân ai ai cũng kính trọng yêu vì, lính tráng Xiêm Chêc không hề dám đến xóm Annam mà phá phá chọc gheo tới con gái Annam ; thuế vụ khổ đống ; trăm việc đều có đức ông Luỡi-Đen bầu chữa.

Bấy giờ Đức ông Luỡi-Đen mới dọn về nơi cung điện cũ của vua Trịn-quốc-Ai h trước mà sửa sang lại ở. Đạo binh Annam thì có ba tước chia ra trung quân có quan chánh binh Annam hiệu là Prạ Bănglư Singkhanát tức là ông Học ; tả tiền quân thì quan Khửn Phlănsătbuận tức là ông Trùm Tbói là tể quan lớn Prạ Bănglư Singkhanát ; hữu tiền quân thì quan Khửn Phlănsătban tức là ông Chắt là cháu quan chánh binh ; hậu quân thì quan Khửn Prasit Sarachak tức là ông Huấn. Dưới các quan này thì có hàng phó tướng cai đội đều là người Annam.

Lính Annam được nhà nước Xiêm trọng đãi lại có quan thầy quyền thế nữa, thì hơi lên nước lớn một chút ; như có lần kia có quan Thượng-thơ đại thần oai thế lừng lẫy khắp trong châu ngoài quận là đức ông Sômdệt Châu Phya Jaông-giai. Ngài là quan bầu chủ của dân Chêc, nhờ thế ngài mới vô buôn bán ở xứ Xiêm cùng lập nghiệp tại thành Bangkok.

Quan lớn ấy ăn mừng ngày sanh nhật của ngài, nên tại dinh ngài có trần thiết rục rở và bày ra đủ cuộc vui chơi hát xướng Xiêm Chêc, có bát người hát khi đủ cách. Cuộc lễ này cụ thể lắm, thuở nay chưa từng thấy vui vẻ náo nhiệt như

vậy ! Trong ba ngày lễ ở dinh quan lớn đã nên cảnh phiên ba đô hội. Lính Annam ta cũng tới coi hát tuồng Xiêm của bạn nữ bang đóng tuồng đẹp đẽ lắm. Cái nghề lính hễ quá chén vào thời hay say sưa vất vả thấy ai ghẹo nấy, gặp đâu phá đó. Mấy chú lính say vào dinh quan lớn coi hát rồi chọc gái sao đó bị lính canh ví bắt, mới ra oai đánh trả làm náo động cả dinh quan lớn, ngài bèn truyền lệnh bắt. Lính Annam đâu chừng năm sáu chú cựa không lại cả toán quân tuần, mới phải bắt cầm ở hậu dinh quan lớn.

Lúc đó một chú lính trốn lộn liền chạy về đồn mình phi báo với quan ta rằng : lính mình đi coi hát ở dinh quan thượng bị chúng ăn liếp rồi lại bị quan lớn bắt giam nữa, thiệt là oan ức xấu hổ quá và cũng chưa biết mấy anh em họ bị bắt nay sống chết thế nào nữa ; làm cho quan ta tức giận mới vào bẩm với Đức ông Lưỡi-Đen xin ngài mau mau hạ lệnh đem quân qua cứu mấy tên lính kia phải mắc oan kéo thiệt mạng. Đức ông Lưỡi-Đen nghe nói lính của mình bị nhục thì cũng nổi giận phừng phừng, ngài mới truyền lệnh cho các võ sĩ tụt lại hết và phải nai nịt khí giới hẳn hoi đặng xuống chuyển thuyền qua dinh quan Thượng buộc quan lớn Thượng phải mau mau đem mấy tên lính Annam ra trả, không thì phá tan hoang dinh ngài đi.

Được lệnh troãn, lính của ta mới cử binh đi và quyết làm dữ cho đã nư giận. Họ bơi chiến thuyền và đi và hò hét vang rầm, như là binh tướng gần xáp trận vậy, làm cho hai bên sông thiên hạ đều hoảng vía kinh hồn tưởng là giặc đâu kéo tới. Khi nghe rõ việc lính Annam tính đi phá dinh quan lớn Thượng, thì ai ai cũng khiếp vía sợ hãi và chắc sao quân lính này cũng làm dữ chớ không chơi. Lính canh thấy quân Annam rần-rần rộ-rộ kéo cả đạo binh đến thì chạy vô phi báo cho quan lớn Thượng biết, ngài liền truyền lệnh rằng : « Bay

đem mấy tên lính Annam giam ở trong dinh ra đây đợi họ tới thì trả cho yên chuyện, chớ quân họ háng lắm đó, hồi nãy chúng nó có vài tên mà dám cự lộn với cả binh ta, nay chúng nó kéo cả cơ binh qua, thời không chơi đâu. Ta cấm không ai được xạo xự làm rộn mà sanh sự nguy hiểm đó. »

Ngài truyền lệnh rồi liền ra nhà tiệc ngồi đợi đó. Quân lính Annam kéo tới bến bèn thổi giọng hồ khoan. Các quan binh Annam liền truyền thổi kèn thân binh, đoạn nhẩy lên bến cách điệu oai nghi lắm. Lính cứ thứ tự kéo lên sắp hàng tư trước dinh quan lớn thượng. Một nửa lính thì vây ngoài thành, một nửa thì kéo thẳng vô thành đến ngay chỗ nhà hát nhà tiệc họ đi có thứ lớp lắm. Người ta coi hát liền rẽ ra cho họ đi vào cách oai nghi vạm vỡ. Kèn binh thì cứ thổi thúc binh xáp trận.

Quan lớn Thượng xem thấy ngài sững sốt và lật đật phán rằng : Việc này ta không hay nay lỡ việc rồi mới rõ, vậy ta xin các quan binh hãy trở về tâu với Đức ông rằng : Mai sáng ta sẽ vào chầu ngài, nay khuya quá, ta không dám phiền ngài. Năm tên lính Annam này đây ta giao cho các quan binh đem về luôn thể. » Các quan Annam bèn làm nhủn bầm rằng : « Bẩm quan lớn Thượng, mấy tên lính này có tội thì xin quan lớn Thượng cứ truyền giữ chúng nó lại đây, để chúng tôi trở về bẩm lại với đức ông Toàn-quyền hay cũng đặng. » Quan lớn Thượng liền chau mày mà rằng : « Xin các quan binh chớ phiền, việc nó đã lỡ rồi, phải chi ta hiểu rõ từ lúc ban sơ, thì có đâu ra vậy, thôi các quan binh hãy vì ta mà bỏ êm câu chuyện và lãnh mấy tên lính này về đi. » Các quan ta mát ruột mới bái tạ quan lớn Thượng, rồi thâu binh kéo về, lúc về cũng cứ thổi nhạc nhà binh và hò hét như trước.

Đến bến các quan liền vô bẩm cho Đức ông Lưỡi-Đen

biết rằng quan lớn Thượng đã thả lính Annam ra rồi và hứa ngày mai ngài sẽ vô châu Đức ông. Đức ông Lười-Đen mới phán rằng : « Ta tưởng là nó làm ngang không giao trả lính của ta, chớ nó đã trả rồi thì thôi. »

Sáng ngày quan lớn Thượng đến châu Đức ông và tạ rằng : « Sự đêm hôm qua chúng tôi không rõ, sau lỡ chuyện rồi mới hay, vậy xin Đức ông rộng tình thương xót. » Đức ông Lười-Đen bèn phán rằng : « Việc xảy ra mà quan lớn Thượng không rõ thì thôi, ta cũng đại xá đi cho. Quan lớn Thượng cũng nên nhớ rằng : tên lính là hạng vô danh tiểu tốt, nhưng nó là người cứu mạng cho nước nhà trong buổi giặc giã, và bình thường thì nó canh giữ trật tự cho ta được an nhàn ; ta phải coi nó như con cái yêu dấu mới phải, chớ đâu ta lại ăn ở lạt-lẻo ơ-hờ với nó, thời sao cho đáng phận mình làm cha mẹ dân !

Vả lại lính Annam là lính tin cậy của nhà nước Xiêm, nó rất trung thành tín nghĩa, vậy quan lớn Thượng hãy nên thương yêu chúng nó với. »

Việc như vậy mà chưa ai hiểu rõ là lỗi về ai nên câu chuyện vẫn im lặng như thường, sau mấy chú lính rắn mắt đó đi uống rượu say nữa và trong lúc quá chén mấy chú họ mới nói lẽ với nhau chơi, họ đem việc say rượu chọc gài ở dinh quan lớn Thượng ra mà nói phách, rủa lính tuân nghe đặng về bẩm với quan chánh binh rõ mọi sự, ngài mới truyền đem sáu chú lính đã gây ra việc náo động xưa đó ra thưởng cho mỗi chú năm chục bèo, khiến thịt văng máu chảy, làm cho mấy chú từ rày trở đi hết còn say nữa. Xóm Annam bấy giờ được tiếng tốt là nhờ có các quan Annam khéo bề cai trị và dạy dỗ dân lành, khiến người người đều coi nhau như anh em ruột một nhà vậy. »

Em nghe nói người Chệc lúc ấy mới vô xứ Bangkok

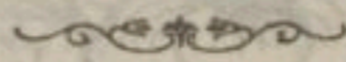
không được bao nhiêu mà sao ngày nay thấy họ hăng hà sa
số thì hỏi chị Kỳ Lạp rằng :





Lập công-ty, nhóm Thiên địa hội,

Ra oai linh Annam dẹp giặc Tàu.



« Chị nói người Chệc lúc ấy ở kinh thành Bangkok chưa có là bao nhiêu, sao mà em thấy buổi này họ đông hơn kiến cỏ vậy chị ? Họ đã làm được sự gì ở xứ Xiêm này ? » Cô Kù Lạp liền đáp : « Đời vua Trịnh-quốc-Anh trị vì thì người Chệc qua ngụ xứ Xiêm đã đông rồi, nhưng họ ở các nơi tỉnh-lị khác buôn bán làm ăn, còn ở tại Bangkok, thời chưa có mấy người.

Người Chệc đi đâu thì họ cũng vẫn quen thói lập hội buôn bán kêu là công ty. Ở xứ Xiêm này lúc ấy họ thấy thế người Xiêm yếu, họ mới lập ra một hội thương lớn cả buôn bán, cả làm giặc ; kêu là Thiên địa hội hay là tua công xi nghĩa là hội lớn hơn hết. Họ góp tiền vốn nhiều, buôn bán lớn và giúp đỡ nhau hãn hòi lắm.

Buổi ấy ở tỉnh Pétriểu họ đã lập được phe đảng lớn và thừa thế họ đã nổi loạn cướp thành và giết các quan tỉnh. Khi sớ về tâu vua, thì đức ông Lưỡn-Đen cho đòi các quan binh Annam đến mà phán rằng : « Nay quân Chệc ở Pétriểu khởi loạn giết quan cướp thành, thời các quan hãy vì vua vì nước Xiêm mà sửa soạn binh mã khí giới, kíp đi chiến cứu tỉnh Pétriểu và trừ quân hung đảng đi cho hết. »

Ngài lại truyền lệnh cho binh tướng kéo đi như vậy : « Đạo binh súng lớn đại bác thì đi tàu buồm chạy thẳng vô cửa Bangprakong, đạo binh súng nhỏ thì đi ghe vô ngã kinh

Sénsép mà tới vằm Bangkhanăklong cứ đàng xuôi nước mà xuống. Binh bộ thì đi ngả Sapathum nhắm ngay Pétriểu đánh tới. » Nội trong ba ngày thời binh bộ binh thủy gặp nhau gần Pétriểu bèn hiệp nhau vây thành cả đánh quân Chêc đại bại, rồi kéo binh vô nhập thành là lúc canh tư bắt được quân Chêc kẻ thì đang đi cướp phá của dân, kẻ thì đang còn ăn uống vui say vất mả, quân ta giết vùi, họ chết như rạ và chạy trốn tứ tán. Những quân Chêc bạo dạn hơn hết thì đã liều chết mà đánh với quân ta luôn mấy ngày đêm tiếp một cách hung dữ vô cùng, quân Annam cũng đã hết sức chống cự và nhờ là quân thiện nghệ nhà binh có tập tành võ nghệ lại bắn súng giỏi lắm, nên quân Chêc chết gần phân nửa phải thua, và xin hàng đầu. Quân ta bắt được tù binh và khí giới nhiều vô số. Trận Pétriểu kể ra thời nguy hiểm ghê gớm vì quân Chêc đông hơn quân ta và ở ngoài thành thì họ có quân cứu viện nhiều nơi kéo tới, mà không làm gì nổi. Bên quân Annam may không ai bị tử trận, chỉ bị thương hơn ba mươi người, thời một vị phó tướng, bảy ông đội và năm thầy cai, còn lại là mấy bác quyền.

Quân giặc thua chạy rồi, tướng giặc cũng trốn mất, quân Annam cố đi kiếm bắt mà không biết nó đi nơi nào ; sau nhờ lính tuần của ta bắt đặng một người đàn bà đem đồ ăn cho nó, mới đem quân theo người đàn bà ấy, thì đi tới một cái hầm ở bên góc thành phía mặt trời mọc, có ngạch thông ra tới bờ sông kín đáo và chắc chắn ; nếu không có người đàn bà ấy đem đường đi thời không sao biết đặng. Quân ta phục binh rồi áp xuống hầm đi riết tới chỗ tướng giặc trú, thì thấy ba người đầu đảng giặc đang hút a phiến, còn lim dim giấc mộng phù dung, liền bắt trời đem về tra xét, thì vợ của tên đầu đảng ấy là con gái của quan trấn tỉnh Pétriểu nó đã bắt cướp.

Đẹp giặc rồi quân ta mới khởi hoàn về kinh đô tàu qua mọi sự cùng đem nộp ba tên đầu đảng với bốn trăm tên giặc đã bắt sống dặng ; vua quan đều khen ngợi vô cùng. Đức ông Luõi-Đen mới đi viếng những kẻ bị thương tích thời thấy người đứt chun, kẻ cụt tay, người bẻ đầu, kẻ lủng bụng rất nên thắm thương ; Đức ông bèn mở lời khen và an ủi rằng : « Vì nhà nước Xiêm ta mà các người phải khó nhọc cùng thương tích nguy hiểm như vậy thì ta lấy làm động lòng và biết công đức của các người lắm. Ta ghi công cho các người, các người hãy an dưỡng bằng an. » Rồi ngài lại căn dặn quan chánh lãnh binh ta phải ân cần săn sóc cho kẻ bệnh mau lành đã, đoạn đức ông vào triều tâu cho đức vua biết rõ công nghiệp đẹp giặc Pétriểu của quân lính Annam, thì vua Xiêm ban lời khen ngợi và ban thưởng các hàng quan quân của ta cùng truyền đem quân giặc ra bắn chết hết. Đức ông Luõi-Đen thấy giờ thấy con trai Annam lớn lên đã hơn, nên ngài truyền mở ra lập thêm một cơ lính thủy Annam nữa và tạo thành hai chiếc tàu binh đặt tên là Phya Mô và Phya Jam với đóng hai chiếc tàu tuần nhỏ kêu là Rura phòm bề dài mười thước để đi tuần ngoài cửa biển, vì lúc đó ở biển ngoài có quân giặc tàu ô của Chệc gọi là Phưócsalát hay cướp phá những ghe tàu buôn đi ngoài biển khơi.

Lính Annam làm binh bộ đã giỏi, mà làm lính thủy lại càng giỏi hơn nữa. Hai chiếc tàu tuần do lính Annam cai quản đã làm cho quân giặc biển kinh hồn khiếp vía. Hễ tàu tuần gặp tàu ô quân giặc, thì quân giặc chạy dằng trời cũng không khỏi chết.

Quân thủy của ta đã trừ nổi cái đám giặc biển và đã bắt được tàu bè của giặc dặng của cải nhập kho nhà nước rất nhiều. Nhờ quân ta mà các bạn buôn ghe ở Chantaboun cùng nhiều nơi khác đi về Bangkok khỏi phải trốn vợ già con mà đi

như thuở trước nữa ; nghĩa là được đi vãng vàng khỏi nguy hiểm trộm cướp như xưa.

Chỗ giam quân hải tặc là nơi sau lưng Wat Phô và chỗ nhận chìm các tàu ô của giặc đã bắt được là nơi Wat Prache đi ngang nam. Đức ông Lữi-Đen thấy quân Annam tài nghệ xuất chúng lại tách khí anh hùng thì thương mến vô cùng. Ngài tin dùng ông bà em lắm, nên đã tâu vua thâu hết súng đạn khí giới các nơi đem về trữ tại đồn quân lí th Annam giữ. Khi ngài lo sắp đặt mọi sự binh bị thời vua Xiêm là đức Sôndet Prạ nằng lao tức là vua Rama III làm trọng bệnh, Đức ông Lữi-Đen lo hầu hạ và thuốc men cho ngài, khi thấy ngài bệnh càng ngày càng trọng thời các cung điện nhà vua tính mưu việc kế vị truyền ngôi cho hoàng tử con ngài, chớ không nghĩ tới việc trả ngôi thiên tử lại cho dòng chánh là đức ông Đông cung thái tử đang tu sãi ở chùa.

Vậy khi vua Ra na III làm trọng bệnh thì ở triều đình nước Xiêm đã phải một cơn bối rối khó bề xử trí. Nếu không có đức ông Lữi-Đen và quân lính Annam ta dự vào, thời chưa biết công việc bấy giờ đã ra làm sao rồi. » Em nghe vậy liền hỏi phăng tới rằng : « Vậy người Annam làm sao mà dự vào việc triều chánh đặng ? » Cô Kùlap đáp rằng :



— XII —

Hộ giá Hoà-Thượng lên ngôi ;

Annam bắn đũa với tàu binh Pháp.

« Khi nghe tin các cung điện nhà vua muốn chuyên quyền đoạt ngôi dòng chánh mà định phong hoàng tử thay cho vua Rama III, thì đức ông Lữi-Đen liền đem binh lính Annam ta nhập vào thành nội cạ bị các đồ binh khí cùng súng đạn lớn nhỏ, như là gần phải xáp vào trận, dặng chờ xem tin tức nhà vua ra sao.

Ngài được tin vua băng và nghe rằng : các cung điện muốn tôn hoàng tử lên thế vị, thời ngài phán với các quan binh Annam rằng : « Quan chánh binh Prạ băng lư singkanat tức là ông lớn Học bầy đòi các quan chánh phó tả hữu các đạo Annam nhóm lại mà đọi khẩu hiệu ta, hễ thấy trong cung có bóng lồng đèn kiến đồ rọi ra, thì các người thúc binh bắn súng đại bác chỉ ngay vào nơi cung điện. » Phán rồi đức ông Lữi-Đen bèn đi thẳng vào nội điện có hai quan phó tướng Annam theo hầu cách oai nghiêm lắm. Vô tới nội cung thời bà quốc mẫu, ông hoàng tử và các cung điện liền hiểu ý đồng đem ngọc ấn, gươm vĩa và các đồ ngự triều mà nạp cho đức ông Lữi-Đen, đề tùy ý ngài liệu định. Đức ông bèn phán rằng : « Ta tưởng rằng không giao gươm ấn, chớ đã giao lại rồi, thời mọi sự đều bằng an cho chúng ta thảy thảy. » Nói đoạn Đức ông liền trở ra truyền lệnh cho quân lính phải phân ra

hai đạo binh một phần thì ở giữ đó, một phần thì đi lên chùa Watbovonivết rước hoàng huynh của ngài về đặng phong vương ngay đêm ấy. Lĩnh Annam bèn vung lệnh kéo đi rước đức ông hoàng huynh còn đang tu sĩ ở chùa về ngay lập tức. Quân ta hộ giá rất cẩn thận và gan dạ lắm, chớ không thời đâu đã được toàn hảo như vậy ! Hộ giá đức ông Thái tử vô cung rồi thì đức ông Lữi-Đen liền biểu ngài cỡi hổ áo sải đi cùng phong ngài lên ngôi vua nhứt lấy niên hiệu là : Sômdệt Pră Chomklào tức là vua Rama IV dòng Chătkri, kể đó vua và triều thần cũng phong đức ông Lữi-Đen lên làm vua nhì lấy hiệu là Sômdệt Pră Plinklào. Hai ngài lên làm vua thời dân Annam ta và con nhà giáo hữu vui mừng biết dường nào mà kể cho xiết. Hai anh em đức ông Lữi-Đen lên làm vua thì tâm đầu ý hợp lắm, anh phán thì em nghe, em tâu thì anh chuần, thiệt là anh em hoà thuận ít có lắm.

Bấy giờ đức ông Lữi-Đen mới lo tu bổ các ngạch nhà binh ra thứ lớp chỉnh tề mạnh mẽ. Quân lính Annam lúc ấy lại được phần chíanh hùng, ra tài tinh xảo và giỏi nghề bắn súng lớn đại bác, súng cối xay súng nhỏ và súng tay. Lĩnh Annam có tài sai khiến các vị thần công khiến viên đạn bắn bia chỗ nào thì tin ngay vào chỗ ấy, khiến cái danh tiếng bắn súng giỏi của người Annam ta lưu đến ngày nay vẫn còn lừng lẫy. Có chuyện sau này làm chứng sự tài giỏi của con nhà Annam là vài năm sau đức vua Rama IV lên ngôi, thời có một lần nhứt thực lạ lắm, các nhà thiên văn nói rằng, mặt trăng sẽ nuốt mất mặt trời trong hai giờ đồng hồ, mà muốn coi cho rõ thời người ở Bangkok phải ra ngoài cù lao Chan xem mới thấy rõ, vậy luôn dịp có tàu binh của người Langsa đến chơi nước Xiêm, các quan Langsa mới mời vua Xiêm ngự ra ngoài cù lao Chan để ngự xem nhứt thực và tàu binh Langsa luôn thề.

Đức vua Rama IV còn bán tín bán nghi, ngài mới truyền

cho vua em là Đức ông Lữi-Đen thay mặc ngài ra ngoài cù-lao Chan xem thử. Vua nhì là đức Sômdệt Pră Plinklào bèn hạ lệnh cho các quan binh Annam kéo súng đại bác xuống trần thiết hai chiếc tàu binh Xiêm Phya Mô và Phya Jam đặt ngài ngự ra tiếp quan binh nước Langsa và đi coi nhứt thực. Lúc vua nhì ngự xuống tàu thì quan binh Annam ra hiệu bắn mười hai tiếng súng rước ngài, rồi kéo neo chạy ra cửa Pak-nám. Quan tàu là ông Xuân chức Pră xômphan, cha khách trú, mẹ Annam Chantaboun, tên là bà Đặng người đạo Thiên-Chúa. Tàu binh Xiêm ra đến cù-lao Chan thời tàu binh Langsa bắn hai mươi bốn phát súng chào mừng.

Quan Annam coi đạo pháo thủ Xiêm liền truyền bắn ba mươi sáu phát chào lại và cảm ơn quan binh Langsa. Quan Langsa thấy tàu binh bắn súng chào phải phép và bắn lệ làng chẳng kém chi quân Langsa, thời khen ngợi lắm. Đức vua nhì lấy làm hân hoan, vì ngài không biết rõ phép chào nhà binh, mà quân của ngài đã làm thể diện cho ngài, thời ngài vui lòng lắm. Quan binh Langsa qua mời đức vua nhì ngự qua xem tàu binh Langsa và bắn luôn mười hai tiếng súng chào trọng thể. Quân binh Annam liền bắn trả hai mươi bốn phát liền thình cách lịch sự lắm khiến người Langsa phải khen ngợi vô cùng.

Quan Langsa thết đại yến đãi Đức vua nhì và mời hết thầy các quan Xiêm qua phó yến nữa. Các quan binh Annam liền chia nhau ra làm hai phần, cùng luân phiên nhau mà đi dự yến, cứ nửa đi thì nửa ở nhà giữ tàu chớ không đi hết một lượt. Họ ý tứ như vậy và qua phó yến cách lịch sự lắm, quan Langsa thấy phải kính nể và khen ngợi. Trong khi diên yến thì Đức vua nhì và quan Langsa tỏ lời âu yếm kết hoà hai nước Xiêm Pháp và chúc mừng cho nhau được những sự phước lộc như ý.

Đức vua nhì đi xem tàu binh Langsa thấy cách thức khôn khéo và oai nghi thì khen và đề ý đặng sau về chỉnh đốn tàu binh của ngài y như vậy. Khi Đức vua ngự xem tàu binh và thấy nhứt thực trái đất che mặt trời hơn hai giờ đồng hồ rồi, thời tàu binh Langsa bắn năm mươi mốt phát súng đưa ngài trở qua tàu binh Xiêm, quan binh Annam liền bắn súng đáp lại cách lanh lẹ và trúng phép nhà binh lắm.

Trong khi bắn súng lớn đưa tàu binh Langsa đi thời bên tàu binh Xiêm xảy ra sự rủi ro làm chết hết một tên lính pháo thủ Annam tên là Tư-Hạp là chồng của thị Nghi, vì vô ý chùi họng súng lớn không kỹ đề sót một chút nĩ cháy ở trong lòng súng, nên khi nạp liều thuốc khác cây thông hồng vừa đầy thuốc súng vô họng súng, thì liều thuốc liền nổ bắn cây thông hồng nhằm tên Tư-Hạp gãy cổ văng xuống biển chết tươi mà quan lính cũng cứ tự nhiên bắn tiếp cho đủ số phát lệnh chào, rồi việc quan chánh binh Annam mới tâu Đức vua nhì hay, thời ngài tỏ dấu thương xót buồn rầu lắm, ngài truyền cho quân lính lo tìm vớt xác tên Tư-Hạp và truyền cho quan quân đọc kinh cầu lễ cho tên ấy theo phép đạo. Khi vớt được xác lên thì quan binh truyền lấy vải buồm tàu vắn xác tên Tư-Hạp và chôn cất tử tế. Đức vua nhì đã tỏ lòng thương xót tên Tư-Hạp đã vì nhà nước Xiêm mà bỏ mạng và cảm tạ ơn quân Annam lắm.

Đức vua nhì Lưỡi-Đen về triều tâu qua thiên tử hay mọi việc đã xảy ra mĩ mãn, thời Đức vua lấy làm đẹp lòng lắm, ngài bèn ban khen và truyền cho Đức ông Lưỡi-Đen lo sửa sang tàu binh Xiêm ra cho giống cách thức khôn khéo của người Langsa để chăm việc giữ gìn nước nhà cho an hảo. Đức ông Lưỡi-Đen thỉnh mạng rồi về nghỉ và ban cho quân lính Annam nghỉ một tháng về làng thăm cha mẹ vợ con khiến làng Annam ta bấy giờ được mọi người sum hiệp

đông đảo vui vẻ vô cùng. Nghỉ rồi một tháng thời quan binh lại nhập đồn luyện tập nghề binh như trước.

Cách đó chẳng bao lâu thời có tin ở tỉnh Lakhonxaisi quân thiên địa hội của Chêc nổi loạn cướp thành phá tỉnh Lakhonxaisi. Đức ông Lữi-Đen tâu qua hoàng thượng biết rồi ngài mới hạ lệnh sai quan binh Annam sửa soạn đi dẹp giặc. Lần này ngài truyền lệnh phải trị thẳng tay cho dân Chêc chừa kẻ chúng nó cứ làm rầy hoai, quan quân ta đặt lệnh liền cụ bị binh mã thuốc đạn và chiến thuyền đủ cả thủy bộ rồi kéo đi chiến cứu tỉnh Lakhonxaisi.

Lúc đó chồ rạch kinh Klongphră Xaisicharon chưa có kinh đào như bây giờ, nên phải cất binh đàng biển vào cửa Paknam Thachinmekrong. Nơi Thachinmekrong này là ấp người ở ghe làm cá biển, Xiêm gọi là rưa-thăm-kha-mủ-ebăp-plathủ. Quân Annam tới bến Thachinmekrong liền kéo binh lên vây thành Lakhonxaisi ngay từ lúc hai giờ khuya, đến rạng đông liền áp vô hãm thành.

Trận này dữ hơn trận Pétriêu trước vì quân Chêc ở đây đông quá sức, mà quân Annam chỉ có độ ba trăm ngoài mà thôi. Quả bất địch chúng nhưng quân Annam ta cũng chẳng sợ cứ việc hãm thành cách bạo đạn, mà bởi quân Chêc đông quá, lại bắn rất lắm, nên giao chiến đã một ngày một đêm rồi mà chưa hạ được quân giặc, mới phải lui ra ngoài thành và vây luôn đó ba ngày. Sau coi bộ quân Chêc hơi mỏng sức rồi, quân ta mới tấn riết binh tới một lần nữa và quyết liều chết dặng lấy thành cho dặng.

Tội nghiệp cho quân Chêc ở trong thành bị đạn súng đại bác, súng nhỏ và súng tay của quân ta bắn vãi vào thành như mưa, nên chết không biết bao nhiêu mà kể cho hết; máu chảy xác trôi cùng sông Lakhonxaisi làm cho nhơn dân không dám uống tới nước sông nữa. Súng thần công của ta bắn riết

luôn mấy ngày đêm, quân Chêc cự không nổi, phải đại bại qui hàng. Quân Annam lần này giàn trận đặc thế lắm, nên chỉ bị thương hơn ba chục người, chớ không có ai tử trận, thiệt là may và giỏi quá. Quân ngô chuyển này rồi việc, liền trốn về Tàu nhiều quá bội sợ bị bắt lây mà phải chết oan mạng, vì có lệnh vua truyền hễ bắt được ai làm giặc thì giết đi.

Quân Annam dẹp an giặc rồi, bèn khởi hoàn kéo binh về kinh đô báo tiệp. Đức vua nhì Sômdệt Prạ-Plinklào là đấng bàu chữa dân Annam ta được tin, ngài liền ngự ra bến Trà-voradit đặng rước quan quân của ta đã thắng trận khởi hoàn. Có các quan triều theo hộ giá ngài nữa. Tàu đến bến thì quân lính ta liền bồng súng thồi kèn thắng trận chào Đức vua nhì, đoan các quan Annam đến tâu vua nghe rõ mọi sự trước sau cặn kẽ và dâng bản địa đồ vẽ rõ các nơi trận thế và tỉnh thành đã bắt lại đặng.

Đức vua nhì xem qua liền khen ngợi các quan quân ta rằng : « Trời sanh ra các người làm trai thiệt là đích đáng lắm ! » Đức ông Lưỡ-Đen lấy làm khoái dạ lắm, nên ngài mới truyền cho hết thầy cả quan quân kéo thắng binh nhập thành đặng bái yết Đức vua nhứt ; tức thì quân ta sắp theo hàng ngũ lên hàng hai bỏ hàng tư, túc còi dống trống và thồi kèn tấn binh khởi hoàn vô thắng dền vua ngự, cách điệu oai nghi lắm liệt lắm, khiến hơn dân ra coi đầy đàng chật ngõ, xem thiệt là vinh diệu vô cùng. Đức vua nhì và các quan thời đi tiếp sau mấy đạo binh khiến nhuệ khí con nhà Nam-Việt lại càng nổi hơn nữa.

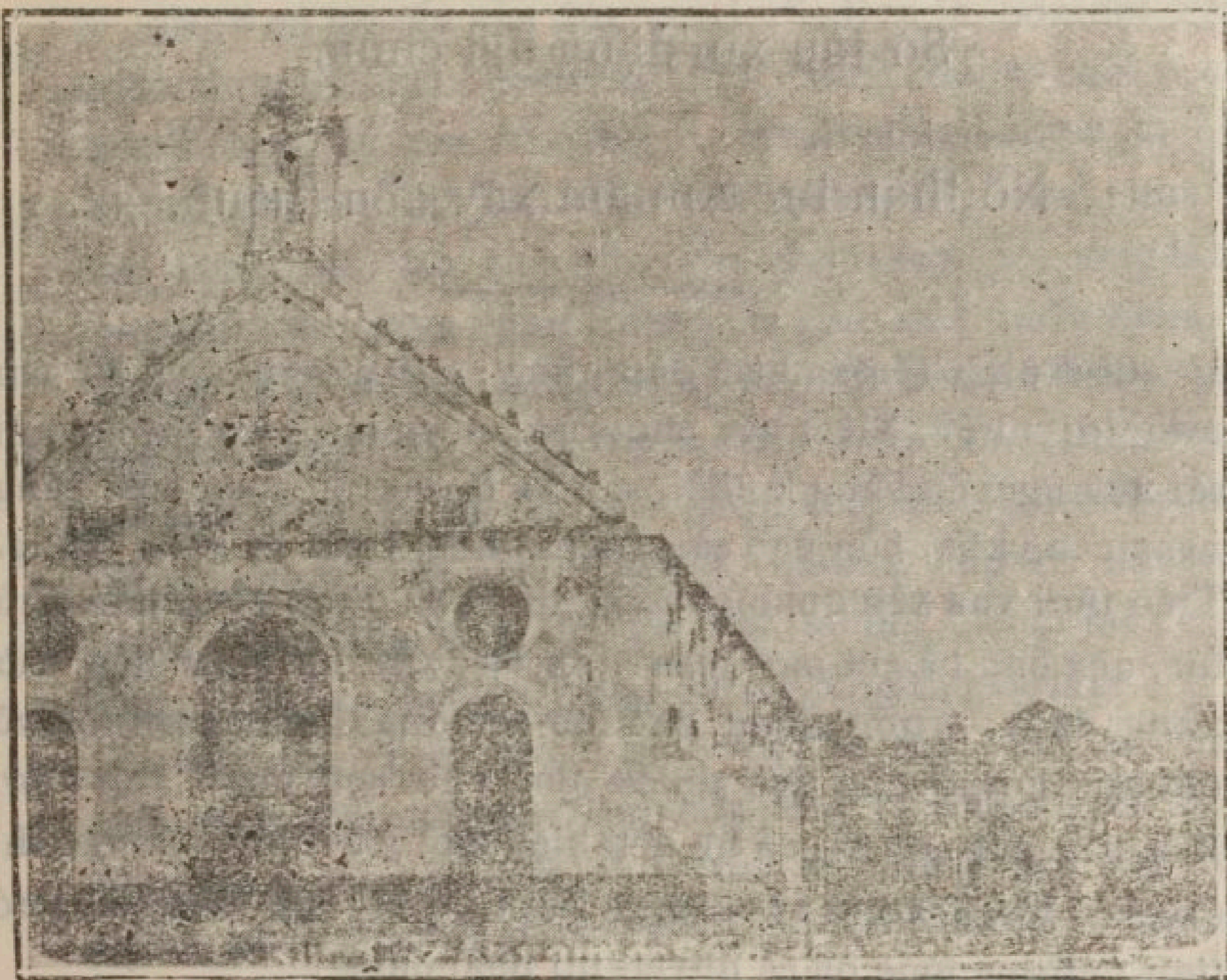
Vào đến sân châu thời Đức vua nhứt ngự ra bộ tiền để nghe báo tiệp. Đức vua nhì mới tâu qua mọi sự và xin ban thưởng cho các quan quân thời Đức vua nhứt Rama IV phán rằng : « Trẫm sắc ban lời cảm ơn và khen các người thầy thầy đã có lòng phò vua vực nước cách can đảm thật tình và

đã thắng trận lần này là lần thứ hai một cách vinh hiển như vậy, thì trăm lấy làm đẹp lòng hả dạ lắm. Vậy trăm y tấu của ngự đệ mà ban thưởng cho các người như ý của ngự đệ và ban chúc phúc lành cho các người thấy thấy. »

Các quan liền tung hồ vạn tuế cảm tạ ơn vua, rồi rút quân theo hộ giá vua nhì về cung điện Vangnà mà lãnh yến của Đức vua nhì ban cho. Trong buổi tiệc thời Đức vua nhì đã tỏ dạ yêu vì các quan quân Annam ta một cách nghĩa thiết lắm và hứa sẽ hết sức bầu chữa cho quân dân Annam trong đời ngài và trong các đời con cháu ngài nữa. Tiệc đoạn các quan quân Annam mới lui về nhà thăm cha mẹ vợ con và an nghỉ ít lâu rồi lại nhập ngũ như trước. »

Nói tới đây tình cờ em ngó lên trên vách trường thấy hình một ngôi đền thờ kia đẹp lắm, thấy phía mặt tiền thì có hai lầu chuông hai bên tả hữu xây hình trụ vuông chót ngọn như mũi tên bắn ra hai cây thánh Giá, ở khoản giữa trời lên một cái tháp khám cao hơn hai cái tháp kia, nóc vuông nhọn có thánh Giá, trong khám tháp thì đề tượng thánh cả Phanxicô Xavie một tay cầm thánh Giá giơ lên trời ra hiệu cho khắp cả phương Đông biết rằng : Chúa đã ra đời cứu thế. Nhà thờ bề dài đếm được chín căn. Hai bên hông nhà thờ có hai cánh lối ra rộng độ một căn, để cho con trẻ qui xem lễ. Mặt hậu chỗ phòng mặc đồ lễ, thời xây lối ra một căn và nổi lên một tầng nóc lưng rùa tròn úm, trên chót cũng có cần thánh Giá hộ thân. xem khéo lạ, em mới hỏi cô Kùlạp Têrêxa, bình nhà thờ nào đó, thời cô Kùlạp Têrêxa nói rằng : « Đó là nhà thờ Sám-sên bây giờ, nhưng hai tháp trước và nóc lưng rùa sau với hai cánh hình thánh Giá hai bên hông đã bị Cba sở trước phá đi để xây lại kiểu khác đẹp hơn, mà chưa xây đặng, nên nay hình mới khác đi như vậy. » Em lại hỏi tiếp rằng : « Hồi sớm chị mới nói qua việc lập nhà nguyện An-

nam bằng lá ở bên kia xóm Cao-Mên, chớ chưa nói tới cái nhà thờ gạch to lớn đẹp đẽ này, vậy xin chị nói luôn cho em nghe với ! »



Nhà thờ Annam ở Sám-sén

Sớ tâu xin đặng đất chùa,

Nỗ thần lực Annam xây đền thánh.

Cô Kùlạp Têrêxa bèn đáp rằng : « Ban đầu ông bà em mới tới nước Xiêm còn chun ướt chun ráo, nên chỉ lập nổi cái nhà nguyện bằng lá thôi, sau ăn ở yên rồi, công việc càng ngày càng khá, bôn đạo càng đông, lòng thân ái càng vững. Trên thời vua yêu quan chuộng, dưới lại được đồng tâm phú túc, nên ông bà em mới mưu tính việc xây một ngôi đền thờ xứng đáng, trước đặng chỗ thờ phượng Chúa cả chí tôn vô đối sau thời để dấu tích muôn đời cho con cháu ghi nhớ. Bấy giờ cha sở và cả họ đều hiệp một ý ấy ; mà vật liệu thì chưa có đủ, nên đất cũng chưa tìm ra, trăm bề thiệt là khó tính ; nhưng lòng đã cả quyết, thì phải đặng !

Vậy khi Cha già thấy họ Sám-sên Annam có Cha Gioan người Chantaboun làm phó và Cha Giuse người Langsa làm chánh, bôn đạo bằng yên rồi, ngài mới từ giã ông bà em mà hồi về quê quán, đất nước ông bà là xứ Annam. Hai Cha chánh phó này ở coi họ em hết đời của hai ngài rồi, đến Cha Maurice Marie người Langsa và cha Philipphê Sum người Annam sanh ở bên Annam học ở nhà trường Đức Cha hơn hai chục năm. Hai ngài cai họ được độ mười năm, thấy con nhà giáo hữu đông đảo và đồng tâm hiệp lực lắm, mới tính cách kiếm đất lập nhà thờ mới. Khi Cha sở và bôn đạo hội nhau bàn tính thì mọi người đều cả quyết hiệp nhau mà làm

cho dựng việc đã nhứt định. Vậy các quan Annam mới làm sớ tâu đức vua Sômdệt Pră Chômklào xin miếng đất trống chỗ chùa bỏ hoang là nơi nhà thờ bây giờ đó dựng xây một ngôi đền thờ mới rộng rãi cho đủ chỗ bôn đạo Annam kinh nguyện vì nhà nguyện cũ chật hẹp quá.

Nhờ có lời tâu của đức vua Lưỡì-Đen là Sômdệt Prăplìn klào xin giúp, nên đức vua nhứt mới chuẩn cho y sớ và truyền lệnh cho làm nhà thờ ở nơi đất chùa bỏ hoang, nhưng không nên xây nên nhà thờ Chúa chõng lên nên chùa Phật cũ. Đức vua ban cho như vậy là bởi ngài xét công lao khó nhọc của các quan quân Annam ta giúp nhà nước Xiêm, chớ không thời chẳng bao giờ được ơn như vậy ! Được tin vua ban cho đất như lời xin, thì hai cha sở và bôn đạo mừng quá sức mới cảm đội ơn Chúa và tạ ơn vua cùng lo khởi công xây dựng là năm 1858. Khi được sắc vua ban cho cả đất và cái chùa bỏ hoang như lời xin rồi thì ông bà em mới sắp sửa công cuộc xây dựng đền thờ có lớp lang thứ tự lắm.

Mấy ông cả, các quan quân và dân thợ, đàn bà con trẻ thấy thấy đều tuân một lệnh của đấng bề trên truyền đâu làm đó và ai ai cũng đều rán chịu khó vui lòng làm việc Chúa, chẳng khác chi dân Giudêu xây đền thờ thành Jérusalem đời vua Salômon xưa vậy. Quyền thợ chánh thì giao cho ông Câu Mưu chuyên giữ vì ông câu Mưu giỏi nghề kiến trúc thợ mộc thợ nề, tính đâu vừa đó, thiệt là giỏi. Mỗi ngày ở nền nhà thờ đều thấy kẻ thì đào đất đắp nền, người thì đốn cây đóng cừ, kẻ lại quơ bồi hãm vôi, người lại làm thợ nề, thợ mộc, thợ chạm, thợ sơn. Toàn cả xóm ai ai cũng đều ra công giúp việc xem thật là vui thú lắm.

Khi đền thờ cất gần rồi, chỉ còn việc sơn thếp và đóng trần ván ở trong nữa thôi, thì xảy ra việc cha sở chánh Maurice Marie bị cáo gian chuyện chi quá trí, khiến ngài đang lúc quan

dân yêu mến và công việc làm nhà thờ còn đang bê bối, mà phải bức ngang lòng ruột đặng đi về nước Langsa cùng ở luôn bên ấy bảy năm, đến sau ngài được trở qua Xiêm, thì lại phải cai họ Thánh giá (santa Crux) đặng mười năm và sanh thì ở tại họ đó. Ngài cai họ Sâm-sẻn trước đặng mười tám năm, cách ngài ăn ở với con nhà có đạo Annam rất ân cần tử tế và công minh, nên khi ngài đi thời ai ai cũng đều thương tiếc ngài.

Ngài đi rồi thì một mình Cha Philipphê Sum coi họ Annam được một ít lâu thời có cha Piô người Belgique ở sở Chơn-bum đòi tới làm Cua sở chánh, nên ngài cũng phải lìa bỏ xóm Annam mà đi nơi khác. Người Annam thuở ấy có đặt mấy câu thơ than tiếc hai ngài rằng :

Thánh đường rực rỡ ấy nhờ ai ?

Tưởng nổi xưa, sau nhuộm lụy dài.

Khốn khó mấy năm lòng chẳng chậy,

Lao đao một thuở dạ chi nài,

Trăm năm phụ tử trông vầy biệp,

Bỗng chốc thiên cơ khiến lạc lai.

Trách nổi cuộc đời hay biến động,

Hềm vì căn số lắm chông gai.

Cha Piô tức là cha Alays Alphonse d'Hondt chạc độ hơn ba mươi tuổi, mà tánh tình nghiêm nhặt cả quyết lắm, ngài làm sự gì, thì phải nên sự ấy. Cách ngài cai họ nghiêm lắm, nhờ ngài mà những thói xấu cờ bạc, hút xách, rượu chè và y phục liu lãng trác nết đều trừ tuyệt hết. Ngài dùng cái nơm bằng vải trắng làm bình khí, lễ bắt được ai tại trận, thì ngài úp nơm vào đầu rồi giam linh hồn kẻ mắc tội lại đó, cách thiêng liêng hạn mấy tuần mấy tháng, bao giờ thiệt dạ ăn năn chừa cải, thì ngài mới tha cho, nên lần lần những người hư thân mất nết đã đổi tính, họ được các thói xấu cờ bạc, hút xách,

ruợu trà trắc nết, ra người tử tế nhưn đức. Nói về mấy người hút a phiến thì em nghe ông chin Nguyễn-văn-Vui vịnh thơ rằng :

Khá khen các đấng tập tu tiên,
Thường ngày răn dạ, rất dôi hiền ;
Hai tay luyện tập lau đao trắng,
Rửa mũi súng lành chẳng có nhờn ;
Lỗ ngòi trống sạch chờ hơi thổi,
Nạp rồi cứ bắn lại khẩu vô ;
Ngã nghiêng, ngã ngửa mắt nhắm mở,
Lau rồi quét sạch tay lại vô.

Cô Kù Lạp Tê rê xa vịnh vừa dứt câu thì cô Dara Maria lại đọc tiếp thêm rằng :

« Sự khen đây ai chớ ghi lòng,
Phải răn ngũ tạng chớ hòng vấn vương ;
Tật nầy rất dôi oan ương,
Cha thầy cũng bỏ, nội gia cũng từ ;
Răn mình lánh khỏi chuyện hư,
Thì sao cũng đặng ngời nhưn dưỡng nhân ;
Nguyện cầu xin Chúa cho rành,
Thì ơn sẽ đặng muôn ngàn thánh thời ! »

Em vỗ tay khen hay, mấy chị em cô Kù Lạp cũng cười tùm tùm, rồi đó cô Kù Lạp nói tiếp rằng : « Cha Piô đến thế quờn cha sở rồi ngài mới lo việc làm tiếp cho rồi đèn thờ bỏ giở. Ngài lo đóng trần ván từ trên cầu lơn xuống cho tới cửa cái nhà thờ. Ngài gắn gương ảnh mười hai vị thánh tông đồ vào khuôn cửa sổ từng trên và đặt ảnh mười bốn chặng đàng thánh giá bằng thạch cao chạm nôi đẹp lắm.

Việc này xong, rồi lại lo việc sơn son thếp vàng các hành hoa cửa, các vòng hoa ở cung thánh cùng sơn phết các trần ván và lát gạch xi-mon khắp cả nền nhà thờ. Trong

cung thánh thờ đặt một bàn thờ chánh đặt tượng ông thánh Phanxicô Xavie rất rực rỡ ; hai bên đặt bàn thờ phụ kính Đức Mẹ và ông thánh Giuse, thấy đều chạm trổ khéo léo và sơn son thếp vàng rất kỹ. Lúc đó nhờ có bạc của họ Annam bán thuế rượu mà cha Piô cất dựng hai cái trường học cho trẻ nam nữ và xây một dãy nhà phước Rất Thánh Trái Tim Đức Chúa Giêsu ; sự lập nhà phước là việc trọng nhứt của ngài đã làm ở họ Sám-sẻn. Cha Piô sửa lều chuông sau lại đẹp đẽ và mua thêm một cái chuông lớn.

Đất thánh cũng nhờ cha Piô mua thêm một miếng đất kể sau dựng mở ra cho rộng rãi, đất thánh ngày nay chỉ thấy đó chỉ là một phần nữa đất trước, vì nay người ta đã lấy bớt đi dựng lập trường học thầy dòng thánh Gabirie là cái trường học tư lớn thứ hai ở kinh thành Bangkok. Cha Piô cai họ Sám-sẻn luôn bốn mươi năm và ngài từ trần tại bôn họ năm 1916. Kế ngài thì tới cha Fale thế vị được ít ngày rồi về tây dăng giặc Âu-châu. Rồi tới Cha Broizat đến quyền cha sở. Cha Broizat dời đi rồi, thì Cha Tapie lại thế.



Giáo-Kim bán muối khai giang san !

An-nam nấu rượu lập nên sự nghiệp !

Cô Kùlạp tiếp rằng : « Xóm Annam Sám-sẻn xưa quyền thế và anh hùng lắm, chị nghe chuyện bắt rượu năm xưa như vậy thì biết : Lúc xưa ngạch thuế thuốc, rượu ở nước Xiêm mới lập ra thời bị trắc trở lắm, vì dân tình chưa quen, nên mạnh ai nấy bán rượu, bán thuốc tự do không sợ ai hết, bao giờ lính có bắt được mới hay. Xóm Annam Sám-sẻn xưa là chỗ nấu rượu ngon hơn hết và chẳng có nạp thuế cho ai bao giờ, vậy năm 1892 châu sủ (bá hộ) Chệc tên là Thềng chung được bài rượu mới xin quan chánh sở thuế vụ cho lính mã tà lên xóm Annam bắt rượu lậu.

Người Annam ở trong xóm thấy lính kéo vô cách hỗn hào quá, thời chạy tin cho cha sở hay, cha phó là cha Ambrôsiô Kèo ra ngăn lính lại không cho chúng nó làm dữ, thì chúng nó ý thế áp đại vô xóm, không biết kiêng nề ai hết, rồi lại còn ba hoa lấy súng ra dọa nữa. Cha Ambrôsiô Kèo liền chạy vô kêu cha sở Piô, ngài ra xem thấy cả hai bên lính và dân đều muốn làm dữ, thời ngài truyền biểu khoan khoan, chớ làm dữ. Nhưng lính ý thế quá, cứ áp vô xóm, thời cha phó Ambrôsiô Kèo nói rằng : « Còn khoan gì nữa, nó bắn ta rồi Cha, chúng ta phải bắn lại nó mà đỡ lấy mình chớ ! » Khi đó An-nam dạng thế vì lý đỡ mình và có Cha sở đó, liền khai súng bắn trả, tiếng nổ vang trời chẳng khác chi trận giặc ! Quân

lính thất thế lại thấy Annam có súng đạn nhiều, nhắm bề không hơn đặng, nên tháo lui, về nghĩ sao không biết, đến bữa sau chúng nó lại kéo binh lên đông hơn nữa. Nguyên do bữa đầu chúng nó phải lui là khi chúng nó áp vô xóm nhằm lúc cha Piô đem mình thánh Chúa đi ra cho bà Trung ở ngoài đàng mới. Cha Piô can, nên chúng nó không dám làm dữ.

Bữa sau chúng nó tức mới làm hung kéo cả toán binh áp đại vô xóm, quyết bắt cho được rượu lậu, mới nghe. Dân Annam vì sự nguy hiểm, nên phải dỡ mình, thành ra lẫn nầy lính và dân bắn lộn nhau dữ tợn quá. Kết cục lại lính thua không còn léo lên phá xóm Annam nữa. Cách sáu năm sau là năm 1898, Đức ông Krom ma luăng prachak lãnh chức cai trị xóm Annam thời một người vợ của ông quan Kromnarết là Môm sử-phát có hùn với kẻ trung thuế rượu, người lãnh trung ý thế mới xin lính vô xóm Annam bắt rượu chơi. Lính mã tà áp vô xóm liền vi bắt nhà chú từ Khôn trước và ý có súng thì muốn phá cho tang hoang xóm nhà ấy đi đặng thị oai chơi. Người Annam thấy lính quyết lòng làm dữ phen nầy, mới lấy súng ra bắn bồng, quân lính sợ bèn lui ra ngoài đàng Sănghí lập thế, rồi bắn nhàu vô xóm, đạn trúng vô nhà thờ làm bể nhiều tượng ảnh kính (vitraux) các thánh tông đồ.

Ông Kromprachak thấy vậy liền nói với cha Piô xin đi thưa quan bắt lính thường bồi cho nhà thờ, cha Piô làm thỉnh chịu thiệt hại chớ chẳng thêm nói gì. Quân lính cứ bắn tràn vô hoài, xóm Annam bắn trả lại thì lính bị thương hết ba người lính Chà-và, họ liền rút binh về.

Tối hôm ấy có dịp đức vua Sômdệt Pră chula Chomklào ngự vào vườn đền Đusit thì ông Kromnarết lượm bì đạn đem vô tâu đức vua rằng : xóm Annam nấu rượu lậu có lính vô

xét, thì họ lấy súng bắn lính bị thương tích nhiều đứ. Lúc đó may có ông Kromprachak đi hộ giá, ông liền tâu đỡ lời rằng :
« Tâu đức vua sự ông Kromnarét cáo dân Annam đó là oan họ, thật tình, thì chỉ có lính mã tà làm ngang bắn vô xóm trúng bậy nhằm nhau bị thương, chớ Annam có ai dám bắn trả đâu, cứ theo chúng các bì đạn lượn đặng, thời là bì đạn súng tay của lính, chớ dân không có bì đạn ấy. Đức vua liền phán đề việc ấy tùy ý hai quan đã đối nại, xét định lấy cho công bình thời thôi. Hai quan lớn này liền bầu chủ chophe đặng riêng họ, kết cục lại thì quan bầu chủ của Annam được việc, là nhờ có sự đồng tâm và lanh trí của người Annam, trong lúc đối nại họ đồng đồ tội cho lính mã tà, làm cho quan lớn Kromnarét tức giận mà nói rằng : Chúng của Annam nói không công bình.

Quan lớn Kromprachak nghe nói vậy ngài liền ứng lên rằng : « Vậy ngài định chừng nào mới xuống tay giết dân Annam tôi, thời xin ngài cho tôi biết với, tôi không nói giùm cho chúng nó đâu, tôi chỉ đưa thuốc đạn cho chúng nó mà thôi, dẫu có cả toán quân mã tà bộ và thêm luôn một đạo binh thủy nữa, thì cũng không sao mà ! » Hai quan lớn nói khích nhau đã thêm rồi về. Quan lớn Kromprachak vô tâu đức vua rằng : ông Kromnarét ý muốn phá hại xóm Annam cho tiêu tàn đi và phân rõ mọi đều hơn thiệt, thời đức vua xử êm, quở qua loa ít tiếng rồi phán bỏ qua việc ấy. Thế là xử xong việc nấu rượu lậu, chú từ Khôn chỉ phải giam lỏng một lúc thôi, dân Annam lại bằng an nấu rượu ngon như trước ! Thời bấy giờ vua có lệ bổ một ông hoàng thân ra lãnh chức quan cai trị dân Annam riêng như là một huyện vậy, mà trời xui khiến cho ông hoàng nào đã lãnh chức cai trị dân Annam rồi, thì liền đem lòng triu mến dân Annam một cách lạ lùng như em đã nói đó. Cách cai trị dân Annam thì trên có ông hoàng làm

chủ chốt dưới thời có các quan Xiêm và Annam giúp việc. Lúc cha Piô về tây nghỉ binh thì một vị quan lớn Annam là ông Phya Bănglư sắp đặt xóm Annam theo cách nhà binh, đặt ra quới chức cai họ đến bảy mươi hai ông tông đồ, kêu là thất thập nhị hiền như là mấy môn đệ của đức Khổng-phu-Tử vậy ! Quan lớn Bănglư lập cách ấy ngộ lắm.

Bảy mươi hai ông chức việc đều lãnh phẩm cấp trùm, câu, biện, giáp, thứ tự lắm ; mỗi ông đều có một cái dấu hiệu riêng và ngày Chúa nhật thì ở nhà mấy ông chức việc đều kéo cờ hiệu riêng của mình lên coi oai nghi và cũng tức cười lắm, vì có ông lãnh chức hiền mà không hiền mấy, có nhiều vị quan chức Annam ta lại theo thói cũ quyền quan hiếp dân ở bên Annam mang lại, nên có ăn hiếp tôi dân một đôi chút, khiến nhiều người đã phải bất bình. Không biết có phải tại mấy ông quan hay ăn hiếp dân trước, mà nay con cháu họ phải sa sút hơn con cháu mấy người đã bị họ hà hiếp xưa chăng !



— XV —

Muốn giao-hảo Xiêm đi sứ,

Gặp dịp may ông Thới viếng quê nhà.



« Năm giáng sanh 1866 đức vua Sômdệt Prạ chula Chôm-klào tức là vua Rama IV mới sắc đòi đức ông Sômdệt Chào Phya ở bên kia sông là một vị đại thần nước Xiêm, mà phán bảo rằng : « Khanh hãy chọn trong hàng quan lại một người lanh lợi khôn ngoan đặng sai đi sứ qua Namkỳ trước là đi sứ việc nhà nước, sau thời đề quan sát xem việc bảo hộ của nước Pháp ra làm sao cho biết. »

Đức ông Sômdệt Chào Phya vưng mạng rồi liền qua dinh đức ông Sômdệt Prạ plinlào mà tâu rằng : « Tâu đức ông, có lệnh của thượng hoàng sắc bảo chọn một vị quan chức tài năng đề sai đi sứ qua Namkỳ, mà chưa kiếm được ai, vậy xin tâu đức ông liệu định. » Đức vua nhì ngẫm nghĩ rồi truyền lệnh cho ông Luăng phlansathươn tức là ông trùm Thới theo hầu lệnh đức ông Sômdệt Prạ hỏprását qua châu đức vua đặng lãnh việc đi sứ qua Annam. Lúc nầy ông Trùm Thới đã thăng lên chức Luăng rồi. Quan chức nước Xiêm ngạch quan văn kể từ dưới lên trên như vậy :

- Mựu : bằng chức lại mục hay là hậu hồ
 - Khủn : bằng chức tri huyện
 - Luăng : bằng chức tri phủ
 - Prá : bằng chức án sát
 - Phya ; bằng chức Bồ chánh hồ đi làm Thê xả (tổng trấn)
 - Châu Phya ; bằng chức tổng đốc hay là thượng thơ.
- } có thể hồ đi amphơ
} có thể hồ đi châu mường

Sởmdệt châu Phya : bằng chức Cầm chánh diện đại học sĩ.

Mỗi quận hay là huyện thì kêu là amphơ có quan Amphơ cai trị, dưới thì có quan chức nhỏ và thơ lại tương tự như là phủ huyện bên Annam. Nhiều amphơ hiệp lại làm một tỉnh gọi là mường, có quan chủ tỉnh kêu là Châu mường cai trị; ba tỉnh hiệp lại làm một môn thôn (nước Xiêm có 18 môn thôn) có quan trấn thủ cai trị gọi là thê xả. Ở kinh đô thì có các quan thượng thơ làm đầu các bộ đường, trên hết thì có vua. Ngạch quan võ thì có những chức này :

Lính thường ; lính hạng nhứt (bấp) Nai síp thô (cai nhì) Nai síp ệt (cai nhứt) Nai đạp (đội) Nai chà (quản) bực sơ cấp Nai roi-tri (quan một) nai roi-thô (quan hai) nai roi ệt (quan ba) ; bực chánh đồng chức quan binh tây : Nai fantri (quan một) Nai fanthô (quan hai) nai fan ệt (quan ba) ; nai phôn tri (quan tư) nai phôi thô (quan năm) nai fan ệt (quan sáu) ; nai chòmphone (quan bảy). Khi nào được chức quan lớn thì vua đặt cho một tên mới và cứ tên quan mà kêu, chớ không gọi tên tộc.

Đức ông Sởmdệt Prạ châu Phya hộprasát đem ông Luăng Phlản sathúơn vào châu đức vua và tâu lời ký thác của đức vua nhì, thời Đức vua Sởmdệt Prạ Chomklào phán rằng : « Trẫm biết Luăng Phlảnsathúơn này, vì nó trước có hộ vệ đông cung Chàophá mahá Chulalongkorn. » Ông Luăng Phlảnsathúơn vào châu, thời đức vua phán dạy cho biết mọi điều kín nhiệm về việc đi sứ và trao cho các đồ đem đi cống sứ tại Saigon để giao hảo với nước Annam. Trong các món đồ cống sứ đó thời có hột cây giá tị và cây giá tị mới ươn lên một đồng. Nghe nói những cây giá tị ấy đã trồng ở Saigon nhiều nơi và ở trước nhà thờ Chợ-quán. Cây nó cao lớn giống như cây bần, lá nó trắng xanh. Lá non nó lấy vò ra, có nước đỏ điều làm mực viết hay là nhuộm áo màu đỏ tốt lắm.

Ông Trùm Thới lãnh mạng rồi về sửa soạn hành lý xuống tàu buồm chạy qua xứ Namkỳ. Tàu tới cửa Cần giờ rồi theo nước xuôi lên đậu tại bến Thủ ngữ. Quan sở tại đặng tin liền đem xe song mã của quan Thống soái ra bến rước ông Trùm Thới là sứ nước Xiêm lên dinh quan Nguyên soái. Tới nơi các quan Langsa và Annam rước vào phòng tiếp các sứ thần của vạn quốc, thời có quan nguyên soái bắt tay mời ngồi nói chuyện.

Ông trùm Thới mới nói cho ngài hay rằng : Đức vua Xiêm Sômdệt Prạ Chomklào vì muốn cho hai nước giao hảo, nên sai tôi đi sứ qua đây đặng tỏ những điều quốc sự quan hệ cho ngài rõ và kính ngài ít món quà để làm dấu tích. » Quan nguyên soái nghe nói tử tế lại thấy đồ lễ vật quý báu, thì ngài mừng quíu bèn lật đật đáp lại rằng ; « Đức vua Xiêm đã có lòng tốt và muốn cho Xiêm Pháp hai nước thuận hoà giao hảo, thời là một điều tốt lắm. Vậy tôi xin thay mặt nước Pháp mà cầu chúc cho Đức vua Xiêm được ở ngôi vàng muôn năm và cho nước Xiêm được thanh phát thới bình. » Đoạn ngài truyền thiết tiệc đãi cách lịch sự ; trong bữa tiệc thời các quan Langsa và Annam đàm đạo với ông Luông Phlansáthươn cách thân mật vui vẻ lắm.

Tiệc yến mãn rồi, thời quan nguyên soái mời ông Luông Phlansáthươn vô phòng riêng ngài mà nói chuyện quốc sự cùng trao cho ngài nhiều đồ báu vật đem về tặng cho vua Xiêm.

Ông Luông Phlansáthươn ngụ tại dinh quan nguyên soái hai tuần lễ, thường ngày có xe song mã đưa ông ấy đi dạo chơi với quan nguyên soái đặng xem thành phố Saigon. Ông Luông Phlansáthươn được quan nguyên soái kính vì là ngài biết người là dòng dõi công thần đời vua Gia-Long, đã vì đạo mà phải cách xa xứ sở ông bà, vậy mà còn làm được việc hiển vinh như vậy, thời ngài khen ngợi và tỏ lòng yêu mến lắm.

Sau hết thì quan Nguyên-soái thết đãi yến đề tiền chơn ông Luông Phlansáthươn trở về phục chỉ vua Xiêm. Bữa tiệc này vui lắm, các quan uống rượu Champagne chúc mừng nhau nhiều lời thân thiết. Ngày sau vô già quan Nguyên-soái thời ngài lại còn nói cho hay nhiều chuyện quan hệ khác nữa, sau hỏi qua phong cảnh nước nhà, thời ông Luông Phlansáthươn ngùi ngùi lụy nhỏ, vì nghĩ đất nước ông bà khi xưa của mình tự trị nay đã về tay người làm chủ, thì động lòng đau đớn, nghĩ tới cái phận vong thân, thất thồ mà cảm lòng không dặng !

Quan Nguyên-soái thấy thì hỏi vì sao rơi lụy ; ông Luông Phlansáthươn bèn nói trở rằng : Tôi thấy đất đai xứ sở quê nhà mà phát nhớ đến ông bà tôi, đã vô phước ra thân lưu lạc xứ người, tưởng là ngày kia xem được xứ mình tấn bộ thái bình, ngờ đâu cái thân lạc quê lại hoá ra cái kiếp vong quốc như vậy ! Ngày nay nhà nước Langsa mở mang xứ tôi ra tốt đẹp như vậy, tôi cảm ơn và động lòng lắm ! Quan Nguyên-soái liền an ủi người rằng : « Nhà nước Langsa bảo hộ xứ ngài thiệt có lòng mở mang lắm, mà nay vì tiền thuế lấy chưa đủ, nên chưa làm được chi mấy, nhờ trời rồi đây người Langsa sẽ mở mang xứ Namkỳ ra xinh tốt lạ lùng cùng sẽ côi lột cho xứ Namkỳ ra một tỉnh Langsa và người Annam Namkỳ sẽ hoá ra Langsa hết thảy, lúc ấy ngài sẽ khoái lạc là dường nào !!! »

Quan Nguyên-soái ký giấy thông hành cho ông Trùm Thới rồi, thì ngài tư giấy cho các quan ở Lục tỉnh biết rằng : ghe nào có cờ hiệu con voi trắng là ghe của sứ thần nước Xiêm, vậy hãy đề cho ghe ấy thông thương khắp mọi nơi như ý. Ông Luông Phlansáthươn nhờ lời thông tri đó mà được thông lưu khắp *Lục-tỉnh* đề quan sát nhơn tình và kiểm bà con dòng dõi nữa. Nhưng bà con dòng họ biết mà chẳng ai dám nhìn ông Luông Phlansáthươn hết, vì kể từ khi ông bà

ông bỏ xứ mà đi cho tới nay thì được ba mươi năm rồi, nên con cháu đời hậu sanh không ai còn nhớ ; vả lại có nhớ thời cũng còn dẹt dẹt ít ai dám hỏi thăm, khiến ông Luông Phlảnsáthươn phải ngậm ngùi ngơ ngẩn một mình hiu quạnh chẳng gặp dạng ai hết.

Ông Luông Phlảnsáthươn trở về nước Xiêm vào châu đức ông Sômdệt Phrạ Pliyklào cùng tâu rõ mọi việc, thời đức ông đưa vào triều châu đức vua đặng tâu qua mọi sự ông Luông Phlảnsáthươn vào qui dâng phong thơ của quan Nguyên-soái Namkỳ và các lễ vật tặng cống cho đức vua. Đức vua lấy làm bằng lòng và khen ngợi ông Luông Phlảnsáthươn lắm. Ông trùm Thới vô châu vua rồi liền về nhà học chuyện lại cho ông già ngài là ông trùm Lung nghe, thì ai ai cũng đều thảm thiết tiếc nhớ quê nhà, nhưng nay đứng ngồi đã lỡ biết tính làm sao đặng !

Về phần đạo thì dòng ông trùm Thới là khá hơn hết, về phần đời thì dòng ông Phya Chát là sang hơn cả. Đời thứ nhất là ông Prạ Bảnglự Học tức là ông thân của ông Phya Chát và là ông nội ông Phya Pút.

Kể đó em lại hỏi cô Kùlạp rằng : « Xin chị hãy nói cho em nghe coi vua quan nước Xiêm đối với dân ta có thiệt tình chẳng », thì cô Kùlạp liền nói rằng :



— XVI —

Cây mía ngã nước vắn ngọt !

Xứ người dẫu lạc, danh mình càng cao !



« Cứ như chuyện bắt rượu đó, thì đủ biết lòng đại độ của vua quan nước Xiêm ăn ở với dân ta ra sao rồi. Nói cho đáng thì dân ta đã nhờ ơn đức vua Rama III, Rama IV và Rama V nhiều lắm. Dưới đời đức vua Rama III và Rama IV thời dân Annam đã dâng vua nhì là đức ông Sômdệt Prạ Plịnklaò tức là đức ông Luõi-Đen bầu chủ cho như là tôi con nước Xiêm vậy.

Những lính tráng bộ hạ của đức ông thấy đều là người Annam. Lính ngự lâm pháo thủ cũng là người Annam sung vào và được lòng tin cậy của nhà nước Xiêm lắm. Đức ông Luõi-Đen ngài thường dùng hai chiếc ghe hầu lớn có lính thủy Annam chèo hầu. Người Xiêm thích coi ghe hầu này, vì lính Annam mỗi khi chèo hầu đều có hát hồ khoan giọng Annam nghe êm tai lắm.

Đức ông Luõi-Đen sanh hạ được nhiều hoàng tử và công chúa. Ông hoàng lớn là Prạ Chàojót thời đi theo hầu đức ông luôn. Ngài có ý để cho hoàng tử theo ngàiặng tập chịu cực khổ cho quen, hầu sau nên người lịch lãm sự đời mà biết việc cai trị dân cho xứng đáng. Ngài thường hay phú thác hoàng tử cho quan Annam ta mà nói rằng : « Sau ta có khoản đi rồi, thì xin các người hãy vì ta mà phò hộ con ta như thế ta vậy, thời ta rất cảm ơn các người lắm, con ta nó cũng sẽ hết lòng binh vực và bầu chủ cho các người thấy thấy. »

Ngày kia đức vua Xiêm lâm triều xét thấy dân sự đã

được thái bình, dân đó đã an cư lạc nghiệp, đức vua mới phán cùng đức ông Lữ-Đen rằng : « Nay nước nhà đã được thái bình rồi, việc binh bị không cần phải tập luyện lắm, vậy ngự đệ không cần phải lao tâm cực khổ đêm ngày tập luyện như trước nữa, trăm chuẩn cho ngự đệ được nghỉ an thân thể hầu có dưỡng tinh thần. »

Đức ông nghe qua thì đã hiểu ý nghi ngờ của đức vua anh đã quá ư nghe lời sàm tấu của kẻ nịnh thần to nhỏ, nói mình có ý soán ngôi chẳng, nên ngài mới tâu rằng : « Tâu hoàng thượng nhớ rằng : sự cần trọng hệ cho việc trị an nước nhà là việc binh trị, dầu thế nào thì cũng phải lo cho binh lính thao luyện tinh thông, súng đạn lương thảo sẵn sàng mới đáng, nếu lỏng đi thì e bất lợi. Đó là linh thần đệ tâu qua cận kề, xin thánh hoàng chớ dễ dạ hoài nghi mà chẳng an thân thể, dưới bề hạ thì thần đệ chẳng hề trái ý đều chi, thần đệ một bề trung tín cùng gìn giữ ngôi vàng bền vững, chớ như thần đệ lưỡng tâm, thời thần đệ đâu có dễ đợi tới bây giờ mà thánh hoàng hòng ngại ! »

Đức vua lại phán rằng : « Không phải như vậy đâu, ngự đệ chớ phiền, trăm chỉ vì thấy ngự đệ công lao khó nhọc mà muốn chuẩn cho ngự đệ được nghỉ an thân thể đó thôi. »

Đức ông tạ ơn rồi lui về được một ít lâu, thời dâng sớ xin nghỉ việc để đi du lịch toàn quốc. Đức vua chuẩn tấu và ban cho đức ông được đi chơi như ý. Đức ông bèn đòi các quan Annam là quan lớn Học tức là ông Prạ Băng Lư sinkhanát, và các quan Annam đến hầu và truyền lệnh sắm sửa một đội quân thuyền để hộ giá đức ông đi du ngoạn miền trên nước Xiêm.

Khi cụ bị sẵn sàng thì đức ông Sômdệt Prạ Phịnlào liền ngự đi ngã Menam chămpasăk lên lãn Pakliêu, Kengkhai vào lập trại nghỉ ở Khảo khốk. Ở đó đức ông mới ngự vô chơi

ở rừng Don Phya Fay là một chỗ cảnh đẹp và có tiếng là linh thiêng nguy hiểm lắm, nên ai đã đến đó chơi rồi thì phải mắc bệnh rừng mà chết, ít người sống khỏi vì linh thiêng hay là độc địa sao đó, chưa ai biểu đặng.

Đức ông đến chơi đó rồi cũng thấy trong mình không an, sợ mới truyền lệnh dời trại trở về. Đêm hôm ấy đức ông nằm ngủ chiêm bao thấy đức vua anh là Sômdệt Pră Chomklào đến phán bảo rằng : « Ngự đệ hãy đi du ngoạn bằng an, dầu quỷ thần linh thiêng thế nào thì cũng là ở nhờ trong đất nước của ta, ngự đệ chớ sợ chi hết, cứ việc đi chơi cho thỏa thích bằng an ! » Đức ông thức dậy nhớ lời vua anh phán bảo trong lúc chiêm bao thì lấy làm vững bụng, bệnh tật thấy sao biến mất, mới an tâm truyền lệnh tấn binh chớ không tháo lui nữa.

Ngài đi dạo khắp các miền trên rồi rồi quanh về ngã Nưong Lợm, Mưong Lợi, Korat, Phimai vân vân, đi luôn ba tháng trời, tới đâu đều được thiên hạ mừng rước kính yêu, khiến ngài được vui lòng thỏa ý. Ngài về kinh đô rồi vào chầu đức vua anh cùng kể các truyện du lịch lại cho đức vua nghe, thì Đức vua lấy làm đẹp ý lắm. Đức ông về nghỉ tại cung điện của ngài ở Vang-nà và cho quân lính được tự do đi làm ăn, bao giờ có việc quan hay là tập luyện chi, thì lại tựu về các trại ngũ.

Cách đó chẳng bao lâu, thời Đức ông lâm trọng bệnh, các thầy thuốc đến xem mạch, đều đoán là ngài bị ngài (thuốc mê, thuốc độc) của một người Lào kia, vì nhan sắc tuyệt vời ngài đã dùng làm hầu thiếp, lúc ngài đi chơi ở miền trên xứ Lự. Khi ngài biết mình gần lâm chung, thời ngài trở phủ hoàng tử Pră Chàojót lại cho các quan Annam phò trợ và cậy đức ông Sômdệt Châu Phya Hôprasat bầu chủ, cách ngài trở phủ thăm thiết lắm. Lời ngài trở với ông hoàng Pră Chàojót thời nhiều người còn nhớ như vậy : « Ó con rất yêu dấu, rày

cha chẳng còn ở cùng chúng con nữa, vậy con ở lại bằng an và con phải nhớ những lời cha đã ân cần dạy dỗ con, con phải một lòng trung quân ái quốc và thuận thảo anh em, con phải giữ gìn săn sóc và bầu chủ các quan dưới quyền con và tôi dân hết thảy, như! là quân lính và dân Annam là kẻ tay chơn trung tín với nhà ta và nước ta....!» Đức ông trời đoạn hồn liền qui thiên, để sự yêu mến thương tiếc lại cho hết thảy mọi người, khiến cả và nước Xiêm, ai ai cũng đều ngùi ngùi thương tiếc ngài quá sức.

Dân Annam ta được tin ngài từ lộc, thì ai nấy cũng đều ngậm ngùi thương tiếc ngài là một ông quan thấy bầu chủ đại độ khoan nhơn; là một người quý hữu thanh tình trung tín và là một đấng cai trị cầm cân ngay thẳng khôn ngoan, để danh thơm tiếng tốt nhà vua Chătkri lại muôn đời ca ngợi.

Khi lễ an táng đức ông Sôm-dệt Pră Pliŋklào rồi thời đức vua Xiêm phong con ngài là ông hoàng Prăchào-jót lên nối quyền ngài và lấy hiệu là : Krom ma mun vô-rô-vi-xăixan kiêm trị các đạo quân lính nước Xiêm. Ông hoàng này lên nối quyền cha thời tánh ý rất thìn từ tử tế và cần mẫn chẳng khác chi tánh ý của đức ông Luối-Đen, nên ai ai cũng đều kính phục yêu vì. Ngài đối phó với dân Annam rất là tử tế. Đức vua Xiêm sau khi đức ông Luối-Đen từ lộc rồi, thì ngài vẫn giữ lời trời của vua em mà trọng đãi dân Annam như tôi dân bản quốc vậy.

Đến đời vua Rama V con ngài là đức vua Sôm-dệt Pră maha Chulalongkorn thời dân Annam vẫn được hậu đãi. Phần nhiều quan Annam được thọ phong chức tước là ơn riêng của đức vua Rama V. Đức vua Rama V và các vị thân vương hoàng tử và các vị quan lớn nước Xiêm đều có lòng yêu mến dân Annam lắm, vì quan quân Annam ở đời đức vua Rama V lại lập thêm được một công nghiệp lớn lao nữa là : Lúc



vua Rama IV Sôm-dệt Pră Chomklào băng, thời đức Đông-cung Cháo fámaha Chulalongkorn còn nhỏ, nên quyền nhiếp chánh phải giao cho đức ông Sôm-dệt Cháo Phya Pră Hỏprasat nắm giữ. Trong buổi nhiếp chánh thì đức ông Sôm-dệt Cháo Phya Pră Hỏprasat đã trị vì một cách khôn ngoan chánh trực lắm. Ngài là một đấng rất trung và hiện thời con cháu ngài đều là các vị trung quân ái quốc nhứt của nước Xiêm bây giờ.

Khi Đông cung Thái-tử dặng mười ba tuổi, thì đức ông Sôm-dệt Cháo Phya Pră Hỏprasat tôn ngài lên ngôi vua chánh nước Xiêm lấy niên hiệu là Sôm-dệt Pră Maha Chulachòm-klào tức là vua Rama V đó. Đức ông Sôm-dệt Cháo Phya bấy giờ mới hỏi đình thần rằng : « Bá quan xét ai đáng làm vua nhì ? » Các quan không ai dám tâu, thời ngài lại phán rằng : « Ta xem đức ông Krom mamun Vixaxáibovon đáng bực vua nhì lắm. » Ông chú của vua là ông Krommaluăng Vớrchắk bèn tâu rằng : « Krom mamun vớrvixaixan chưa đáng, vì là khác bụng đã hai đời rồi. » Đức ông Sôm-dệt Cháo Phya liền nổi giận lời đình mà phán rằng : « Người nói không đáng, vậy thời người hãy cầm quyền trị quốc một mình đi ! » Các quan thấy vậy thấy đều lo sợ cho ông Krommaluăng quá vì sợ rũi đức ông quá giận, ngài cho một lưới gươm via thì khốn, may thay cho ông Krommaluăng nhờ ơn đại lượng mà đức ông bỏ qua, doạn đức ông phong ngay đức ông Krom mamun Vixaxáibovon lên ngôi vua nhì lấy hiệu là Sôm-dệt Pră Bánthun thời tuổi ngài đã đúng bốn mươi rồi. Vì vua nhứt còn niên ấu, nên đức ông Sôm-dệt Cháo Phya phải cầm quyền nhiếp chánh nữa.

Bấy giờ hai vua nhứt nhì là anh em chú bác đều được thuận thảo. Ít năm sau khi đức ông Sôm-dệt Cháo Phya giao quyền trị quốc lại cho vua nhứt rồi, thời các quan nịnh thần

ở hai đền vua nhứt và vua nhì mới to nhỏ nịnh hót làm sao đó, mà xui nên có cho hai vua sanh lòng nghi kỵ lẫn nhau, rồi lại tính kình chống với nhau thiếu chút nữa mà phải máu rơi thịt nát !

Bấy giờ quan nịnh thần ở bên vua nhứt thì nói vua nhì muốn cướp quyền trị quốc ; quan nịnh thần ở bên vua nhì thì nói vua nhứt muốn phế vua nhì đi để lập em ruột ngài là đức ông Sômdệt Mahachăk kraphát ở bên kia sông, lên làm vua nhì..... !

Họ thêu dệt sao đó mà khiến cả hai vua đều tức giận và lo sợ thiệt mạng mất ngôi..... nên cả hai bên đều lo việc hộ thân cách kỳ quái lạ lùng. Ngày kia hơn dịp vua nhứt bị kẻ nịnh thần phục rượu cho say, rồi tâu với ngài rằng : đức ông Sômdệt Pră Bănthứn đã sửa sang binh lính sẵn sàng đợi dịp là đánh cướp ngôi trời. Vua nhứt nghe lời sàm tấu như vậy bèn nổi giận lôi đình mới định trị tội vua nhì và lập em mình thế ngôi đó. Quan nịnh thần đều dưới bèn dâng kế cho vua nhứt xin cho quân đốt kho sách nhà nước, Xiêm kêu là Hôprăsàmut cháy lên thì vua nhì ở đền trên phải chạy xuống tiếp cứu, sẵn dịp quân lính đền dưới sẽ thừa cơ bắt ý mà ám sát đức vua nhì đi đặng trừ hậu hoạn.

Họ đã y kế ấy và đã chực sẵn rồi cả, may sao đức vua nhì hay tin ấy bèn tránh kế, cho người đi chữa, chớ ngài không ra khỏi đền Vang-nà. Khi đền dưới vua nhứt nghe tin vua nhì tránh khỏi kế mình và nghe nịnh thần tâu đồn vô rằng : vua nhì không đi cứu hoá tai là ý ngài đã sắp sẵn binh lính để đối địch rồi đó ; vậy xin đức vua nhứt phải liệu định trước đi. Đức vua liền cả giận nghe theo mà hạ lệnh bắt vua nhì để xử án và hạ lệnh đòi hết các quan đền trên xuống chầu ở đền vua nhứt đặng nghị định việc chinh phạt vua nhì. Các quan lớn đền vua nhì như là ông Phyakalahom, Phyaphủ, Phya-



Monthien, Phya Sénaubăt, Phya Rătjotha vân vân đều phải cầm ở đèn dưới.

Đèn vua nhì bấy giờ chỉ còn có các quan Annam hầu mà thôi. Đức vua nhì mới phán với quan Annam rằng ; « Đèn dưới Đức vương huynh ta đã quá nghe lời nịnh thần mà làm các đèn như vậy đó, thời ta là phận em ta biết tính làm sao bây giờ? » Các quan Annam bèn tâu rằng : « Tâu đức vua, việc này oan ức và nguy hiểm lắm, ta phải đề phòng mới đặng, vậy xin đức vua hãy sắc cho hết thầy con dân Annam về nhập thành đặng hộ giá. Ngài liền phán rằng : « Bây giờ lính ta còn bao nhiêu, thì hay bấy nhiêu, chẳng nên đòi về thêm chi nữa, mà thêm bề nghi kỵ vô ích. »

Cách đó hai đêm thì thấy ở đèn vua nhứt có lệnh kéo binh thủy bộ về lập thành trận thế và truyền giăng toả long rận ở dưới sông cấm không cho ghe tàu lên xuống, trên mặt thành thì giàn binh lính, và súng đại bác trở mũi lên nhắm ngay vào đèn trên. Lính pháo thủ ở đèn dưới là lính Annam ở Xóm-Kilh, là một sự may vì họ biết lính pháo thủ đèn trên là Annam, nên bụng họ đã định trước rằng, nếu có lệnh biểu bắn, thời họ sẽ bắn chỉ thiên thôi, chớ không nỡ bắn sát hại vua nhì và quan quân Annam ở trên. Quân đèn trên thám thính biết rõ mọi việc về tàu đức vua nhì, thì lúc ấy tầm buổi tám giờ tối. Đức vua nhì nghe tin thở ra, rồi cho đòi các quan Annam vào hầu. Các quan vô chầu, còn dân Annam từ hai mươi tuổi trở lên đều tựu về, xuống ghe đậu tại chỗ cửa kêu là Patu-rônglêk, đông ước chừng hơn vài trăm người, mà bởi họ ra vô ổn ào, nên quân thám tử đèn dưới về tâu số dân đông là vô số ; khiến đèn dưới binh lính của vua nhứt phải rúng động kinh hồn khiếp vía.

Khi quân Annam kéo đi nhập thành, ở nhà thờ họ Sâm-sên, các ông già bà cả và đàn bà con nít đều hiệp tại nhà thờ



dâng đèn cầu lễ cho các đảng, đặng nài các đảng cầu xin Chúa thứ tha cho dân Chúa phen này, vì xem thế thập tử nhứt sinh, làm sao đêm ấy cũng phải một cơn thối nát xương tan mà chớ ! Cha sở, mấy chị nhà phước và bọn đạo bấy giờ đều kêu van đến Chúa rằm rĩ chẳng khác chi dân Giudêu xưa kêu Chúa khi gần xáp trận với quân Philittanh vậy ! Sự sốt sắng của xóm Annam bấy giờ muốn hơn lửa kính mến Đức Chúa Trời của thiên thần Sê-ru-banh ở trên trời vậy ! Thiệt thì sự sợ chết nó đã làm cho ta nên sốt sắng là dường nào ! »

Hai chị em cô Dara và Sara mỉm cười, em liền nói rằng : « Sợ sự nguy hiểm mà sanh lòng sốt sắng thiệt đáng mỉm cười : nhưng gặp nguy hiểm mà biết trông cậy Chúa, thời đáng khen vậy ! »

Mà cô Kùlap gật đầu kben phải ; cô Kùlap lại nói tiếp rằng : « Lúc tám giờ rưỡi tối đức vua nhì càng nghi càng lo, càng khuya càng sợ, ngài bèn kêu các quan Annam đến mà phán rằng : « Buổi bối rối này mà các quan triều thần của ta chẳng thấy mặt ai, quanh ta đây, chỉ thấy các quan Annam mà thôi, ta hiểu rõ lòng các người trung tín lạ lùng đã đành lòng sanh tử với ta, ta gấm lời trời của đức tiên hoàng ta không sai vậy ! » Ngài nói rồi bèn rời lỵ nhỏ sa hai hàng.

Các quan Annam liền tâu rằng : « Tâu đức vua, chúng tôi xin dâng mạng sanh tử ở dưới bệ tiền, đặng minh oan cho đức vua ! » Ngài liền đáp lại rằng : « Tử sanh số mạng ở trời, làm người há dễ giết người vô tội đặng sao ! Phán dứt lời, đức vua bèn trở vào cung hầu bà mẫu hậu, để mặc việc ngoài cho quân lính Annam canh gác. Quan Annam liền truyền lệnh cho lính ở giữ tám khẩu súng lớn có đủ thuốc đạn sẵn sàng và ở trường súng thì lính tự lại đông đảo. Bấy giờ lính ở đó cùng đồng một ý với bọn đạo đương kính nguyện ở nhà thờ mà cầu lễ cho các đảng tại chỗ trường súng cách nghiêm trang sốt sắng lắm,

Cầu lễ đoạn, thì đồng hồ đồ mười một giờ ; đức vua nhì cho đòi các quan Annam vào châu và phán rằng : « Thế chúng ta nay như cò bí nước rồi, vậy các người tính liệu lẽ nào dặng thoát ra cho khỏi nạn ? » Các quan Annam đều đồng ửng lên một tiếng rằng : « Trong cơn hoạn nạn nguy hiểm như vậy, chúng tôi xin một lòng đồng sanh đồng tử dặng hộ giá bằng an trọn đêm nay, chớ chẳng còn e lệ đều chi nữa. » Đức vua nhì nghe tâu liền sa nước mắt và phán rằng : « Đức tiên hoàng ta đã lặn lâm bảo quốc và đã hết sức hộ phò cho bác ta là đức vua Sômdệt Prạ Chômklào phục dặng ngôi vàng, công đức biết chừng nào rồi sau cũng phải chịu oan nhiều đẽu nghịch lý ; nhưng chưa đến nỗi đau lòng đứt ruột như ta phải đức vua anh ta vì lời nịnh thần mà nỡ đứt tình cốt nhục như vậy ! Ta mắc phải hàm oan đây chắc sao trời cũng rõ thấu và chúng miên tấm lòng trung chánh của ta... ! Thôi thì muôn sự xin phú mặc trời sở định, các người hãy cần thủ đẽ phòng mà tùy cơ ửng biến... ! »

Đức ông phán đoạn lui vô than thở với bà mẹ ngài rằng : « Mẹ ơi, sự này nó đã quá trí con rồi... ! » Nói không ra hơi nữa vì ngài tức phiền quá, nên nước mắt hằng chảy ra không ngớt ! Đức mẫu-hoàng mới mở lời khuyên ngài rằng : « Ở con rất yêu dẫu, con hãy nghe lời mẹ, mà đẽ mọi sự phú mặc cơ trời sắp định, mẹ con ta ngay thẳng, không nỡ ông trời lại đẽ cho ta mắc phải dây oan nghiệt đâu mà sợ. Quan quân ta nó đã bỏ ta, thời trời đã cho thiên binh thiên tướng đến phò ta là quan quân Annam đó, ta hãy an tâm một liệu phận nhắm mắt đũa chơn đẽ xem con tạo xây văn tới đâu ? »

Đêm trời một chốt một khuya, lời than càng lâu càng thẳm, quan Annam ta mới bãi yết lui ra truyền cho binh lính phải cần thận cùng sửa soạn súng đạn sẵn sàng hầu thấy đẽu nguy biến dặng trở tay cho kịp. Lịnh ra thì quân ta nai nịt

binh khí và kéo súng ra giàn hầu như là gần xáp vào trận vậy. Bảy giờ mà rui có xảy ra đều chi sơ xuất, thời chắc là ngọc đá không còn nguyên bảnh... ! Đức vua nhì nhờ bà quốc mẫu khuyên lơn an ủi, nên cầm lòng khuấy lảng... Đến một giờ quá nửa đêm thời đức ông lại trở ra xem xét binh tình, ngài thấy quan quân Annam đều bận y phục lính nai nịt nghiêm chỉnh, quân coi súng lớn, súng nhỏ với súng tay đều phân ra làm hai đạo binh tiền, hậu, do quan lớn Phrạ Bănglư Chát, quan lớn Luăng Phlănsáthươn Thới và quan lớn Luăng Plasít Chức, quảng đốc. — Đức ông bảy giờ cũng y phục gọn ghẽ, oai phong lẫm liệt, ngài đi duyệt binh cả trong đền và ngoài vòng thành, thấy mọi nơi đều nghiêm chỉnh mạnh bạo, thời ngài lấy làm vững dạ. Quân lính thấy ngài đi duyệt binh đều cúi đầu kính chào. Ngài xem qua rồi liền trở vào cung, đợi xem tin tức đền vua anh tính lẽ nào.

Bảy giờ đã quá hai giờ sáng rồi, dưới đền vua nhứt, thời đức vua diên yếu đã hơi quá chén, nên ngài mới rút gươm vĩa ra cầm tay mà ngự lên mặt thành truyền cho quan quân nạp đạn vô súng sẵn sàng, rồi đức vua lại cả tiếng kêu thần phật giúp ngài rằng : « Khỏ phrạ phụt xuôi đuôi ! Khỏ phrạ phụt xuôi đuôi ! ! Khỏ phrạ phụt xuôi đuôi ! ! ! » Ngài kêu to ba tiếng như vậy, ai ai ở gần đều nghe rõ cả. Binh lính súng đao đều chực sẵn rồi, hễ ngài hươ gươm hạ lệnh, thời các vị súng thần công liền bắn chia lên đền trên, ắt là thành một trận giặc ghê gớm ! May sao đức vua kêu trời phật giúp rồi lại làm thình nín lặng, chớ không ra hiệu lệnh gì. Ý ngài cũng đợi xem đền trên có khởi trước, thì ngài mới xuống tay ; chớ cốt nhục tình thâm, ngài không nỡ đã tâm bắn trước ; khiến hai bên cứ chờ đợi nhau hoài, mà không ai chịu hạ thủ trước cả. Thế mới biết là tình huynh đệ đồng bào, dẫu thù giận nhau tới chết như vậy, cũng không ai đánh cầm dao cắt ruột... cho đặng.

Trong khi bối rối tẩn thối lưỡng nan như vậy, thời vua nhì nghĩ rằng : Bây giờ mình mà cầm cự hoài, rủi anh em có bề chi sơ sẩy thì tránh sao cho khỏi tiếng người dị nghị, thôi thời ta là phận em, ta phải chịu nhịn vậy, ta đi kiểm đức ông Sômdệt Cháo Phya Pră Hôprasat mà tỏ bày mọi sự, nhờ đức ông xử trí cho, thời chắc là êm chuyện. Nghĩ rồi, đức ông mới bàn qua với bà mẫu hậu cũng y kế ấy, ngài mới lên xuống long thuyền đi với bà mẫu hậu và bốn người thê nữ đi liệu ra khỏi trùng vây, nhằm dinh đức ông Sômdệt Cháo Phya thẳng tới.

« Khi nên trời cũng chịu người ! » may sao bấy giờ long thuyền bơi đi lộng lộng, mà quan quân của đức vua nhứt vậy phủ tư bề không ai thấy hết. Bên dinh đức ông Sômdệt Cháo Phya thời đức ông đang còn dạo chơi ở bên rạch Pillanbury chưa về, khi ngài nghe tin lộn xộn ở nhà thì ngài liền trở về dinh và mật truyền cho quan lính phải sửa soạn binh khí sẵn sàng để chực lệnh ngài. Một lát sau đó thời thấy đức vua nhì và bà mẫu hậu đến dinh vào yết kiến đức ông Sômdệt Cháo Phya cùng tỏ hết mọi nỗi trước sau và tỏ ý muốn lánh mình ở tại nơi dinh đó. Đức ông nghĩ sự rắc rối bất tiện, nên mới tâu đức vua nhì hãy luôn dịp sẵn long thuyền đi thẳng đến dinh quan lãnh sự Hồng-mao mà xin tạm trú thời hay hơn là ở tại dinh ngài, mà phải e lệ nhiều bề chẳng ? Vả lại ý đức ông hoàng cả thời muốn sự giải hoà cho êm chuyện mà thôi.

Vưng lời đức ông hoàng cả, đức vua nhì mới ngự đến trú tại toà lãnh sự Hồng-mao đợi chờ tin tức. Bấy giờ ở trên các quan lính Annam hay tin vua nhì đi lánh nạn rồi, thì lo sắp sửa cất giấu các đồ binh khí đi hết, súng đều bao lại để nguyên chỗ cũ, còn thuốc đạn thì để vô kho như trước. Lính đều kéo xuống ghe ra đậu ngoài bến Paturônglék. Đoạn truyền khẩu

hiệu cho trong ngoài đều giữ kín tin vua nhì xuất đền và chẳng cho ai hay sự giàn binh lập trận lúc đêm qua.

Đền vua nhứt vừa sáng dậy đã có lệnh truyền cho quan lớn Phya Ratjotha là quan cựu trào đền trên đi với quan lớn Krommavang lên đền vua nhì khám xét xem đêm hôm họ đã bày binh bố trận lóm sao. Khi hai quan lớn này lên gặp các quan Annam ta ở tại đền lúc sáu giờ sáng, bèn hỏi đỏi các tin, thì quan Annam đáp rằng : chẳng có xảy ra sự chi lạ hết, việc canh tuần vẫn như thường và đức vua nhì vẫn ngự tại trong đền bình an vô sự. Hai quan lớn liền về tâu đức vua nhứt như vậy, thời đức vua nhứt và các quan triều dưới chẳng còn lý gì mà nghi cho đức vua nhì nữa, cái kế binh quân của quan Annam hay thiệt !

Hai quan đền dưới đi rồi, thì quan Annam mới phân nhau ra một phần thời ở canh đền, một phần thời đi tìm vua nhì đặng hộ giá. Nói cho thật, thì bấy giờ quan quân Annam ta thấy đều lo buồn bối rối và thương tiếc vua nhì quá sức.

Lúc mười hai giờ trưa hôm ấy một người Annam là ông Ba-Bình đi xuống ngã nhà trường Đức cha, bây giờ là trường lớn Assomption đó, nghe tin phong phanh rằng đức ông Sômdệt Prạ Bămthun hiện thời đang ở tại dinh quan lãnh sự Hồng-mao, thì ông Ba-Bình liền mạo hiểm lên vào dò xem rõ ràng rồi mới bươn bả đi riết về thành tin cho ông Luăng Phlansả-hươn (trùm Thới) là thân phụ của ông ấy hay. Ông Luăng Thới bèn đem tin ấy trình với quan lớn Prạ Bănglư Chắt, thì ngài biểu ông Luăng hãy đi châu đức ông trước đi. Ông Luăng Thới đi đến toà lãnh sự Hồng-mao vô châu đức vua nhì ngự đó thì ngài lấy làm mừng và khen lắm. Bấy giờ vua tôi than thở ân cần, hột lụy tuôn rơi lả chả, thiệt là động lòng thấm thiết lắm. Vua nhì nghe qua việc vua nhứt sai quan đến dò xét

tại đền ngài thì ngài thở ra và lấy làm ghê-gớm thay cho những lời sàm tấu của bọn gian thần nịnh bót.

Đền dưới đức vua nhứt hay tin vua nhì xuất đền lánh nạn, rồi thời hơi có ăn năn, lại bị đức ông hoàng cả Sômdệt Cháo Phya Pră Hôprasat trách nũa, nên mới tự hối kiểm bề hoà giải. Đức vua nhì ở toà lãnh sự Hồng-mao thời có vị quan lớn kia là Phya-Phai-Burn đã tận tâm trung thành xuất của ra cung cấp cho vua nhì và các quan theo hầu ngài trú tại toà lãnh sự Hồng-mao ngọt hơn một tháng, tốn có bạc muôn.

Bấy giờ đức ông Sômdệt Cháo Phya Pră Hôprasat và các quan Hồng-mao và Langsa mới điều đình sự giải hoà hai vua và định tiền cung cấp rõ ràng cho hai vua vì trước kia thì hai vua xài tiền kho của nhà nước tự do và không phân biệt chi hết, thời nay công đồng nhà nước định lập quốc thể lại, khiến nước Xiêm chỉ có một vua nhứt kiêm quản cả và nước, còn vua nhì thời chỉ được hàm tước lộc và lương bổng phủ phê hữu hạn chớ không có quyền cai trị như xưa. Quan quân hầu hạ thời ăn lương nhà nước. Bình thường lính canh gác không đặng trọi quá số hai trăm người, khi hữu sự quan hệ thời được phép kêu lính thêm hạng, nhưng phải do hội đồng nghị định.

Còn công nghiệp quyền tước riêng của vua nhì đã lập nên thuở xưa dạng sao, thời nay vẫn vậy. Khi nào đền đức vua nhứt nhóm hội nghị, thời đức vua nhì phải dự hội giúp cho việc chung nhà nước. Đức ông hoàng cả Sômdệt Cháo Phya bàn tính với các quan như vậy, thời hai vua nhứt nhì và các quan lãnh sự ngoại quốc đều đồng ưng ký nhận. Hai vua liền giải hoà anh em hết giận và lại thân mật hơn trước nũa.

Các hàng quan quân và dân sự nước Xiêm đều vui mừng hơn hử. Quan quân Annam lại càng vui mừng hơn nũa, vì đức ông vua nhì nay đã khỏi nạn hoài nghi, anh em thuận

thảo, quyền lộc hiển vang như trước, nên họ đã kéo binh trời nhạc khởi hoàn đi rước cả hai đức vua về đền khánh hạ một cách long trọng vô cùng ! « Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhơn ! » thế mới biết là lòng trời hay thương giúp người trung hiếu là vậy !

Hai vua được thuận hao rồi, thì mấy vị nịnh thần như Phya Kasap, Phya Mahamônkri đều phải tiêu ra tro bụi mà đề tiếng nhớ đến muôn đời. Đức vua nhì Sômdệt Prạ Băngthun ngồi ngôi được mười tám năm. Trọn đời ngài đã trọng hậu dân Annam và đã làm cho đức vua anh là Sômdệt Prạ Chulachomklào, Rama V biết rõ tánh tình trung hậu của dân Annam mà hậu đãi dân Annam một cách đặc biệt lắm.

Đức vua Rama V yêu mến dân Annam chẳng khác gì đức ông Lữi-Đen xưa. Khi thiên hạ thái bình thì ngài ban cho quân lính Annam được đi làm ăn thông thả, đến kỳ lương bổng thời cũng cứ cấp cho đủ như là có mặt luôn tại đội ngũ vậy. Đức vua đã ban cho dân Annam được trọn quyền dân Xiêm như người bản quốc vậy. Ai giỏi thì cũng được làm quan và trọng dụng như người Xiêm, không phân biệt đen vàng như người phương tây. Đức vua hằng sắc bảo các ông hoàng tử con ngài và các quan Xiêm hãy biết công khó nhọc xưa mà yêu mến dân Annam là nòi giống rất trung tín hiếu nghĩa !

Có một lần kia các quan hội nghị định dời đất thánh Annam ở Sâm-sên đi, dựng mở một con đường mới từ đền vua ra tới bờ sông châu Phya Mếnám thời đức vua Rama V phán rằng : « Các má người năm đó là tôi dân trung nghĩa công thần của nhà nước Xiêm. Lúc bình sanh họ đã liều chết để lập công giúp việc cho các vị tiên đế ta, mà nhiều người chưa dựng nhà nước trả ơn cho, nay họ đã chết rồi, xác họ đã nhờ ơn các vị tiên đế ta ban cho theo đất năm đó cho an giấc ngàn

thu, thời nay ta có nữ nào mà đành làm kho cho di hài các người ấy đặng. Họ là tòi dân trung nghĩa của nhà nước Xiêm, của vua Xiêm và của dân Xiêm, kể có mấy đời rồi, nên trăm đời với họ, trăm vẫn có lòng yêu mến họ lắm. Trăm không có thể bức lòng cắt ruột đi mà hạ bút châu phê vào cái nghị định sẽ làm đau đớn tấm lòng hiếu tử của con cháu họ đặng ! » Nhờ lời của đức vua Rama V mà ông bà em được nằm an giấc nơi thánh địa đó tới nay. Đức vua Rama VI kế ngôi cho ngài cũng một lòng yêu mến dân Annam như thuở đức tiên đế vậy.

Nay đến đời kim trào đức vua Rama VII ngài cũng vẫn còn ghi nhớ những lời ký thác của đức tiên đế phụ hoàng ngài là đức vua Rama V, nên ngài hằng lưu tâm định rằng : hễ gặp dịp thời ngài sẽ ngự du qua đất nước ông bà em mà xem chơi cho biết cái đất nước xứ Việt ra làm sao, mà đã sanh sản ra được lắm người anh hùng chí sĩ làm vậy ! » Hiện thời quan Xiêm vẫn kính nể dân Annam và người Xiêm thì yêu mến người Annam ta hơn người các nước khác. »

Em nghe đến đây thời sanh lòng nghĩ ngợi, mới hỏi cô Kùlap Têrêxa rằng : « Chị nói người Annam ở đây đông lắm, sao mà em thấy chẳng mấy người qua lại làm vậy ? » Cô Kùlap Têrêxa liền đáp rằng :



— XVII —

Trai Chantaboun, gái Sám-sén, người Việt-Nam ;

Xin chớ quên câu « Vật vong tổ quốc ! »

« Chị xem chẳng thấy mấy người qua lại là vì họ nay ăn bận theo Xiêm và ở lẫn lộn với người Xiêm nên khó mà nhìn ra dạng, chớ số người Annam ở tại xóm Sám-Sén nầy thời dặng hơn một ngàn, còn ở các xóm khác tại kinh đô Bangkok như là xóm Kinh, xóm Hà-tiên, xóm nhà thờ Đức Bà, xóm nhà thờ Đức Cha, xóm nhà thờ Santa Crux vân vân ; thời đông lắm, nhưng không bằng các nơi khác như là Chantaboun, Bàn Pléna, Ban Són Phinón, Korat, Ubôn, NongSén, Phíchít, Lakonsakon.....

Nội một tỉnh Chantaboun không, thời số người Annam giữ đạo Thiên Chúa đã dặng hơn bốn ngàn người rồi ! Người Annam ta đến lập nghiệp ở Chantaboun lâu hơn ông bà em ở Bangkok. Nghe nói đâu họ qua ở đó từ đầu đời vua Trịnh-quốc-Anh phục quốc. Tuật sự thì họ là người tỉnh Hà-tiên, Rạch-giá và Phú-quốc qua làm ăn đó đã lâu.

Người Annam ở Chantaboun làm ăn nhiều nghề phong phú lắm, như là nghề dệt chiếu thời có thể ăn giải qua nghề dệt chiếu ở Càmau, Rạchgiá và nhiều nơi khác nữa. Chiếu nước Xiêm đã noi tiếng đẹp nhứt, khéo nhứt và bền nhứt toàn cầu là của người Annam Chantaboun dệt đó. Nghề làm cá biển và làm ruộng ở Chantaboun, thì dân Annam ta cũng

đã chiếm được phần hơn. Nghề thương mại thì họ buôn bán tiêu và ngọc thạch rubis. Về phần đạo thì họ Chantaboun thạnh lắm : hơn phân nửa số thầy cả người Phương-Đông ở nước Xiêm là người Annam Chantaboun.

Họ Sám-sên của em đây không chịu thua ai mà chỉ sợ thua họ Chantaboun lắm thôi. Phần đời họ làm quan cũng khá đông, nhưng không hơn nổi người họ Sám-Sên của em ! Hiện thời người Annam Sám-sên em làm quan văn đến chức Phya, chức Châu mừng và Amphơ. Làm quan võ nhiều vị đến chức quan tư, quan năm các ngạch binh bộ và binh thủy.

Người Annam Chantaboun nói tiếng Annam còn rõ lắm, nhiều người còn biết viết thơ nôm ân tình ngộ nghĩnh, chị có muốn xem, thì em lấy một cái thơ cho chị coi chơi ? » Em liền xin coi thử, thì cô Kùlap Têréxa đi lấy một tập thơ đưa cho em xem như vậy :

Thơ của cậu Chantaboun gửi cho nàng Sám-Sên.

«..... Làm thơ mà đưa cho môi, môi đưa cho đó, đó đưa đưa cho nàng ; gặp nhau từ thuở tháng kia, tháng nay muốn gặp, biết mà đặng không ?

« Trời chiều ngó mặt xuống sông, ngó sông, sông lộng, ngó trời, trời cao ! Lòng thương cũng muốn sang chào, cho nàng nghe liếng, cho nàng thần thơi. Đôi ta trời khéo xe dây, vái sao anh đặng ở gần xóm em. Xin đừng day gió, gió day, nhảy sang cây khác, anh thì hồ danh. Cây cao gió thổi càng lung, trèo lên thì khó, xuống thì bằng an. Phải chi có cánh như chim, bay lên thì đậu sợ mà té đầu ! Anh thì không mẹ, không cha ; lấy ai giúp đỡ, lấy ai khuyên lòng. Coi thơ chăm chỉ mà coi, coi rồi đừng có mà non yếu lòng. Cá buồn cá lội thắm vòm ; anh buồn chẳng biết nói bàn với ai ! Lòng anh giác thề lời thề, anh không làm thề như mây trên trời : phải luồng dòng gió rã rời, xuôi theo ngọn gió bở mà nói em ! Thân

anh như thê cây khô, trôi dạt khắp đó cũng là một nơi, thôi thôi anh nói hết lời, xin nàng sức khỏe ở đời bằng an. Hiu hiu gió thổi lá tranh, đọc rồi xin gửi cho anh vài lời .. !.

Em đọc bức thơ của người Chantaboun trên đây thì lấy làm lạ, vì không ngờ là người Annam lưu lạc qua Xiêm lâu đời rồi, mà còn nhớ lời giọng ân ái hữu tình như vậy !

Cất cờ em lại xin cô Kùlạp Têrêxa đọc thử một bức thơ của người Sám-sên trả lời lại làm sao nghe thử, thì cô Kùlạp Têrêxa đáp rằng : « Thơ ân tình kiêu đó, thì mấy chị em đây, không ai quen biết, nên không ai nhớ ; nhưng có bài thơ mẹ dạy con của má em dạy mấy chị em em học thuộc lòng rồi, nếu chị muốn nghe thì em biểu con em nhỏ của em nó đọc chị nghe ? » Em liền gục đầu ừ, thì cô Kùlạp Têrêxa biểu em út của cô là nàng Cúc Hoa Bêlêtua đọc thơ mẹ dạy con gái như vầy :

« Thơ mẹ dạy con gái.

« Thơ rằng thị nữ thông nô,

Làm thân con gái phải lo việc mình.

Khuyên con thì phải làm thính,

Bồn phận con giữ việc mình nét na ;

Trên thì cung kính mẹ cha,

Dưới thì cô bác gần xa cũng vì ;

Kẻ già bần khổ từ bi,

Khó già tuổi tác kính vì nương nương ;

Ở cho làng xóm yêu thương,

Kẻ khen, người ngợi đẹp lòng mẹ cha ;

Trước là dạy việc trong nhà,

Ở cùng cha mẹ thật thà thảo ngay ;

Dẫu mà lời đặng tiếng cay,

Làm thính lòng dạ con rày mới nên ;

Đêm khuya vắng vẻ tối trời,

Con đừng dời gót, ra nơi lê đình ;
E khi gian dữ nó rình,
Thấy con là gái, một mình lo âu ;
Nó toan lòng chó, dạ trâu,
Thân con là gái dễ đầu tiếng đồn ;
Ngủ thời quần áo chớ rời,
Đừng mê giấc ngủ, lửa bao tới mình ;
Đêm khuya động cửa đừng tin,
Dậy mà xem sóc, của mình ngoài trong ;
Xét xem cẩn thận an xong,
Rồi thì con hãy vào phòng nghỉ ngơi ;
Năm canh giấc ngủ chớ rời,
Đừng nằm giấc dựa các nơi chỗ ngoài ;
Trong nhà thầy tớ những trai,
Thấy con là gái, kê vai nằm cùng ;
Ngủ thì có chiếu, có mùng,
Đèn soi sẵn sóc, rần chun lộn vào ;
Rit giờ nó lộn vào chấn,
Mền mùng chiếu gối phải năng phơi hoai ;
Thức khuya dậy sớm chớ nài,
Sửa sang mọi sự hôm mai cho bền ;
Rạng đông nghe tiếng sùng` dền,
Khuyên con thức dậy, chớ quên bữa nào ;
Khoát màn, tóc bới vắn vang,
Mặt mày lau rửa tuôn phòng dòi ra ;
Tớ thầy lớn tiếng hê ha,
Con thì giục nó chớ la, chớ rầy ;
Mẹ cha còn ngủ trong nầy,
Đi thì nhẹ gót, chớ hề nặng chơn ;
Ấy vậy mới gọi gái thơm,
Gái là nên gái, hoa thơm sánh bằng ;

Bây giờ mẹ dạy nấu ăn,
Cơm thời nấng xới, mắm thời nấng sơ ;
Việc nấu ăn con chớ bỡ thờ,
Ăn cần chín chắn, bụi tro bay vào ;
Thịt gà nấu lộn bí đao,
Hành tiêu nước mắm gia vào cho thơm ;
Cá thì giống nó tanh hôi,
Ớt hành cho có rau thơm bỏ vào ;
Cách kho, cách nấu làm sao,
Một lần mẹ dạy, nỡ nào vụng thay ;
Thương con mẹ mới tỏ bày,
Sá chi thân mẹ đắng cay lòng già ;
Lỗi thì mẹ phải dạy la,
Con đừng cứng cỏi, người la chê cười ;
Tớ thấy nó cũng dễ người,
Thấy con là gái, nó bươi cùng làng ;
Ở cho đầy trí khôn ngoan,
Thương đừng cho biết, ghét đừng cho hay ;
Việc trong chớ khá tỏ bày,
Việc ngoài con giữ cho dày cho cao ;
Đừng cho thầy tớ nghe vào,
Ở cho nhiệm nhặt, nó mà biết đâu ;
Việc thì nhỏ mọn bằng sâu,
Đến tai kẻ khác, bằng trâu bằng bò ;
Trong nhà con chớ so đo,
Đừng cho thua sút để cho người cười ;
Trong nhà nhịn nhục mọi người,
Ngoài đàng đừng thua thiệt thì nàng mới ngoan ;
Vả may là việc của nàng,
Tập tành cho biết, mới an lòng già ;
Áo quần cha mẹ trong nhà,

Hòng khi rách rưới nó dà lang thang,
Giúp cha đỡ mẹ mới an,
Đừng theo những đứa đứng dằng, con ôi ;
Việc trong mẹ dạy chưa rồi,
Mẹ già hơi yếu, dễ ngồi dặng đầu ;
Con dà có trí trên đầu,
Có người dạy dỗ, con hầu nghe theo ;
Trách nời có chó phải treo,
Có mèo phải dặng, việc này con lo ;
Việc ngoài rồi mẹ dạy cho,
Việc trong cần kẻ dặn dò trước sau ;
Nghĩ thôi ruột mẹ quặng đau,
Con thì chớ khá dỗi trau đêm ngày ;
Tốt là : tốt mặt, tốt mày,
Tốt lòng, tốt dạ, đêm ngày thanh hoa ;
Khuyên con khi khách tới nhà,
Trầu bung, miệng rước, chào thưa dịu dàng ;
Khách rằng : mới hỏi mẹ nằng đi đâu ?
Nàng rằng : mẹ tôi mắc việc người dà mới đi.
Thưa bà đi có việc chi,
Dữ lành, gấp huân, mẹ tôi chưa về.
Bà liền ghé lại dựa kê,
Bà đi có việc, mẹ về con thưa. »

Em nghe đọc rồi bài thơ, thì lấy làm cảm phục và mến yêu mấy mẹ con cô Kùlap Têrêxa lắm. Mẫu tử tình thâm ; thế mới biết là mẹ thương con trăm đường chỉ muốn cho con nên cả hồn cả xác, cả trong và cả ngoài. Người Annam cũ dạy con như vậy đó, có phải chăng ? Nếu phải, thì em thiết tưởng ai là Annam mới cũng nên học lấy mà bắt chước.

Lúc cô Cúc-Hoa Bêthêtua đọc thơ cho em nghe thì cô Kùlap Têrêxa đi dọn cơm hời nào rồi bung lên, thì vừa tới

câu cuối của bài thơ mẹ dạy con gái, má cô Kù Lạp bèn mời em lại dùng bữa cơm chiều nữa ; em từ chối không dặng, nên phải ngồi vào bàn với họ. Bữa cơm ấy tuy đơn sơ mà sự ngọt ngào mĩ vị cùng là vui vẻ sánh dường đại yến của các bà công chúa thành Bagdad thuở trước ! Trong bữa ăn, thì chị em cô Kù Lạp Tê rê xa nói cười vui vẻ quá sức, trong các câu chuyện thì em rút lại một ý luận về sự di dân Nam-Việt ra ngoài quốc như vậy :

« Cứ như tình cảnh và thế lực người Annam ta ngụ ở nước Xiêm ngày nay thì em tưởng rằng : Dân Annam ta mà muốn cho dặng mau dặng tấn bộ kịp người các nước, thì nên xuất dương du học và thương mại ; chẳng những là sang nước Langsa, nước Xiêm mà đủ ; mà ta còn phải phiêu lưu khắp cả hoàn cầu, nước nào văn minh đức hạnh thì ta hãy tìm đến mà học sự khôn ngoan đạo đức của người. Ta đã có chí muốn học sự khôn ngoan để về mưu sự hạnh phúc cho quê nhà ; thì ta cứ mạo hiểm băng ngàn lợi biển mà đi cho tới nước này nước kia. Nếu ta có tiền có bạc thì ta đi buôn bán hay là học tập các khoa, các nghề ở xứ người cho thông cho thạo. Nếu ta không tiền không của, thì ta tới xứ người hãy chịu khó bôi mặt làm hề, hay là chịu dấm ăn xôi, bất luận là công việc gì có thể làm dặng, thì ta cứ chịu khó nhọc mà làm để độ khâu, sống ở nước người mà học lấy cái khôn sự khéo của người cho tài cho giỏi. Nếu ta ở nước ngoài mà đông đảo thế lực như người Chêc, người Chà ở nước Xiêm, nước Việt, hay là như người Âu châu ở khắp các nước thế gian ; thì sự ích lợi cho quê hương dòng giống ta, không còn có sự chi sánh dặng nữa.

Nam hơn chi chí tứ hải giao du, đó là lời thánh hiền đã dạy, vậy ai là trai Nam-Việt, ai là gái Rông-Tiên thì hãy rán sức mà qua chơi thử nước người, thì sẽ thấy đều ngu sự đại

của đồng bang ta còn chông chất như núi, như non, như biển, như cát ! ở đâu thì em chả rõ, chớ như ở bên nước Xiêm này, thời em coi thế lực của người Annam không phải là nhỏ là hèn vậy ! Phần đạo thì người Annam ở nước Xiêm đã chiếm được giải nhứt rồi. Cái số ba chục đấng linh mục người Annam với cái nhà phước R.T.T.T. kia có gần một trăm bà nữ tu Nam-Việt đêm ngày hằng nguyện cầu cho Xiêm Việt hai nước được nhìn biết Chúa và được thái bình tự do, thời chắc sao ơn Chúa cũng sẽ tuôn xuống khắp cả mọi người. Dân Việt và nước Việt nhờ lời cầu nguyện thời sẽ được che chở phò hộ như nguyện mà chớ !

Em ao ước sao đặng người Annam đạo hạnh qua ngụ ở xóm Sám-sên này càng ngày càng đông ; mở mang họ đạo Sám-sên ra càng ngày càng lớn ; thời quý biết dường nào ! Ước gì mấy người Annam ở Sám-sên, Chantaboun, Ban Plêna, Nong-sên v. v.... lại đồng lòng hoài cồ, nhớ đến dòng họ tổ tông ông bà xứ sở, mà về thăm quê nhà một phen rồi liệu thế kết thân cho con trai Nam-Việt mới qua cưới con gái Việt-Nam cũ và đổi ngược lại cho con trai Việt-Nam cũ cưới con gái Nam-Việt mới, qua qua, lại lại cho liên tiếp, thời mới cũ khỏi phải mang tiếng phụ lòng nhau và nhờ cách này, thời người Annam ở nước Xiêm đời đời vẫn giữ được nòi giống con Rồng cháu Tiên ; thì nước Annam sẽ ra mạnh mẽ và khôn khéo như người Âu-Mỹ mà chớ !

Nếu dân Annam mà khôn, thời người Pháp cũng đỡ tốn công dạy dỗ, thì là ích lợi chung cho cả hai nước Pháp Việt. Em về tới quê nhà rồi, thì sao sao cũng sẽ bàn tính với đồng bang Nam-Việt mà xui giục họ qua du lịch và qua làm ăn ở nước Xiêm như là ông bà của mấy chị vậy. Nhưng em sợ họ qua đây chun ướt chun ráo, bợ nợ thì biết cậy nhờ vào ai đặng... ! »

Cô Kùlạp Têrêxa liền đáp rằng : « xin chị chớ lo việc ấy, kia người Chêc họ qua đây hai bàn tay trắng, không vợ, nỡ con, chẳng bà, không cháu, thế mà họ còn không sợ, đã muốn qua làm ăn, thì cứ qua ; nên họ qua mỗi ngày kể có hằng năm bảy trăm người.

Hiện thời người Chêc ở nước Xiêm có hơn hai triệu người, mà họ cứ qua hoài, qua hũy, qua bao nhiêu nhập dân Xiêm bấy nhiêu, khiến dân số Xiêm nay tăng lên quá mười một triệu người là nhờ đó. Vua Xiêm và nhà nước Xiêm định thâu dụng người Chêc, người Nam làm dân họ, nên qua bao nhiêu họ đều vui lòng rước nhận cả. Song đã qua Xiêm thì phải lo làm ăn chí thú và an cư lạc nghiệp, không nên sanh sự lôi thôi mới dặng. Nếu đồng bang ta qua đây thì dân Annam cũ ta cũng sẽ vui lòng tiếp nhận nuôi nấng chỉ bảo và giúp đỡ cho như người Chêc vậy.

Xin chị Lầy về bên Annam rủ qua thử lấy vài ngàn người xem. Nếu qua đây mà phải thất bại hết hũy, thì chị cứ đem em ra mà hành hình bá đao lạng trỉ chi chi thời em cũng chịu bết, vì em chắc rằng người Annam cũ dòng giống em đây sẽ vui lòng giúp đỡ cho dòng giống Annam ở đất nước ông bà mới lại được mĩ mãn chẳng sai. Xin đồng bang ta đã định di dân qua làm ăn ở xứ Xiêm, thời phải có tánh hạnh tốt, ý tứ cao thượng, tâm tình ngay thẳng, siêng năng và biết làm việc nọ kia có thể nuôi được lỗ miệng dặng thì cứ xin đủ giấy tờ quá bãi mà qua đóng mấy thiên mấy vạn, cũng dặng hết. Người Xiêm sẽ vui lòng mà nhận, người Annam cũ sẽ vui lòng mà tiếp đãi, giúp đỡ như là thân bằng quý hữu vậy. »

Em nghe cô Kùlạp Têrêxa nói cách mạnh mẽ và thân ái như vậy, thì em lấy làm trông cậy và vui lòng quá sức. Em dùng cơm rồi ngồi nói chuyện chơi một lát nữa rồi em mới từ giã mấy chị em cô Kùlạp Têrêxa và cảm ơn má cô ấy mà trở về

nhà lữ quán. Lúc phân nhau ra về : kẻ ở, người đi, quyến luyến bịn rịn, thiệt là thảm thiết !

Khi xe em gần chạy, thì cô Kù Lạp Tê rê xa đưa cho em một cái khăn lụa vàng thêu mà nói rằng : « Chị già mấy em mà đi về đất nước ông bà, em không có chi tặng chị để làm dấu tích, vậy em xin chị nhận tấm khăn lụa vàng này là của em dệt ra và thêu bốn chữ Annam « Vật vong tổ quốc » là bốn chữ khẩu hiệu của ông bà em đã in sâu vào lòng trí các em ở đây ! »

Em liền tiếp lấy tấm khăn và tạ ơn cô Kù Lạp Tê rê xa, nhưng không biết lấy vật gì mà đòi lại cho cô ấy để làm kỷ niệm, nên phải tạm rút cây kim găm cổ hình con chim quốc đậu trên nhánh hoa vòng bằng vàng đưa cho cô Kù Lạp và nói rằng : « Chị Kù Lạp ơi, chị đã cho em cái khăn lụa vàng thêu bốn chữ « Vật vong tổ quốc » thời em cũng xin dâng cho chị cây kim hình con chim quốc đậu nhánh hoa vòng là dấu hiệu của má em dạy em đêm ngày phải một lòng thắm đổ như hoa vòng mà nhớ đến con chim kêu nước... ! xin chị hãy cất lấy của này đừng nhớ khi chị nghe tiếng con chim quốc ấy là tiếng của hồn em bay đến tai chị đó ; thôi thôi già bà cùng mấy chị ở lại bằng an..... ! » Nói dứt câu thì xe quay máy chạy riết... !

Em về đến lữ quán thay áo quần rồi nhảy lên giường nằm nghỉ, nhưng không sao nhắm mắt choặng, vì lòng trí em nó hằng nhớ đến cô Kù Lạp, cô Dara, cô Sara, và cô Bết bếtua ở Sám-sẻn chẳng có khi quên ! Biết bao giờ em mới lại gặp chị em cô Kù Lạp mà nói cho xong câu chuyện « một trăm năm đất khách quê người ?

CHUNG,



Đếm số và tiền bạc.

Một	nưng
Hai	són
Ba	sản
Bốn	si
Năm	hà
Sáu	hột
Bảy	chệt
Tám	bệt
Chín	káo
Mười	sịp
Hai mươi	dì sịp
Trăm	roi
Ngàn	phan
Vạn	mưn
Úc	sẻn
Triệu	lân
Đồng bạc	liên (hay là) bặt
Giấy bạc	ngơn chì
Đồng xu	sa tăng
Góc tư (hai cắt rưỡi)	sà lửng nưng
Năm cắt (50 sa tăng)	són sà lửng
Năm xu	hà sa tăng
Một cắt	sịp sa tăng
Bạc	ngơn
Vàng	Thon
Ngọc	Phệt



BỀM SỔ VÀ TIỀN BẠC.

Một	nuang
Hai	sổn
Ba	sản
Bốn	si
Năm	hả
Sáu	hội
Bảy	chội
Tám	hội
Chín	káo
Mười	sjp
Hai mươi	đi sjp

IMPRIMERIE DE QUINHON

Ngày 1-8-30

Vạn

Ưc

Triệu

Bông bạc liên (hay là) bạc

Giấy bạc

Bông xu

Góc tư (hai cái một) sá lạng nuang

Năm chỉ (đờ sá lạng) sỏ sá lạng

Năm xu

Một chỉ

Bạc

Vàng

Ngọc

Phật



